



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Phát hành vào đầu mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh

Đại đức Thích Thiện Minh

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh

Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Lê Hiền Anh Tân

ĐT: 0909027777

QUẢNG CÁO

Liên hệ: Nguyễn Thị Thùy Linh

ĐT: 0933773366

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang

171/10 Quốc Lộ 1A, P.Bình Chiểu,

Q.Thủ Đức, TP. HCM

ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370

Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT

ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng

100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

Ảnh bìa 1: HT Thiện Tâm (bìa trái) và HT Danh Nhượng trong buổi lễ nhận
tước hiệu cao quý tại Myanmar

Trong số này

* Lời tòa soạn

02

1. TIÊU ĐIỂM

- Lễ tưởng niệm lần thứ 27 HT. Thích Trí Thủ đệ nhất Chủ tịch HĐTS GHPGVN - giaohophatgiaovietnam.vn **05**
- Kinh nghiệm GD của PG Thái Lan - HT. Thiện Tâm **08**

2. KINH TẠNG

- Kinh Thừa tự pháp - HT. Thích Minh Châu **11**

3. LUẬT TẠNG

- Bốn pháp dung hòa - HT. Bửu Chơn **12**
- Nội quy Ban tăng sự TW **13**

4. THIỀN HỌC

- Thiền sư Ajahn Chah - TK. Thiện Minh
- Cách chữa trị Hoài nghi - Như Trí

5. LUẬN TẠNG

- Tìm hiểu Pháp chế định - Đức Tài **18**

6. SUY NGẪM

- Học làm người - Liên Đạt sưu tầm **20**

7. ĐỐI THOẠI

- PV các thành viên trong BTC HTHP - Chơn Minh **21**
- Phỏng vấn HT Thiện Tâm - PVPNGT **24**

8. VĂN HÓA

- Ngôi chùa trong cộng đồng cư dân Khmer - Hồng Loan **26**
- Hoảng pháp vùng sâu vùng xa - TN Đạt Liên **28**

9. VĂN THƠ

- Một chuyên gia nghệ thuật - TK. Giới Đức **31**
- Suy nghiệm về sự chứng ngộ đạo thiền của Trần Thái Tông - TS. Thích Phước Đạt **34**
- Cảm tưởng dự lễ - Thanh Thảo **36**
- Bất khổ - Phong Vũ **38**
- Chúng con lại về - Quân Tuấn Ngụ **39**
- Nắm mồ chung - Tâm Uyên **39**
- Bồ Đề - Hiền Khánh (Hoa Huệ) **40**
- Tự ngắm - Ái Minh **40**



10. VĂN HỌC PĀLI

- Đại hội kết tập kinh điển lần thứ 6 - TK. Suvijjo **41**
- Trưởng lão A Nhã Kiều Trần Như - TK. Định Phúc **42**
- Câu hỏi về sự chứng ngộ Niết bàn - TK. Indacanda **46**

11. PHẬT GIÁO BỐN PHƯƠNG

- Giáo Dục thế hệ trẻ sống theo lời Phật dạy - TSGD. Nguyễn Thanh Thiện **48**

12. TRI ÂN

- Con đường Sunanda - Abhi Jotika **50**
- Cha tôi - Trần Thị Bích Vân **51**

13. ẨM THỰC DƯỢC THẢO

- Những phương thuốc dân gian - Đăng Lan **52**

14. CHÙA THÁP

- Lược sử chùa Munirensây - HT Đào Như **54**

15. PHÁP LUẬT

- Tìm hiểu luật thừa kế - Cty luật Thiện Việt **56**

16. THEO DÒNG

- HT Danh Nhường đón nhận tước hiệu - PV PGNT **57**
- Tưởng niệm GS Trần Phương Lan - PV PGNT **58**
- Lễ khánh thành và kết giới Sima chùa Munirensây - Trần Khánh Linh **59**

Lời Tòa Soạn

Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy đến nay đã xuất bản được 7 số. Tuy mới ra đời nhưng nhờ sự nỗ lực của Ban Biên tập và nhân viên Tòa soạn, sự nhiệt tình hưởng ứng của độc giả gần xa, sự quan tâm giúp đỡ của các cơ quan chức năng, chính quyền và Giáo hội, sự hoan hỷ tham gia viết bài của chư Tôn đức Tăng ni, các trí thức học giả, cộng tác viên và chư Phật tử phát tâm hùn phước làm pháp thí nên Tạp chí đang từng bước ổn định và được nhiều độc giả hoan nghênh, đồng viên khích lệ và chân tình góp ý xây dựng.

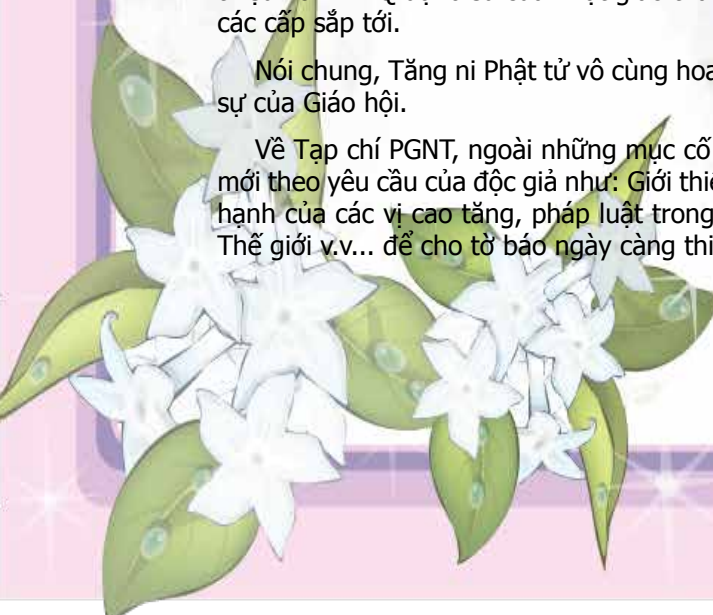
Với ý thức luôn trung thành với tôn chỉ và mục đích của Tạp chí, nên thời gian qua Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy (TCPGNT) đã phản ánh những thành tựu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) trên mọi lãnh vực hoạt động và các truyền thống hệ phái trong nước và quốc tế như: Tăng sự, Hoằng pháp, Giáo dục, Văn hóa, Từ thiện, Phật giáo Quốc tế v.v...; giới thiệu những bài viết có lợi ích thiết thực qua kinh nghiệm thực hành giáo Pháp, nhất là thiền định, theo truyền thống Nguyên thủy (Pāli) kết hợp hài hòa với những nghiên cứu giá trị của chư Tôn đức Giáo phẩm uyên thâm Phật học trong Giáo hội, những bài viết, biên soạn, dịch thuật thơ văn, y học, gương điển hình, kinh nghiệm trong hoằng pháp, giáo dục, tu học của Tăng ni Phật tử hoặc giới thiệu danh lam thắng tích Phật giáo, trong và ngoài nước. Nhờ vậy mà 6 số vừa qua đã được Tăng, Ni Phật tử xa gần hoan hỷ tán dương, ủng hộ và trở thành độc giả thường xuyên của Tạp chí.

Hoan hỷ trước thành công của Đại hội Đảng bộ các cấp vừa qua, nhất là Đại hội Đảng Toàn quốc lần thứ XI đã thành công tốt đẹp, Tăng ni Phật tử cả nước càng thêm vui mừng về những thành tựu một số Phật sự của Giáo hội đã thực hiện như: Tổ chức thành công Hội thảo Hoằng pháp Toàn quốc năm 2011 tại tỉnh Bình Dương; tổ chức thành công Hội thảo Quốc tế Đại sư Khuông Việt tại Hà Nội; Chính phủ và Phật giáo Myanmar trao tặng tước hiệu cao quý cho các vị Tôn túc Giáo phẩm của Phật giáo Việt Nam như HT Danh Nhưộng và HT Thiện Tâm; đoàn Phật giáo người Hoa từ một số nước đến thăm hữu nghị Phật giáo Việt Nam; một số tỉnh thành tổ chức Đại hội để chuẩn bị tiến đến Đại hội Phật giáo Toàn quốc lần thứ VII; tổ chức lễ cầu an cầu siêu và tích cực vận động Tăng ni Phật tử ủng hộ nhân dân Nhật Bản và Myanmar bị động đất và sóng thần v.v... Về chương trình hoạt động Phật sự sắp tới, Giáo hội đã ra thông bạch và kế hoạch tổ chức kỷ niệm 30 năm ngày thành lập GHPGVN, thông bạch và kế hoạch tổ chức An cư Kiết hạ và Đại lễ Phật đản PL 2555, thống kê tự viện Tăng ni; cấp thẻ tín đồ cho Phật tử trên cả nước. Trước mắt, Tăng ni và Phật tử đang cùng với cử tri cả nước tích cực thực hiện quyền công dân hưởng ứng tham gia cuộc bầu cử Quốc hội, Đại biểu HĐND... Qua hiệp thương Giáo hội từ Trung ương đến địa phương đã và đang giới thiệu với MTTQ đại biểu của Phật giáo tham gia ứng cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu HĐND các cấp sắp tới.

Nói chung, Tăng ni Phật tử vô cùng hoan hỷ trước những thành tựu của Đất nước và Phật sự của Giáo hội.

Về Tạp chí PGNT, ngoài những mục cố định, Ban Biên tập tăng thêm những chuyên mục mới theo yêu cầu của độc giả như: Giới thiệu danh lam thắng tích Phật giáo, cuộc đời và công hạnh của các vị cao tăng, pháp luật trong đời sống, Phật giáo tại các nước Đông Nam Á và Thế giới v.v... để cho tờ báo ngày càng thiết thực, phong phú và hữu ích cho mọi độc giả.

Tạp chí Phật Giáo Nguyên Thủy





Lễ Tưởng Niệm Lần Thứ 27 Đại Lão Hoà Thượng Thích Trí Thủ Đệ Nhất Chủ tịch HĐTS GHPGVN Viên Tịch

Tin: giaohoi-phatgiaovietnam.vn

Vào lúc 8 giờ ngày 3 tháng 4 năm 2011 (01/3/Tân Mão), tại Văn phòng 2 Trung ương, Giáo hội Phật giáo Việt Nam trọng thể tổ chức Lễ tưởng niệm lần thứ 27 ngày viên tịch của cố Đại lão Hòa thượng Thích Trí Thủ - Đệ nhất Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nguyên Viện trưởng Viện Hoá đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất; hiệp kỵ chư Tôn tiền bối Phật giáo hữu công, chư Tôn đức Hội đồng Trị sự viên tịch.

Đến tham dự có HT. Thích Đức Nghiệp – Phó Thư ký HĐCM GHPGVN; HT. Thích Hiên Tu, HT. Thích Giác Tường – Thành viên HĐCM; HT. Thích Thiện Nhơn – Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS; HT. Thích Giác Toàn – Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Kinh tế Tài chánh TW; HT. Thích Thiện Pháp – Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh văn phòng 2 TWGH; HT. Thích Thiện Tánh – Ủy viên Kiểm soát HĐTS, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh; chư Tôn giáo phẩm HĐTS, ông Trần Ngọc Phong – Phó Ban Dân vận Thành uỷ; ông Huỳnh Ngọc Thành – Phó Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo – Dân tộc Tp. Hồ Chí Minh, các Ban viện Trung ương, Ban Trị sự Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh và 24 Ban Đại diện Phật giáo quận, huyện, Ban Giám hiệu các trường Phật học; chư Tôn đức Tăng Ni trụ trì các Tự viện, Tăng Ni các trường Phật học tại Tp. Hồ Chí Minh và môn nhơn đệ tử của Hoà thượng, cùng đông đảo Phật tử tham dự.

Được biết sau khi hoà bình lập lại, thực hiện nguyện vọng thống nhất Phật giáo Việt Nam, chư Tôn giáo phẩm các tổ chức, hệ phái Phật giáo Việt Nam. Năm 1980, chư Tôn giáo phẩm cùng nhau thành lập Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam, Hòa thượng Thích Trí Thủ - Viện trưởng Viện Hoá đạo GHPGVNTN được cung thỉnh đảm nhiệm



**Hòa thượng Thích Trí Thủ
(1909 - 1984)**

cương vị Trưởng Ban Vận động thống nhất Phật giáo. Năm 1981, tại chùa Quán Sứ - Hà Nội, Hội nghị Đại biểu được tiến hành và Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập, Hòa thượng Thích Trí Thủ được toàn thể đại biểu suy cử đảm nhiệm cương vị Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Thuận thế vô thường, vào lúc 21 giờ 45 phút ngày 2 tháng 4 năm 1984 (tức ngày 02 tháng 3 năm Giáp Tý), Đại lão Hòa thượng Thích Trí Thủ - Chủ tịch HĐTS GHPGVN hoá duyên đã mãn, thu thần viên tịch tại Tự viện Quảng Hương Già Lam để lại bao niềm kính tiếc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước.

Để ôn lại công đức và sự nghiệp của Đại lão Hòa thượng Thích Trí Thủ đã đóng góp cho đạo pháp, dân tộc, tại Lễ tưởng niệm, HT. Thích Thiện Nhơn cung tuyên Tiểu sử Đại lão Hòa thượng Thích Trí Thủ:

"Hòa thượng họ Nguyễn, húy Văn Kính, pháp danh Tâm Như, tự Đạo Giám, hiệu Thích Trí Thủ. Hòa thượng sinh ngày 19.9 năm Kỷ Dậu, tức ngày 01 tháng 11 năm 1909, tại làng Trung Kiên, tổng Bích La, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.



Chư Tôn giáo phẩm và quý quan khách niệm hương tưởng niệm

Thân phụ là cụ Nguyễn Hưng Nghĩa, thân mẫu là cụ bà Lê Thị Chiêu, cả hai cụ thân sinh đều thuộc gia đình nhiều đời tin Phật.

Hòa thượng là con trưởng trong gia đình có 3 anh em, 2 trai và 1 gái. Năm lên 7 tuổi, Hòa thượng bắt đầu học chữ Hán, năm lên 9 tuổi Hòa thượng được vào học trường làng.

Vốn có sẵn hạt giống Bồ Đề, túc duyên Phật Pháp, năm 14 tuổi, Hòa thượng đã vào học kinh ở chùa Hải Đức – Huế. Năm lên 17 tuổi, Hòa thượng thực thụ xuất gia, đầu sư với Hòa thượng Thích Viên Thành tại chùa Tra Am - Huế, được ban pháp danh Tâm Như, pháp tự Đạo Giám và trực tiếp thụ học với Bốn sư.

Năm 20 tuổi, Hòa thượng được Bốn sư cho vào giới đàn chùa Từ Vân ở Đà Nẵng thụ giới cụ túc. Tại giới đàn này, Hòa thượng đã trúng tuyển thủ Sa di trong số 300 giới tử.

Qua hai năm cư tang Bốn sư tại chùa Tra Am, năm 23 tuổi Hòa thượng đã cùng các pháp lữ vào chùa Thập Tháp, Bình Định tham học với Hòa thượng Phước Huệ.

Sau khi học xong chương trình Trung học Phật giáo, Hòa thượng làm giáo thụ dạy Trường Phật học Phổ Thiên - Đà Nẵng. Vì chưa thỏa lòng cầu pháp, sau Hòa thượng lại trở ra Huế, cùng các Pháp hữu đã đồng học ở Thập Tháp ngày trước, tổ chức trường Phật học tại chùa Tây Thiên, rồi cung thỉnh Tăng cang Giác Nhiên chùa Thuyền Tôn làm Hiệu trưởng, Hòa thượng Phước Huệ chùa Thập Tháp làm Đốc giáo dạy nội điển, đồng thời mời các cư sĩ như Bác sĩ Lê Đình Thám dạy Luận học, các cụ Nguyễn Khoa Toàn, Cao Xuân Huy v.v... dạy các môn về văn hóa theo trình độ Đại học Phật giáo cũng như văn hóa.

Trong thời gian này, Hòa thượng làm giảng sư Hội Phật học Huế, dạy lớp Trung Đẳng Phật học tại chùa Tây Thiên và trường Tiểu học Phật giáo tại chùa Báo Quốc.

Năm 39 tuổi (1938), sau khi tốt nghiệp trường Phật học

Tây Thiên, Hòa thượng về trú trì Tổ đình Ba La Mật, nhưng vẫn tiếp tục công việc giảng dạy cho Hội Phật học và các Trường Phật học. Năm 1939 Ni trường được thành lập tại chùa Từ Đàm, Hội đã giao cho Hòa thượng chịu trách nhiệm quản lý và đào tạo. Đây là cơ sở Ni bộ đầu tiên được thành hình. Năm 1940, Hòa thượng trùng tu Tổ đình Ba La Mật. Năm 1941, Hòa thượng cũng chủ trương cho Tăng học văn hóa. Chính Hòa thượng đích thân dẫn Tăng sinh đầu tiên đi dự thi Tiểu học. Việc Tăng sinh học văn hóa và thi lấy bằng cấp ngoài đời đã gây chấn động không ít trong số người chủ trương đào tạo Tăng sinh theo nề nếp cũ.

Năm 1945, Cách mạng Tháng Tám bùng nổ, trên cương vị Trị sự Sơn Môn Thừa Thiên, Hòa thượng đã cùng các vị khác lập Hội Phật giáo cứu quốc Trung bộ, chủ trương tờ Nguyệt san Giải thoát, làm cơ quan tuyên truyền của Hội Phật giáo cứu quốc Trung Bộ. Hòa thượng đắc cử Hội đồng Nhân dân Thừa Thiên và được Chính quyền Cách mạng mời đến Trung bộ phủ giao quyền sắp đặt lại chùa chiền, hủy bỏ chế độ chùa vua do phong kiến đặt. Năm 1948, để sự nghiệp đào tạo Tăng tài có điều kiện phát triển, đẩy mạnh phong trào chấn hưng Phật giáo, Hòa thượng hội ý với chư Tôn Hòa thượng trong Giáo hội Tăng già Thừa Thiên, dời trường Sơn Môn Phật học từ chùa Linh Quang sang chùa Báo Quốc lấy tên là Phật học Đường – sau đổi thành Phật học Viện Báo Quốc, Hòa thượng được đề cử làm Hiệu trưởng. Từ đó về sau, trong các thập niên 50, 60, 70 Phật học Viện Báo Quốc từng là nơi phát xuất nhiều Tăng sĩ lỗi lạc, đảm đương nhiều trọng trách trong phong trào chấn hưng Phật giáo, cũng như trong năm này Hòa thượng mở Đại giới đàn tại chùa Báo Quốc và làm chủ đàn. Tại giới



Chư Tôn giáo phẩm và quý quan khách tham dự

đàn này, Hòa thượng đã phục hồi ý nghĩa của thất chúng, phân chia riêng Tăng Ni hai bộ, Tăng độ cho Tăng, Ni độ cho Ni.

Năm 1951, trong chức vụ Hội trưởng Hội Việt Nam Phật học Trung phần, trong hệ thống Tổng Hội Phật giáo Việt Nam của 6 tập đoàn Phật giáo Bắc, Trung, Nam, đứng đầu là Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Hội chủ, Hòa thượng đặt viên đá đầu tiên xây dựng trường Tiểu học tư thực Bồ Đề tại Thành Nội Huế, mở đầu mạng lưới giáo dục Tư thực Bồ Đề của Phật giáo.

Năm 1952, Hòa thượng tạm nghỉ việc Hội, chuyên tâm vào việc giáo dục Tăng sinh ở Phật học đường Báo Quốc. Cuối năm 1956, Phật học Viện Trung phần thành lập tại Nha Trang, Hòa thượng được cung thỉnh làm Giám viện. Năm 1957, thấy đa số Tăng Ni các Phật học viện đã đến tuổi thụ giới, Hòa thượng cho mở giới đàn và làm chủ đàn.

Để ổn định kinh tế tự túc cho Phật học viện, Hòa thượng đã cho một số Tăng sinh vào Sài Gòn học riêng các môn khoa học chế biến, sau đó mở hăng sản xuất nước tương, hương đèn, giấm ăn, xà phòng v.v... tất cả đều do sức lao động của học Tăng và Phật tử đảm đương. Hầu hết học Tăng Phật học viện đều được Hòa thượng cho học song song hai chương trình. Nhờ hướng đào tạo đó mà nơi đây là nguồn cung cấp liên tục các Chánh đại diện Giáo hội các tỉnh, quận, giảng sư, trú trì, hiệu trưởng, giám học các trường Bồ Đề, quản lý nhà in, nhà phát hành kinh sách khắp miền Trung và về sau một số đã trở thành giảng sư, giáo sư đại học, nói

chung là các ngành văn hóa giáo dục phục vụ đạo, đời.

Năm 1960, Hòa thượng tạo mãi khu vườn ở Gò Vấp khai sơn Tự viện Quảng Hương Già Lam. Năm 1962, Hòa thượng dẫn đầu phái đoàn Phật giáo Việt Nam tại miền Nam tham dự Đại lễ thế giới kỷ niệm 2500 năm Đức Phật nhập Niết bàn, tại Lào.

Phật đàn năm 1963 bắt đầu thời Pháp nạn. Bấy giờ Hòa thượng về Huế, rồi ở đó cùng các vị lãnh đạo Phật giáo, hướng dẫn phong trào đấu tranh bảo vệ Đạo pháp và Dân tộc cho đến khi bị

chính quyền Diệm bắt giam giữ tại Huế rồi đưa vào Sài Gòn. Qua cơn pháp nạn, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất ra đời, thành lập với 11 đoàn thể các hệ phái Phật giáo toàn miền Nam, Hòa thượng được bầu vào Ban Dự thảo Hiến chương Giáo hội, và trong nhiệm kỳ đầu Hòa thượng giữ nhiệm vụ Tổng vụ trưởng Tổng vụ Hoằng pháp. Công việc hoằng pháp và giáo dục Tăng Ni là mối quan tâm hàng đầu và quan tâm suốt đời của Hòa thượng. Trong nhiệm vụ và vai trò đó, Hòa thượng đã mở 3 Đại hội Hoằng pháp, một tổ chức tại Phật học viện Nha Trang, một tổ chức tại chùa Xá Lợi, Sài Gòn và một tại chùa Ấn Quang – Chợ Lớn. Mọi hoạt động và thành tích hoằng pháp của Hòa thượng được tổng kết ghi lại trong ba tập kỷ yếu Đại hội. Hòa thượng còn thành lập giảng sư đoàn và cắt cử mỗi vị phụ trách một tỉnh để diễn giảng Phật pháp cho tín đồ. Trong thời gian này Hòa thượng cũng đã thành lập Phật học viện Phổ Đà – Đà Nẵng.

Năm 1964, Hòa thượng làm Viện trưởng Viện Cao đẳng Phật học thành lập tại chùa Pháp Hội – Sài Gòn. Đây chính là tiền thân của Viện Đại học Vạn Hạnh. Hòa thượng còn chủ trương các tập san như Tin Phật, Bát Nhã để gióng lên cho đời tiếng nói của Pháp âm. Năm 1965, sau khi ổn định mọi Phật sự, Hòa thượng hành hương chiêm bái các danh lam Phật tích ở Nhật Bản, Nam Triều Tiên, Đài Loan, Hồng Kông, giao thiệp với nhiều danh Tăng các nước.

Sau thời kỳ làm Tổng vụ Trưởng Tổng vụ Hoằng pháp, Hòa thượng lại được Giáo hội trao giữ nhiệm

vụ Tổng vụ Trưởng Tổng vụ tài chánh. Năm 1968, Hòa thượng được Giáo hội Phật Giáo Việt Nam thống nhất, chính thức tấn phong lên ngôi vị Hòa thượng. Cũng năm này, Hòa thượng khai giới đàn tại Phật học viện Nha Trang. Năm 1969, đại trùng tu Tổ đình Báo Quốc. Năm 1970, mở lớp trung đẳng II Chuyên khoa tại Phật học viện Trung phần – Nha Trang. Năm 1974, thành lập Viện Cao đẳng Phật học Nha Trang.

Từ Đại hội Giáo hội Phật Giáo Việt Nam thống nhất kỳ 5 và kỳ 6, Hòa thượng giữ chức vụ Viện trưởng Viện Hóa Đạo, đến năm 1975 đảm nhiệm thêm công việc phụ tá đức Tăng Thống cho đến khi đất nước và đạo pháp chuyển sang giai đoạn lịch sử mới. Đến năm 1976, Hòa thượng lại tổ chức đại giới đàn Quảng Đức tại tổ đình Ấn Quang, Chợ Lớn.

Trước chiều hướng mới và cũng thể theo ý hướng thống nhất mà xưa nay Phật giáo Việt Nam vẫn thường ấp ủ, nên sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, trong cương vị Viện trưởng Viện Hóa Đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất, Hòa thượng đã liên hệ với các vị tôn túc lãnh đạo các hệ phái và các tổ chức Phật giáo khác trong cả nước để bàn bạc việc thống nhất Phật giáo Việt Nam. Đây chính là nguyện vọng chung của toàn thể Tăng Ni và Phật tử. Nguyện vọng này đã thể hiện cụ thể tại Đại hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất kỳ 7, họp tại chùa Ấn Quang, Chợ Lớn, ngày 23-01-1977 gồm 165 đại biểu của 54 đơn vị trong Giáo hội, mà Hoà thượng nhân danh Viện Trưởng tân nhiệm đã ký thông bạch gồm 7 điểm, trong đó có điểm thứ 6 nguyên văn như sau: *"Đại hội cần ủy quyền Giáo hội Trung ương tiếp tục vận động thống nhất Phật giáo cả nước trong tinh thần Đạo pháp và truyền thống dân tộc"*.

Sau khi Ban vận động thống nhất Phật giáo thành hình, Hòa thượng được bầu làm Trưởng Ban vận động, và khi Hội nghị Đại biểu Thống nhất Phật giáo Việt Nam tổ chức tại thủ đô Hà Nội ngày 07-11-1981, Hòa thượng đặc cử Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật Giáo Việt Nam nhiệm kỳ đầu tiên.

Những năm cuối của báo thân, Hòa thượng tuy tuổi cao sức yếu, vẫn không xao lãng việc đạo, việc đời. Năm 1979 và 1982 dẫn đầu đoàn đại biểu Phật giáo Việt Nam dự Đại hội thứ 5 và thứ 6 của tổ chức Phật giáo châu Á vì hòa bình, tại

Mông Cổ. Năm 1980, làm trưởng đoàn đại biểu tôn giáo Việt Nam dự Hội nghị các nhà hoạt động Tôn giáo Thế giới vì hòa bình và sự sống, chống chiến tranh hạt nhân, tổ chức tại Liên Xô, cũng năm này kiến tạo thêm chánh điện Tự Viện Quảng Hương Già Lam. Năm 1983, dự Hội nghị các vị đứng đầu Phật giáo 5 nước châu Á, tổ chức tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Năm 1983, Hòa thượng đặc cử Ủy viên đoàn Chủ tịch Ủy Ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cũng năm này Hòa thượng cho xây dựng lại ngôi Tổ đình Linh Quang (Quảng Trị).

Dù bận rộn Phật sự, suốt con đường hành đạo, Hòa thượng vẫn dành thời giờ dịch kinh, biên soạn sách để hoằng dương Phật pháp. Các tác phẩm chính gồm kinh Phổ Môn, kinh Phổ Hiền, Mẹ hiền Quán Âm, kinh Vô Thường, kinh A Di Đà, Pháp môn Tịnh độ, kinh Bát Nhã, luật Tỳ kheo, luật Bồ Tát, luật Tứ Phần, nghi thức truyền giới Bồ Tát tại gia và thập thiện, nghi thức Phật đàn, nghi thức lễ sám hối tội và các tác phẩm khác đã in hoặc chưa xuất bản.

Thế rồi sau một cơn suy tim nhẹ, Hòa thượng đã xả báo an tường, thu thần nhập diệt vào lúc 21 giờ 45 phút ngày 2 tháng 4 năm 1984 (tức ngày 02 tháng 3 năm Giáp Tý) tại Tự viện Quảng Hương Già Lam, trụ thế 76 tuổi đời, 56 tuổi đạo. Kim quan Hoà thượng nhập bảo tháp tại đây.

Thế là, Hòa thượng hóa duyên đã mãn, Ngài đã trở về thế giới Niết bàn, vô tung bất diệt nhưng công đức và đạo nghiệp của Hòa thượng vẫn còn sống mãi trong tâm hồn người con Phật và trang sử rạng ngời của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại".●



Quang cảnh buổi lễ

Kinh nghiệm Giáo dục của Phật giáo Thái Lan^[*] (Buddhism and Education The Thai Experience)



Trường Đại học Thammasat, Bangkok

Nhằm thực hiện chương trình Xã hội hóa Giáo dục, và giới thiệu đạo đức Phật giáo cho sinh viên và học sinh ở Việt Nam hiện nay. Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy trân trọng giới thiệu bài dịch sau đây của Hòa thượng Thích Thiện Tâm

HT. Thích Thiện Tâm (dịch)
(tiếp theo & hết)

Ngài Vidya Cittadhammo là một nhà sư có trình độ và mang tư tưởng nhập thế, ngài là vị sư điều hành ngôi trường của chùa Mount Sarb; ngài đã giải thích rằng tại tất cả các trường trung học khác trong nước chỉ chú trọng dạy kiến thức học thuật mà ít khi chú ý đến việc rèn luyện đạo đức văn hóa tinh thần cho học sinh. Trái lại, tại trường chùa Mount Sarb ngài nhận tất cả trẻ em kém may mắn, vì cha mẹ quá nghèo nên không có khả năng cho con em theo học tại các trường chính quy. Trong khi những em học tại đây được cho xuất gia làm Sadi; được sống tại chùa và các em đã được học 3 năm tại trường trung học của chùa và hoàn toàn được miễn phí; tại đây các em được học tiếng Thái, tiếng Anh, học Toán và Nghiên cứu xã hội. Khi được thọ giới Sadi các em phải giữ 10 giới trong suốt 3 năm học và được dạy cùng lúc chương trình Phật học và thế học.

Điều quan trọng cần chú ý là hiện nay sự phát triển tâm sinh lý của các trẻ vị thành niên càng trở nên phức tạp. Sadi Vidya tâm sự: do hoàn cảnh gia đình nghèo túng nên không thể theo học ở bất cứ

trường học nào khác và các em đồng cảnh ngộ cũng thế, chúng thường lang thang đây đó, tính tình bướng bỉnh khó dạy và dễ trở thành trẻ phạm pháp. Vị sa di này nhấn mạnh chính nhờ ngôi trường chùa Mount Sarb đã giúp cho em và rất nhiều trẻ em khác có cơ hội tốt để tu dưỡng rèn luyện bản thân và không bao lâu trở nên những học sinh ngoan hiền dễ dạy; nhờ có sự thay đổi rõ rệt về hành vi đạo đức mà các em có điều kiện xây dựng cho bản thân một đời sống an lành tốt đẹp trong một xã hội đầy dẫy bất an và đau khổ.

Một trường hợp điển hình khác là trường hợp của ông Soisaklang tại ngôi chùa làng Sa Koon; Ông là trưởng làng của làng Sa Koon, ông đã đứng ra cùng với dân làng thành lập một ngôi trường tại chùa làng Sa Koon. Ông đã biết ứng dụng giáo lý Phật giáo vào việc hướng dẫn nhân dân trong làng về cách làm sao để thực hiện đời sống tinh thần đạo đức của Phật giáo. Lúc xây ngôi trường ông không hề nhờ đến sự hỗ trợ hoặc đóng góp nào của chính quyền; mục đích

xây trường của ông và dân làng là nhằm ngăn chặn tình trạng phạm pháp của trẻ vị thành niên trong làng. Nhờ áp dụng phương pháp giáo dục kỹ năng sống dựa trên tinh thần phát huy năng lực tự làm chủ bản thân theo giáo lý Phật giáo mà ông đã giúp cho các em có được khả năng tự ý thức, tự tìm hiểu và phân biệt hành vi đúng sai của bản thân và qua đó hình thành đức tin vào khả năng tự hoàn thiện và làm chủ bản thân của mình. Ông thường khuyên mọi người nên đến chùa tu học và sống đúng theo giới luật của Phật dạy thì chắc chắn sẽ có được một đời sống an lạc hạnh phúc.

Dưới đây là một vài điều được quy định trong bản quy ước của làng Sa Koon:

1. Không được cố ý sát sanh với bất cứ loài động vật nào, vì đó chính là học giới đầu tiên của người tín đồ Phật giáo.

2. Trong làng không ai được đụng đến vũ khí hoặc súng đạn vì đó là những vật gây nên sự sợ hãi cho người khác.

3. Trong làng không ai được uống rượu và chất say vì khi say rượu dễ gây phiền phức, rắc rối cho người khác.

Ông khuyên vào mùa kiết hạ của chư Tăng, thanh thiếu niên nên thường xuyên đến chùa nghe kinh thánh Pháp để mở mang trí tuệ và tham dự những lễ nghi của Phật giáo; hướng dẫn các em thực hành hạnh tri ân và báo ân mẹ cha và biết tôn trọng giữ gìn những lễ nghi và tập quán truyền thống tốt đẹp của tổ tiên. Vào những ngày cuối tuần, con cái nên sắp xếp thời gian thăm viếng cha mẹ và những ân nhân quyến thuộc, phụ giúp công việc nặng nhọc, đồng áng, chăn nuôi v.v... hoặc những gì cha mẹ cần đến mình và luôn thường xuyên tham gia công tác xã hội vì lợi ích cộng đồng.

Một cái nhìn về tương lai

Ngày nay vai trò của nhà sư Thái Lan đã phần nào có sự thay đổi cho phù hợp sự phát triển của xã hội. Xưa kia người xuất gia tu hành thường có quan điểm cho rằng người xuất gia phải sống khắc khổ thì ngày nay xã hội phát triển đòi hỏi phải thay đổi ít nhiều quan niệm cho phù hợp với thực tiễn xã hội như xã hội Thái Lan hiện nay. Sự thay đổi này hoàn toàn không hề làm suy giảm

tính chất cao quý thanh tịnh của một nhà sư sống phạm hạnh, vì họ vẫn gìn giữ giới luật căn bản mà họ đã thọ trì.

Có một lần nọ, tôi (tác giả bài viết) đã dành ra một tuần để đến tham quan khu rừng Sukhato tại đông bắc Thái Lan, tại đây tôi rất hoan hỉ chứng kiến sự tích cực tham gia những công tác xã hội phát triển cộng đồng của ngài Khamkhan Suvanno. Tôi nhận thấy hằng ngày ngài rất bận rộn trong các công tác xã hội và lúc nào cũng thấy ngài bận rộn với cuộc sống cộng đồng. Ba ngôi làng kề cận ngôi làng của ngài cũng được ngài quan tâm chăm sóc giúp đỡ. Sự quan tâm của ngài vượt xa cả trách nhiệm của chính quyền địa phương và có thể nói, dân làng không thể tồn tại được nếu như không có sự chăm sóc giúp đỡ của ngài.

Phương pháp thực hiện công việc của ngài Khamkhan chính là sự biết kết hợp hài hòa giữa việc đạo và việc đời, sự thực hành và ứng dụng Phật pháp vào việc phục vụ cá nhân và xã hội. Ngài luôn y cứ vào lời dạy của đức Phật để tu tập bản thân và ngài cũng thường dạy rằng khi nào ô nhiễm của thân tâm được thanh lọc thì lúc ấy sẽ giảm bớt phiền não và mới có thể có được một đời sống an lạc, hạnh phúc và mới có thể thực hiện được lý tưởng phục vụ lợi ích của tha nhân, mang lại lợi lạc cho cộng đồng xã hội. Ngài Khamkhan thường dạy dân chúng trong làng cần phải tránh xa ác nghiệp và thực hành các điều lành, cần chuyên tâm hành trì thiền định để phát sinh trí tuệ ngộ hầu hiểu rõ thực tướng của thân tâm và cả thế gian này.

Dưới sự bảo trợ của Viện Nghiên cứu khadi Thái Lan, Đại học Thammasat, Bangkok, tôi đã dành gần 2 tháng để phỏng vấn nhiều người dân, tu sĩ, và quan chức chính quyền phụ trách công tác an sinh xã hội của những ngôi làng này thì được biết. Tuy thực hiện được nhiều công việc như thế, nhưng không bao giờ ngài Khamkhan thấy mãn nguyện và hầu hết tất cả dự án đều do ngài Khamkhan phát động và đứng ra điều hành. Dân làng chỉ là những người hưởng ứng tham gia nên không có động lực mạnh mẽ trong quá trình thực hiện và hoàn thành công việc của họ. Ví dụ, mặc dù Trung tâm phát triển trẻ em đã hoạt động đến hôm nay tuy nhiên ngài Khamkhan vẫn phải quản lý và chịu trách nhiệm đối với tất cả mọi công việc của Trung tâm. Do nghèo và thiếu định hướng độc lập, nên

dân làng đã phó mặc tất cả mọi vấn đề cho ngài giải quyết thay vì phải tham gia vào hoạt động của Trung tâm hoặc dâng cúng tiền bạc để hỗ trợ cho sự tồn tại của nó.

Ngài Khamkhian cũng ý thức rõ vai trò của ngài là một vị sư Thái Lan được nhân dân và tín đồ kính trọng vì đã có nhiều đóng góp tích cực, to lớn cho công cuộc xây dựng và phát triển cộng đồng theo tình hình và nhiệm vụ bằng nỗ lực xiển dương Phật pháp. Vì thế, nên ngôi chùa của ngài luôn luôn được dân làng kính trọng và xem đây là một ngôi chùa rất linh thiêng của làng.

Hơn thế nữa, người ta cũng để ý rằng, phần lớn các cơ quan hoặc tổ chức tư nhân làm công tác phục vụ phát triển cộng đồng thì họ lại không thích liên kết hoặc không cần sự trợ giúp của các quan chức chính quyền. Họ chỉ muốn làm việc độc lập theo ý của họ mà thôi, trường hợp của ngài Khamkhian là một ví dụ điển hình về một nhà sư mang tư tưởng nhập thế tiến bộ hàng đầu, ngài đã tận tụy làm việc không mệt mỏi vì lợi ích của cộng đồng, vì dân nghèo nhưng lại không cần đến sự cộng tác bên trong cũng như sự hỗ trợ bên ngoài; ngài chỉ tự lực làm theo khả năng của mình.

Tại Thái Lan hệ thống giáo dục tiểu học truyền thống cũng quan trọng như hệ thống giáo dục hiện đại vì rèn luyện đạo đức không kém quan trọng hơn trình độ học thuật. Hệ thống giáo dục tiểu học truyền thống của Thái bắt đầu tại một ngôi chùa hay một tự viện nơi các nhà sư trở thành giáo viên và giảng viên. Mục đích của nó là rèn luyện đạo đức cho công chúng cũng như góp phần nâng cao việc cải thiện lối sống cho người dân. Theo Phật giáo, việc tu tập và thanh lọc tâm là nguồn gốc của tất cả việc lành. Như vậy, nếu chúng ta phải nuôi dạy con càng sớm càng tốt, chúng sẽ trở thành công dân tốt và con người tốt trong tương lai. Kiến thức và kinh nghiệm tu tập được chúng tích lũy hôm nay và sẽ được chúng áp dụng để cứu đời trong tương lai. Giờ đây, Bộ Giáo dục Thái Lan đã ý thức rõ thực tế và nhiệm vụ là tất cả học sinh tiểu học cần phải được học tập và rèn luyện đạo đức Phật giáo, đồng thời cần phải giáo dục cho các em về đạo đức truyền thống tốt đẹp của gia đình. Hầu như hệ thống giáo dục truyền thống nhấn mạnh đến vai trò đạo đức Tôn giáo ảnh hưởng tốt đối với học sinh thì trong hệ thống giáo dục hiện đại lại tôn vinh kiến thức học

thuật phương Tây và được xem như là dấu hiệu thành tích về giáo dục.

Tôi tin rằng cả hai mặt là tu dưỡng đạo đức và trau dồi học vấn đều có tầm quan trọng như nhau đối với học sinh. Chúng tôi vẫn quan niệm rằng một người vừa có tri thức vừa có đạo đức vẫn quý hơn là một chàng trai có bộ dáng bảnh bao mà lòng dạ xấu xa hay kém đức hạnh. Để đào tạo trẻ em cả về mặt đạo đức và học tập, chính phủ và các cơ quan tư nhân cần phải hợp tác với nhau trong việc hỗ trợ tích cực các dự án giáo dục ở tất cả các trường học và trong việc giúp đỡ cho tất cả những người mù chữ trên cả nước bằng hệ thống giáo dục bắt buộc và giáo dục kiến thức cơ bản cho nhân dân phù hợp với đặc điểm cuộc sống và hoàn cảnh của địa phương.

Một ngôi trường tiểu học hoặc một trung tâm giáo dục lý tưởng cần phải được trang bị tốt bởi những bài học kèm hình ảnh sinh động và tài liệu nghe nhìn để thu hút sự chú ý của học sinh và làm cho toàn bộ quá trình giảng dạy trở nên hấp dẫn. Diện tích của trung tâm tùy thuộc vào số lượng học sinh của cộng đồng. Tuy nhiên, tốt hơn cả là trong mỗi lớp nên có 15-20 học sinh để giáo viên có thể dễ luyện tập và chăm sóc cho tất cả mọi người. Trẻ em đủ tuổi vào học tại một trường tiểu học và có thể hoàn thành khóa học lý tưởng nhất là 5 tuổi. Chương trình giảng dạy nên chú trọng kiến thức hữu ích cho trẻ em; khuyến khích các bài dạy cần chứa đựng tinh thần lạc quan và thực hiện bồi dưỡng khơi dậy tiềm năng của các em. Các đặc điểm giáo dục của giáo viên và cha mẹ đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục các em. Giáo viên phải yêu thương trẻ và phải linh hoạt, vui vẻ để làm cho những bài học trở nên thú vị. Họ cần phải được đào tạo nghề nghiệp đặc biệt của họ. Không cần phải nói, nếu chính phủ thực sự muốn hỗ trợ giáo dục công cộng, chống mù chữ, thì cần phải cung cấp cho dân chúng một nền giáo dục tiểu học miễn phí và bắt buộc. Vì trẻ em ngày nay là người lớn của ngày mai, hay như một câu tục ngữ Thái nói rằng "Nỗ lực dành mọi thứ tốt đẹp nhất cho trẻ em là một sự đầu tư giá trị nhất". ●

Đại cương KINH THỪA TỰ PHÁP (DHAMMADYDA SUTTA)

HT. Thích Minh Châu

Thế Tôn ở Sāvattthī, Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Thế Tôn gọi các Tỷ kheo và thuyết kinh này. Đức Phật khuyên các Tỷ kheo hãy thừa tự chánh pháp của Ngài, đừng thừa tự tài vật của Ngài. Vì đức Phật có lòng thương các đệ tử nên mới khuyên như vậy. Nếu không vậy thời cả thầy và đệ tử bị chỉ trích là những người thừa tự tài vật, không thừa tự chánh pháp.

Rồi đức Phật kể câu chuyện có hai Tỷ kheo đến yết kiến Phật, một người nhớ đến lời dạy của đức Phật, làm người thừa tự chánh pháp, không thừa tự tài vật của đức Phật, nên dù đức Phật có để lại đồ ăn khát thực dư thừa, dù bị đói là và mệt, vị ấy cũng không ăn đồ dư thừa, nên trải qua một đêm bị đói và kiệt sức. Vị kia thời làm trái lời Phật dạy, ăn đồ ăn dư thừa và trải qua một đêm thoải mái. Nhưng đức Phật tán thán vị Tỷ kheo đầu vì đã nghe lời Phật dạy, không thừa tự tài vật của đức Phật và thiên về ít dục, biết đủ, dễ nuôi dưỡng. Thuyết xong đức Phật đi vào tịnh xá.

Rồi Sāriputta thuyết cho các Tỷ kheo biết thế nào là bậc Đạo sư sống viễn ly, nhưng các đệ tử không tùy học viễn ly, bậc Đạo sư dạy các pháp môn từ bỏ, nhưng các đệ tử không nghe, sống sung túc, lười biếng. Có ba trường hợp các Tỷ kheo trưởng lão, trung niên, thiếu niên đáng bị quả trách:

1. Vị Đạo sư sống viễn ly, các đệ tử không tùy học viễn ly;
2. Các pháp bậc Đạo sư dạy nên từ bỏ, các



Đức Phật thuyết pháp cho hội chúng Tỷ kheo

đệ tử không từ bỏ;

3. Các đệ tử sống đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly.

Có ba trường hợp, các Tỷ kheo trưởng lão, trung niên, thiếu niên được tán thán (tức là trái lại với ba trường hợp trên).

Rồi Sāriputta kể một số pháp ác: tham và sân, phần nộ và hiềm hận, gièm pha và náo hại, tật đố và xan tham, man trá và phản bội, ngoan cố và bông bột, mạn và tăng thượng mạn, kiêu và phóng dật (lobho doso, kodho upanāho, makkho phalāso, issā macheram, mājā sāthayyam, thambo sārambho, māno, atimāno, mado pamādo mười sáu pháp), có con đường Trung đạo, diệt trừ mười sáu ác pháp này khiến nhàn sanh, trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thẳng trí, Niết bàn, tức là con đường tám chánh đạo, từ chánh tri kiến đến chánh định. ●

BỔN PHÁP DUNG HÒA^(*)

MAHĀPADESA

HT. Bửu Chơn

Bổn pháp dung hòa là pháp tùy theo hoặc chiều theo trường hợp. Lúc ấy các thầy Tỳ Khưu phát tâm nghi ngờ không biết điều nào đức Phật cho phép, điều nào Ngài không cho phép. Bèn đến bạch Phật. Nhân cơ ấy đức Bổn Sư giải rằng:

Yam bhikkhave mayaṃ idam na kappatīti appatikkhattam tance akappiyam anulometi kappiyam patibahati tam vo na kappati, yam bhikkhave mayaṃ idam na kappatīti appatikkhattam tance kappiyam anulometi akappiyam patibahati tam vo kappati, yam bhikkhave mayaṃ idam kappatīti ananunnātam tance akappiyam anulometi kappiyam patibahati tam vo na kappati, yam bhikkhave mayaṃ idam kappatīti ananunnātam tance kappiyam anulometi akappiyam patibahati tam vo kappatīti.

Này các thầy tỳ khưu, điều nào mà Như Lai không cấm chỉ rằng là điều không nên làm, nếu điều ấy mà dung hòa theo điều không nên làm thì các thầy không nên làm điều ấy. Còn điều mà Như Lai không cấm chỉ rằng là điều không nên làm, nếu điều ấy mà không dung hòa theo điều nên làm thì các thầy nên làm điều ấy.

Điều nào mà Như Lai không thể chế định (cho phép) rằng là điều nên làm, nếu điều ấy mà dung hòa theo điều không nên làm thì các thầy không nên làm điều ấy. Còn điều mà Như Lai không chế định rằng là điều nên làm, nếu điều ấy mà dung hòa theo điều nên làm (điều tốt) thì các thầy nên làm điều ấy.

Bổn pháp dung hòa trên đây, hai pháp trước thuộc về cấm chỉ, hai pháp sau thuộc về chế định. Như vậy thầy tỳ khưu mỗi khi muốn làm một điều chi (ngoài điều học mà Ngài đã cấm hoặc cho phép) thì nên suy xét coi điều ấy có nên làm không. Thí dụ như tám thứ nước của trái cây đức Phật cho phép độ trong lúc sai giờ mặc dầu nước các thứ trái nhỏ nhỏ khác Ngài chưa cho phép nhưng nước của các thứ trái cây ấy có thể dung hòa được. Như Ngài cấm 7 thứ rễ cỏ không cho dùng làm nước độ trong buổi chiều, dầu các thứ đậu Ngài chưa cấm nhưng các loại đậu ấy cũng dung hòa theo 7 thứ rễ cỏ, cho nên dùng làm nước độ chiều cũng không được.

Còn như Phật chưa cho phép dùng dưa hoặc muối, nia, nhưng các vật này dùng có vệ sinh và phù hợp theo quốc độ thì các vật ấy cũng dung hòa cho dùng được. Như nha phiến đức Phật chưa cấm nhưng tùy tình trạng xã hội và quốc luật thì các vật ấy cũng dung hòa theo vật không nên dùng.

Các pháp dung hòa này dùng để cho các bậc trí thức suy xét cho tỉ mỉ đáng thực hành cho khỏi lầm lộn. ●

() Trích quyển Tứ Thanh Tịnh Giới và Bốn Phận Người Xuất Gia*



NỘI QUI

BAN TĂNG SỰ TRUNG ƯƠNG

CHƯƠNG III

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

ĐIỀU 7: Ban Tăng sự Trung ương GHPGVN có nhiệm vụ:

a) Giúp Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổng hợp tình hình Tăng, Ni, Tự, Viện trong cả nước; lập các dự án, chương trình hoạt động, kế hoạch thực hiện những chủ trương, công tác Phật sự thuộc phạm vi ngành Tăng sự.

b) Thường xuyên đôn đốc Ban Tăng sự Tỉnh, Thành hội Phật giáo triển khai thực hiện các Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Giáo hội; chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước có hiệu quả.

c) Lập danh bạ Tăng, Ni, Tự, Viện và chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động, sinh hoạt của Tăng, Ni, Tự, Viện theo Luật Phật, Hiến chương Giáo hội, Pháp luật Nhà nước.

d) Lập danh sách Tăng, Ni tấn phong giáo phẩm, tuyên dương công đức trình Ban Thường trực Hội đồng Trị sự xét duyệt và trình Hội nghị Ban Thường trực, hoặc Hội nghị thường niên và được Đại hội Phật giáo toàn quốc thông qua.

ĐIỀU 8: Trưởng Ban Tăng sự Trung ương, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tăng sự Trung ương là thành viên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự thừa ủy nhiệm Ban Thường trực Hội đồng Trị sự ký các văn bản thuộc phạm vi ngành Tăng sự.

ĐIỀU 9: Ban Tăng sự Tỉnh, Thành hội Phật giáo có nhiệm vụ:

a) Đề xuất dự án, kế hoạch về Tăng sự trình Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh quyết định. Tổ chức, triển khai thực hiện các công tác Phật sự thuộc phạm vi ngành Tăng sự do Trung ương Giáo hội chủ trương, chỉ đạo hoặc do yêu cầu tại địa phương đặt ra.

b) Tổng hợp tình hình Tăng, Ni, Tự, Viện trong Tỉnh, Thành phố và báo cáo với Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh và Ban Tăng sự Trung ương để có chủ trương giải quyết.

c) Thực hiện quyết định của Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh về việc quản lý danh bạ Tăng, Ni, Tự, Viện tại địa phương.

d) Tham mưu cho Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh giải quyết những vấn đề liên quan đến Tăng, Ni, Tự, Viện.

e) Lập danh sách tuyên dương công đức và tấn phong Giáo phẩm đối với Tăng, Ni hội đủ tiêu chuẩn theo quy định của Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đệ trình Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh thông qua và chuyển về Trung ương Giáo hội chuẩn y tại Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự, hoặc Hội nghị thường niên Trung ương Giáo hội và tại Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc.

ĐIỀU 10: Trưởng ban Tăng Sự các Tỉnh, Thành hội Phật giáo thừa ủy nhiệm Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh ký các văn bản thuộc phạm vi ngành Tăng sự.

ĐIỀU 11: Các vấn đề có liên quan đến ngành Tăng sự, sau khi được Ban Thường trực Hội đồng Trị sự nhất trí thông qua, Ban Tăng sự Trung ương sẽ phối hợp với Văn phòng Trung ương Giáo hội tổ chức triển khai, thực hiện.

CHƯƠNG IV

THÀNH PHẦN TĂNG, NI TRONG GIÁO HỘI

ĐIỀU 12: Thành phần Tăng, Ni trong GHPGVN gồm có:

- Thành phần Giáo phẩm.
- Thành phần Đại chúng.

ĐIỀU 13: Thành phần Giáo phẩm gồm có:

- Giáo phẩm Tăng: Hòa thượng, Thượng tọa.
- Giáo phẩm Ni: Ni trưởng, Ni sư.

ĐIỀU 14: Thành phần Đại chúng gồm có: Tăng, Ni đã thọ giới Tỷ kheo (Đại đức), Tỷ kheo Ni (Sư cô), Thức xoa Ma na, Sa di, Sa di Ni.

ĐIỀU 15:

a. Tu nữ Phật giáo Nam tông Kinh, Khmer là những nữ tu xuất gia theo nghi thức và thọ giới biệt truyền của Phật giáo Nam tông.

b. Những nam nữ Phật tử sống và tu hành trong các cơ sở Tự, Viện đã đăng ký hộ khẩu nhưng chưa xuất gia, được gọi chung là "Tịnh nhơn" (Còn tiếp) ●

Thiền sư Ajahn Chah^(*)

TK. Thiện Minh (dịch)

Thiền sư sanh trong một gia đình khá giả ở vùng nông thôn nước Lào gần vùng đông bắc Thái Lan. Ngài xuất gia sa di lúc còn nhỏ, hai mươi tuổi Ngài thụ giới tỳ khưu (bhikkhu). Trên trình độ lớp bốn ở trường làng, Ngài đã học giáo lý căn bản và kinh điển khi còn là một vị sư trẻ. Sau đó Ngài thực hành thiền định dưới sự hướng dẫn của nhiều vị thiền sư địa phương theo truyền thống ẩn dật ở Lào. Ngài đi bộ nhiều năm theo phong cách của một nhà sư thọ hạnh đầu đà, ngủ dưới gốc cây và qua một thời gian ngắn tu tập với thiền sư Achaan Mun, một trong những vị thiền sư Thái Lan - Lào có năng lực và nổi tiếng ở thế kỷ này. Sau nhiều năm vân du và thực hành thiền, Ngài trở về cư ngụ trong một khu rừng rậm rạp gần làng quê của Ngài. Người dân ở đây nói khu rừng này không có người ở, được biết đây là nơi ở của rắn hổ mang, cọp và ma quỷ, nhưng Ngài nói, đây là một nơi hoàn hảo nhất cho một vị tỳ khưu thọ hạnh đầu đà. Một thiền viện lớn đã được thành lập khi có tăng ni và Phật tử đến nghe pháp và lưu lại đây. Bây giờ Ngài có nhiều đệ tử dạy thiền và nhiều ngôi chùa trong rừng khắp miền đông bắc Thái Lan.

Đi vào Wat Ba Pong, trước tiên người ta dễ trông thấy chư sư đang quay nước giếng, và một tấm bảng treo trên con đường có ghi: "Quý vị đến đây hãy yên lặng, chúng tôi đang hành thiền". Mặc dù có một nhóm hành thiền và tụng kinh hai lần một ngày và thường buổi chiều Ngài thuyết pháp, cơ bản của thiền định là cách sống. Công việc chư sư là vá y và quét dọn đường rừng cuộc sống thật đơn giản. Chư sư ở đây sống theo hạnh đầu đà giới hạn ăn một ngày một buổi và giới hạn vật dụng, y phục, chỗ



Thiền sư Ajahn Chah

ở. Chư vị sống trong những cái lều cá nhân rải khắp cả khu rừng, và tu tập thiền hành trên con đường sạch sẽ dưới những gốc cây. Nhiều đệ tử người phương Tây của Ngài bây giờ chọn nơi cư ngụ ở thiền viện mới và sống thiền trong những túp lều rải rác được xây dựng trong những hang động trên sườn đồi.

Chế độ ăn uống giản dị của thiền viện nhằm tạo điều kiện để phát huy trí tuệ. Thiền sư Ajahn Chah nhấn mạnh rằng: "Mỗi người có tốc độ đi riêng của mình", và như thế chúng ta đừng ngại chiều dài của con đường hay điểm đến. "Đơn giản là hãy trú vào giây phút hiện tại", và Ngài khuyên: "Cuối cùng tâm sẽ đạt được sự quân bình tự nhiên của nó khi việc tu tập trở thành thói quen". Ít khi Ngài nói đến việc thành đạt

bất cứ trạng thái tâm đặc biệt nào hay trạng thái tâm định và tâm giác ngộ. Thay vì trả lời khi được hỏi, Ngài chất vấn lại: nếu Ngài có đầy đủ sự từ bỏ tất cả chấp thủ thì còn đau khổ nữa không? Bằng câu trả lời thông thường là "không", Ngài sẽ hướng dẫn anh ta, đơn giản là hãy tiếp tục sự thực hành theo dõi tâm của anh và đừng cho dính mắc vào cái gì thậm chí tuệ giác hay kinh nghiệm giác ngộ, chỉ tiếp tục đừng cho dính mắc điều này trong từng giây một.

Đời sống hàng ngày ở thiền viện phải tập trung tu tập nhiều như hình thức ngồi và đi. Giặt y, làm sạch ống nhổ, quét dọn chánh điện, đi bát, tất cả đều bằng thiền cả, và như ngài Ajahn Chah nhắc nhở chúng ta, ở nhà, rửa nhà cầu, đừng có nghĩ là quý vị đang làm nó như một sự bắt buộc. Đó cũng là pháp. Thiền nghĩa là chánh niệm vào những gì chúng ta làm. Đôi khi lối sống này dường như nghiêm khắc gay gắt và sự phấn đấu để tìm ra sự bình an trở nên là một bài học lớn trong thiền. "Khi quý vị giận dữ hay than oán bản thân, điều đó là một cơ hội lớn để biết được tâm mình". Trong sự tuân thủ giới luật để tạo nên một cộng đồng hoà hợp, chúng ta thấy rõ lòng ham muốn và hình ảnh mà chúng ta phải đối chọi với cuộc sống này như thế nào. Giới luật nghiêm khắc giúp chúng ta cắt đứt nhu cầu bản ngã - hình thức khoe khoang bề ngoài.

Thiền sư Ajahn Chah không có nhấn mạnh bất cứ kỹ thuật thiền nào đặc biệt mà cũng không động viên tu tập tích cực để đạt đến tuệ giác và giác ngộ mau lẹ. Trong hình thức ngồi, người ta có thể theo dõi hơi thở cho đến khi nào tâm tĩnh lặng, và sau đó tiếp tục thực hành bằng cách quan sát tiến trình thân tâm. Sống đơn giản, hãy để tự nhiên, và hãy theo dõi tâm là cơ bản cho sự thực hành. Nhấn nại là điều quan trọng. Khi còn là một tu sĩ mới ở thiền viện của Ngài, tôi bị



chán nản bởi những khó khăn của việc tu tập về sự thực hành và hình như giới luật thật thường mà tôi phải theo. Tôi bắt đầu phê bình những vị sư khác về sự thực hành tùy tiện và nghi ngờ trí tuệ trong lời dạy của ngài Ajahn Chah. Có một lúc nọ, tôi đến gặp Ngài để nêu lên những thắc mắc và nhận xét rằng Ngài đã mâu thuẫn nhau và hình như chính Ngài thường làm trái ngược trong cách tu chưa rõ ràng. Ngài cười và chỉ cho thấy bao nhiêu điều mà tôi đã đau khổ do việc phê bình những người xung quanh tôi. Sau đó Ngài giải thích rằng, thực ra lời dạy của Ngài chỉ là sự bình thường hóa cái tâm. Điều đó như là tôi gặp gỡ những người đi trên con đường mà tôi đã quen, Ngài nói: "Tôi ngược lên và trông thấy ai đó sắp sửa té xuống mương tay phải của con đường hay là đi lạc ra con đường mòn bên tay phải do vậy tôi gọi to anh ta: "Hãy đi bên tay trái, hãy đi bên tay trái". Một cách tương tự tôi gặp một ai đó sắp sửa đi lạc vào con đường mòn phía tay trái hoặc sắp sửa rơi vào cái hố bên tay trái, tôi gọi to lên: "Hãy đi bên tay phải, hãy đi bên tay phải". Tất cả sự thực hành chỉ là phát huy tâm quân bình, không có dính mắc, không có ích kỷ". Ngồi thiền hay làm việc trong những sinh hoạt hàng ngày của chúng ta là một phần của việc tu tập và theo dõi sát một cách kiên nhẫn để trí tuệ mở mang và an lạc một cách tự nhiên. Đây là con đường của thiền sư Ajahn Chah.

Thiền sư Ajahn Chah tiếp đãi ân cần những người phương Tây và hơn hai mươi người đã sống và tu học với Ngài nhiều năm tháng. Trí tuệ là một cách sống, và ngài Ajahn Chah duy trì lối sống đơn giản, của các tỳ khưu thời đức Phật, áp dụng cho việc học giáo pháp ngày hôm nay. ●

(*) Theo *Living Buddhist Masters*

Cách chữa trị Hoài nghi

Upasikà Như Trí (dịch)

luôn phải biết rõ Hoài nghi có mặt hoặc không có mặt trong tâm vị ấy. Ngoài ra, vị tỳ kheo ấy cũng cần phải biết rõ cách diệt trừ Hoài nghi đã phát sinh và cách ngăn ngừa Hoài nghi chưa phát sinh."

MN 10

Nguyên nhân nào làm cho Hoài Nghi phát sinh?

"Ở đây, này các Tỳ kheo, sở dĩ Hoài nghi phát sinh là vì vị Tỳ kheo không biết rõ, thiếu quyết đoán, do dự không thể đưa đến kết luận; vị ấy thường nghĩ đến các vấn đề mơ hồ viển vông, hý luận vọng tưởng, không có luận cứ xác đáng, không khách quan, không rõ ràng; chính nó là thức ăn, là nguyên nhân làm phát sinh Hoài nghi chưa sinh sẽ sinh khởi và đã sinh khởi sẽ tiếp tục tăng trưởng ngày thêm trầm trọng".

SN 46:51

Cách nào làm cho Hoài nghi đoạn diệt?

"Này các Tỳ kheo, có hai thiện tâm sở (kusala cetasika) làm công cụ đoạn trừ Hoài nghi, ấy là Tàm (hiri) và Quý (otappa); hai tâm sở này có lợi ích, thường trợ giúp cho Như lý tác ý (yoniso manasikara) làm phát sinh trí tuệ; nếu thường xuyên tác ý đến các tâm sở này thì sẽ ngăn ngừa được Hoài nghi và sớm đưa đến sự đoạn diệt hoàn toàn Hoài nghi đã phát sinh."

SN 46:51

Hãy xem Hoài nghi như một sa mạc

"Này các Tỳ kheo, Hoài nghi không khác nào người lữ hành có nhiều của cải đang du hành qua sa mạc hoang vu mà không có đủ

7heo bộ Vibhanga, Hoài nghi (vicikicchā) là sự nghi ngờ về sự có mặt của Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng), Tam học ở trong quá khứ cũng như trong tương lai, đặc biệt là Hoài nghi về Pháp tùy thuộc phát sinh duyên khởi (Paticca samuppada). Nó là một trong năm triền cái (Nivarana dhamma), những bất thiện tâm sở gây chướng ngại cho hành giả lúc tu thiền. Chỉ khi nào hai thiện chi tâm (vitakka) và tứ (vicāra) phát sinh đầy đủ thì lúc ấy Hoài nghi mới được đè nén. Và đến lúc thực hành viên mãn niệm (sati) và trạch Pháp giác chi (dhamma vicaya sambojjhanga) thì lúc ấy Hoài nghi mới không có điều kiện phát sanh. Ngoài ra, muốn đoạn tận Hoài nghi hành giả cần phải kiên trì tinh tấn học và hành đúng chánh Pháp; vững tin Tam bảo; thường niệm tưởng ân đức Phật, Pháp, Tăng; hiểu rõ lợi ích và nghiêm trì giới luật; thường trau dồi tứ vô lượng tâm. Đây là những pháp hành hỗ trợ cần thiết giúp cho hành giả sớm đoạn tận Hoài nghi.

Dưới đây là một số lời dạy của đức Phật có liên quan đến cách chữa trị Hoài nghi được trích dịch từ Kinh tạng Pāli:

Hoài nghi phát sinh có thể làm cho nó mất đi

"Ở đây, này các Tỳ Kheo, khi Hoài nghi có mặt, vị tỳ kheo cần phải hiểu rằng: "Trong tâm tôi Hoài nghi đang có mặt", và khi không có mặt, cũng phải biết rõ: "Trong lúc này, Hoài nghi không có mặt trong tâm tôi; vị ấy luôn

lượng thực, chắc chắn nguy hiểm sẽ chờ đợi người lữ khách ấy. Khi thoát khỏi Hoài nghi thì giống như người lữ khách đã vượt qua sa mạc và gần đến gần một ngôi làng an toàn, thoát khỏi nguy hiểm. Ở đó vị ấy sẽ vượt qua được mọi sợ hãi.”

“Vì vậy, khi Hoài nghi có mặt sẽ khiến cho các người nghĩ đến một trong 8 loại điều như: không biết rõ có hay không có bậc Chánh đẳng Chánh giác ra đời; có hay không có người chứng đắc Đạo quả v.v... nghĩ như thế, chẳng khác gì người lữ khách đi qua sa mạc mà chẳng biết có hay không có bọn cướp đang rình rập theo dõi mình; trong tâm ông ta bán tín bán nghi, một trạng thái tâm do dự, thiếu tự tin, chập chờn, lo lắng, vì thế sẽ tạo trong tâm các người một chướng ngại trên lộ trình tiến đến thánh địa (Ariya bhumi). Do đó, người có Hoài nghi không khác nào như đang du hành trong một sa mạc đầy hoang vu, khô cằn không khác!

DN 2

Bà la môn Dhotaka bạch hỏi Phật:

“Thưa Ngài, trong thế giới chư thiên và loài người, Ngài là bậc xuất gia, có đời sống thanh tịnh, thiếu dục tri túc cao quý, không có gì là sở hữu. Vậy con xin hỏi Tôn giả Gotama, bậc Trí giả, bậc có sự thấy biết hoàn toàn. Xin Ngài chỉ giúp cho con bằng cách nào có thể thoát khỏi Hoài nghi đang chế ngự tâm con?

Đức Phật trả lời: “Này Dhotaka, không có bất cứ ai trong thế gian này, ta có thể giúp cho người ấy đoạn trừ được Hoài nghi cả. Chỉ đến khi nào người ấy như thật hiểu rõ Pháp một cách toàn hảo, thì lúc bấy giờ người ấy mới vượt qua được đại dương Hoài nghi mà thôi.”

Lúc ấy Bà la môn Dhotaka khởi sinh lòng tịnh tín đối với Đức Thế Tôn và bạch rằng: “Kính bạch Đức Thế Tôn, con vô cùng ngưỡng mộ Ngài, quả thật Ngài là Bậc tịnh lạc tối thượng, Ngài là bậc an tịnh hoàn toàn, Ngài là bậc tri kiến vô nhiễm, Ngài là bậc đã vượt thoát khỏi ngục tù hệ lụy của thế gian”.

Kế đó, Phật nói cho vị Bà La Môn: “Này Bà la môn Dhotaka! ta nói cho người rằng, sự tịch tịnh an lạc Niết bàn chỉ có thể chứng nghiệm trong chính tâm ta, ngoài tâm ta sẽ không tìm thấy sự tịnh lạc tối thượng ấy; đây không phải là lời nói ngoa, không phải bịa đặt hay lời đồn

đãi thêm bớt, mà đây chính là chân lý, là sự thật mà ta tự chứng tri khi ta thực hành đời sống viễn ly, và cũng do nhờ có đời sống viễn ly ấy nên ta mới vượt qua được sự bủa vây, kèm tỏa của thế gian đầy rối ren này.”

“Kính bạch Thế Tôn, nếu thật là như vậy, xin Ngài hãy bi mẫn thương xót con và xem con như người bạn chí thân của Ngài, xin Ngài cho con được xuất gia theo Ngài để con được học và thực hành Pháp viễn ly hầu sớm đạt đến tuệ giác như Ngài, và nhờ vậy mà con sẽ không còn bị hệ lụy bởi thế gian đầy phiền phức này, dù sống ở đâu tâm con cũng được an tịnh, vắng lặng, tịch nhiên và không bị ràng buộc bởi bất cứ vật gì trên đời...”

“Này Dhotaka! muốn đạt được trạng thái ấy thì người cần phải có sự hiểu biết như thật rằng, trong thế gian này dù phía trên, phía dưới, chiều ngang, hoặc khoảng giữa; chúng thực sự chỉ là một chuỗi nối kết liên tục với nhau từ khoen này đến khoen khác mà tạo nên thế gian này! Khi biết được như thật như vậy, thì người sẽ không còn tạo nên bất cứ một hình thái tham ái và chấp thủ nào đối với hữu hoặc phi hữu và chấm dứt hẳn mọi hệ lụy khổ đau trên thế gian này!”

Kinh Nipāta V 6 ●



Tìm hiểu pháp chế định Theo vi diệu pháp

Đức Tài

Mội dung chủ yếu của Vi Diệu Pháp là Pháp Chân đế và Pháp Tục đế. Tục đế còn gọi là Pháp chế định. Trong phần này, chúng tôi giới thiệu đến quý độc giả đôi nét về Pháp Chế định.

I. NGHĨA LÝ

Để diễn đạt pháp siêu lý (Paramatthasacca dhamma) hay còn gọi Pháp Chân đế, thì cần phải vay mượn vào sự chế định để giải nghĩa, tỷ dụ, dẫn chứng v.v... mục đích là cho thấu hiểu chân tướng Pháp siêu lý [bản thể Pháp cao siêu: tâm (citta), sở hữu tâm (cetasika), sắc pháp (dhammarūpa) và níp bàn (nibbāna)].

Ngoài ra, chế định hay tục đế là sự tất yếu trong cuộc sống đời thường, như định đặt danh xưng, đồ vật, món, loài v.v... hoặc nghĩa của vạn vật vũ trụ v.v...

Ở đây khi nói về Pháp chế định (Pháp tục đế) là phần pháp nương vào bản thể pháp siêu lý mà chế biến, định đặt ra Danh chế định và Nghĩa chế định (Nāmapaññatti, Atthapaññatti).

II. PHÂN CHIA CHẾ ĐỊNH

Pháp chế định hay pháp tục đế phân ra 2 và có 13 phần như sau:

1. Danh chế định (Nāmapaññatti)

Là chế định tất cả danh từ, sự định đặt các ngôn từ dùng để xưng hô, kêu gọi, nói chuyện, chỉ vật chỉ; gồm cả danh chơn và phi danh chơn (tên bản thể thật và tên giả định không có thật). Phần này có 6:

a. Danh chơn chế định:

Là tên hay lời nói có ám chỉ pháp siêu lý như: tâm

trí, sắc pháp, níp bàn v.v...(diễn đạt chỉ bản thể chơn đế).

b. Phi danh chơn chế định:

Là tên hay lời nói mà không có ám chỉ pháp siêu lý như: người, cối, sông, biển v.v.... (tên gọi giả lập, chế đặt).

c. Danh chơn phi danh chơn chế định:

Là câu văn trước có ám chỉ siêu lý (chơn đế), sau chỉ giả định không đề cập pháp siêu lý như: tâm tánh người ấy, níp bàn vắng lặng, sở hữu phụ thuộc v.v... (câu trước ám chỉ bản thể chơn đế, sau chế định).

d. Phi danh chơn danh chơn chế định:

Là dùng câu văn trước không ám chỉ siêu lý, mà đoạn sau có ám chỉ pháp siêu lý như: người hữu tâm, cối vô sắc, khởi sanh tâm v.v... (câu văn trước chế định, sau siêu lý).

đ. Danh chơn danh chơn chế định:

Là cách ám chỉ khi câu văn nêu ra trước và sau đều là pháp siêu lý như: tâm thiện, sở hữu trí tuệ, sắc mạng quyền v.v... (tên định đặt trước và sau đều là bản thể chơn đế).

e. Phi danh chơn phi danh chơn chế định:

Là trong câu văn hay lời nói toàn là giả định, định đặt như: chúng sanh, vũ trụ, tôi đi, làm phước v.v... (tên gọi, đoạn văn, câu nói đều không có ám chỉ pháp siêu lý).

* **Lưu ý:** Sự chế định trong ngôn ngữ, danh từ (câu văn) khi gọi danh chơn là ám chỉ về bản thể chơn đế (tâm, sở hữu, sắc pháp, níp bàn); còn phi danh chơn là không thật, tức không có ám chỉ

pháp siêu lý. Tuy nhiên, xét về một góc độ khác, thì không thật ở đây là nói về pháp chân tướng bản thể (paramatthasacca dhamma); còn đối với đời thế gian thì phi danh chơn là thật của tục đế (chế định).

2. Nghĩa chế định (Aṭṭhapaññatti):

Khi đã định đặt, chế tạo ra danh từ, ngôn ngữ tức tên gọi, hoặc văn tự hay lời nói, lẽ tất nhiên phải có ý nghĩa của nó; vì vậy nghĩa chế định (Aṭṭhapaññatti) là một phần giải thích của danh chế định, hay nói cách khác nghĩa chế định là sự qui ước trong thế gian thường tình về sự vật, chúng sanh, vũ trụ v.v... mà đặt đồng hiểu với nhau hay những khái niệm mà nghĩa đặt ra được nhiều người đồng tình thuận ý. Nghĩa chế định phân ra 7 loại như sau:

a. Hình thức chế định:

Là chế đặt ra hình thức hay nương theo hình thức mà định đặt tên và có cách dùng như: vuông, tròn, dài, ngắn, nhỏ, lớn, cắt vuông, sắt móng, sông dài, biển rộng, núi cao v.v... (cách chế định có nghĩa về hình dáng, kiểu mẫu).

b. Hiệp thành chế định:

Là hợp nhiều thứ thành một cái (phần) đặt tên và định dùng như: chiếc xe phải có nhiều bộ phận mới thành xe và để đi, hay ngôi nhà tất phải có nhiều vật dụng (rui, mè, kèo, cột, tấm lợp....) mới thành căn nhà để ở v.v...[cách đặt ra do nhiều thứ hợp lại (hợp thành) có ý nghĩa].

c. Chúng sanh chế định:

Là những danh từ chế ra và khi nêu lên để chỉ vật có thức tánh, loài có sự sống tâm thức, hay mạng quyền như: 12 hạng người gồm người đạo, người quả, người hữu nhân, người vô nhân, người khổ hoặc Phật, chư thiên, nhân loại, thú vật v.v... (phần định đặt dùng để chỉ "Người" 12 hạng).

d. Phương hướng chế định:

Là cách dùng để chỉ các hướng (phương hướng), sự diễn đạt đặt ra mà khi nêu lên đăng biết về hướng như: hướng trên, hướng dưới, hướng đông, hướng tây, hướng nam, hướng bắc, hướng trước, hướng sau (tiền, hậu) v.v...

đ. Thời gian chế định (thời tiết chế định):

Là những danh từ lời nói chỉ về thời gian hay thời tiết, mà khi đọc hoặc nghe là hiểu nghĩa như: tiết trời se lạnh, mưa dầm, nắng hạn, ngày lành, tháng tốt, năm hên v.v... (sự chế định về thời gian và thời tiết).

e. Hư không chế định (huyệt ao chế định):

Là phần định đặt về không gian, tức khoảng trống, kể hở, hư không như: hang, hố, chỗ hững trống, lỗ trống, ao, hồ v.v... (cách chế định về chỗ trống trong không gian).

g. Tiêu biểu chế định (hình thức chế định):

Là cách nêu bày ra, tiêu biểu, tượng trưng (hình tướng) như: đề mục (cảnh, đối tượng trong việc tu thiền), bảng dấu hiệu, chữ viết, ký hiệu v.v... (chế định sự việc bằng cách tiêu biểu và hình tướng mà có nghĩa riêng).

Tóm lại:

Pháp chế định (Paññattisacca dhamma) hay còn gọi pháp tục đế (Sammuttisaccadhamma) là pháp nương nhờ vào bản thể pháp siêu lý (Paramatthasacca dhamma) mà chế biến, định đặt ra, tùy theo mỗi trường hợp cho thích ứng công việc trong đời (thế gian), với mục đích để chuyển tải ngôn ngữ, văn tự, sự vật, sự việc đồng hiểu biết với nhau, thông qua danh chế định và nghĩa chế định.

* Danh chế định để biết nghĩa chế định, tức là mượn tiếng chế biến ra tên, cùng lời nói.

* Nghĩa chế định hiểu đặt (phát sinh) danh chế định, hay là chế biến sửa đổi. ●



Một vị đại sư có một người đệ tử, sau khi tốt nghiệp một vài trường đại học rồi liền học đến các cấp học cao hơn như Thạc sĩ, Tiến sĩ. Sau nhiều năm miệt mài đèn sách, cuối cùng người đệ tử này cũng hoàn thành luận án Tiến sĩ nên vui mừng khôn xiết. Một hôm người đồ đệ này trở về, thưa với sư phụ rằng: "Bạch sư phụ nay con đã có học vị Tiến sĩ rồi, sau này con phải học những gì nữa, xin sư phụ chỉ dạy cho con?"

Người thầy bảo: "Học làm người" là việc học suốt đời chẳng thể nào tốt nghiệp được con ạ.

Rồi sau đó người thầy đã ôn tồn dạy cho người học trò các cách học làm người như sau:

Thứ nhất, "Học nhận lỗi". Con người ta thường không chịu nhận lỗi lầm về mình, tất cả mọi lỗi lầm đều đổ sang cho người khác, cho rằng chỉ bản thân mình mới đúng. Thật ra người không biết học nhận lỗi về mình chính là một khiếm khuyết lớn.

Đối tượng mà mình nhận lỗi có thể là cha mẹ, bạn bè, bà con hàng xóm, thậm chí nhận lỗi với con cái và cả những người đối xử không tốt với mình. Nhận lỗi như vậy, bản thân chẳng mất mát gì, trái lại còn thể hiện được sự độ lượng của bản thân. Học nhận lỗi là một điều rất tốt, là sự tu tập lớn.

Thứ nhì, "Học nhu hòa". Răng người ta rất cứng, nhưng lưỡi người ta lại mềm. Sống hết cuộc đời răng người ta lại rụng hết trước, nhưng lưỡi thì vẫn còn nguyên. Cho nên, cần phải học mềm mỏng, nhu hòa thì đời người mới có thể tồn tại dài lâu được, chứ cứng làm chi cho chịu thiệt thòi.

Tâm nhu hòa là một tiến bộ lớn trong việc tu tập. Người ta thường hình dung những người cố chấp thì tấm lòng của họ, tính cách của họ rất lạnh, rất cứng, y như một miếng sắt vậy. Nếu chúng ta có thể điều hòa hơi thở, điều hòa thân tâm, dần dần điều phục tâm như ngựa hoang, như vượn chuyền cành này khiến cho nó nhu hòa mềm mại, thì cuộc sống mới vui tươi hơn, mới lâu dài hơn.

Thứ ba, "Học nhẫn nhục". Thế gian này nếu nhẫn được một chút thì sóng yên biển lặng, lùi một bước thì biển rộng trời cao. Nhẫn, vạn sự được tiêu trừ. Nhẫn chính là biết xử sự, biết hóa giải, dùng trí tuệ và năng lực làm cho

Học làm người

Liên Đạt (Sưu tầm)

chuyện lớn hóa thành nhỏ, chuyện nhỏ hóa thành không. Con người muốn sống, muốn sinh tồn, muốn tồn tại sinh mạng này thì cần phải biết nhẫn để có thể hiểu rõ những đúng sai, thiện ác, tốt xấu của thế gian, thậm chí chấp nhận nó.

Thứ tư, "Học thấu hiểu". Thiếu thấu hiểu lẫn nhau sẽ nảy sinh những thị phi, tranh chấp, hiểu lầm. Mọi người nên thấu hiểu thông cảm lẫn nhau, để giúp đỡ lẫn nhau. Không thông cảm lẫn nhau thì không thể nào có sự hòa bình.

Thứ năm, "Học buông bỏ". Cuộc đời như một chiếc va li, lúc cần dùng thì xách lên, không cần dùng nữa thì đặt nó xuống. Con người ta cũng vậy, lúc cần đặt mọi thứ xuống lại không đặt xuống, chẳng khác nào tự mình kéo một túi hành lý nặng nề, không tự tại chút nào cả. Năm tháng cuộc đời có hạn, nhận lỗi, tôn trọng, bao dung, mới làm cho người ta chấp nhận mình, biết buông bỏ thì mới có thể tự tại được.

Thứ sáu, "Học cảm động". Nhìn thấy ưu điểm của người khác chúng ta nên hoan hỷ. Nhìn thấy điều không may của người khác chúng ta nên cảm động. Cảm động là tâm thương yêu, tâm bồ tát, tâm bồ đề. Học cảm động có nghĩa là làm cho tâm từ bi của ta ngày một thêm lớn.

Thứ bảy, "Học sinh tồn". Để sinh tồn chúng ta phải duy trì bảo vệ thân thể khỏe mạnh. Thân thể khỏe mạnh không những có lợi cho bản thân, mà còn làm cho gia đình bạn bè yên tâm, cho nên đó cũng là hành vi hiếu đức với người thân của mình vậy.

Sau khi nghe Sư Phụ dạy những điều như trên, người học trò mới hiểu ra rằng học chữ tuy khó, nhưng có một điều học khó hơn đó là nhân cách làm người và lớp học này thì không bao giờ có ngày tốt nghiệp. ●



Sau lễ Bế mạc Phỏng vấn các thành viên trong Ban Tổ chức Hội thảo Hoằng pháp Toàn quốc 2011 - Bình Dương

Bài: **Chơn Minh**
Ảnh: **Võ Tấn Phát**



TT. THÍCH BẢO NGHIÊM

- Phó Chủ tịch - HĐTS - GHPGVN
- Trưởng ban Hoằng Pháp TW
- Trưởng ban Tổ chức Hội thảo

PV: Xin Thượng tọa (TT) cho biết Lễ Khai mạc Hội thảo Hoằng Pháp toàn quốc (HTHPTQ) lần thứ 3 tại Bình Dương diễn ra trong tinh thần như thế nào?

TT. Thích Bảo NghiêM: Nghi lễ khai mạc HTHPTQ năm 2011 được tổ chức tại sân vận động tỉnh Bình Dương chiều ngày 10/03/2011 rất trang trọng và thành công về 3 mặt:

1. Về hình thức: Trang trí đẹp với đèn, hoa, biểu ngữ, băng rôn, áp phích cùng tinh thần trách nhiệm cao, kỷ luật tốt, khích lệ sự quan tâm của nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Về nội dung: Kịch bản được chuẩn bị khá chu đáo với sự tham gia nhiệt tình của tất cả các chùa, các tự viện và đông đảo tu sĩ, cư sĩ nam, nữ cùng các em sinh viên, tình nguyện viên trong tỉnh.

3. Giáo hội Phật giáo tỉnh Bình Dương đã được sự hỗ trợ tích cực của chính quyền các cấp, của các Ban ngành đoàn thể, của các nhà hảo tâm và sự ủng hộ nhiệt thành của tập thể chư tăng ni trong tỉnh. Số lượng người tham dự tại lễ khai mạc ước tính 35.000 người với sự hiện diện của các vị đại diện đầu ngành các cấp ủy Đảng, UBND; MTTQ; HĐND, đại diện các Ban ngành đoàn thể như Sở Nội vụ, Ban Tôn giáo; Sở Công an, Sở Điện lực, Sở

TTVH v.v... ngoài ra cũng kể đến sự có mặt của một vị khách mời nước ngoài là vị Phó Tổng thống ở đảo quốc Sri Lanka.

PV: Xin TT cho biết sự khác nhau nếu có giữa Hội thảo Hoằng pháp năm 2010 tại Kiên Giang và hội thảo Hoằng pháp 2011 tại Bình Dương?

TT. Thích Bảo NghiêM: Nhìn chung thì ngoài điểm tương đồng là nhằm mục đích bảo tồn và phát huy chánh pháp; thúc đẩy sự nghiệp hoằng pháp, trao đổi kinh nghiệm để việc hoằng pháp được phổ cập tới quần chúng nhân dân hiệu quả hơn.

Về điểm khác nhau là năm 2010 thì chủ đề là "Hộ quốc an dân" vì Phật giáo luôn lấy tinh thần vì an lạc của chúng sinh làm đầu, vì nhân dân mà phục vụ, vì đạo pháp mà dẫn thân. Còn trong Hội thảo 2011 ở Bình Dương lần này thì chủ đề "Phật giáo và Dân Tộc" đồng hành và phát triển cùng dân tộc, bên cạnh đó vẫn có những chủ đề phụ, trong hội thảo lần này BTC muốn các nơi rút kinh nghiệm, chia sẻ thành quả và tháo gỡ những gút mắc trong công tác hoằng pháp, đồng thời đề ra các biện pháp khả thi để giải quyết.

PV: Thưa TT, TT có ý kiến như thế nào về sự hỗ trợ của chính quyền tỉnh Bình Dương trong việc tổ chức HTHPTQ lần này?

TT. Thích Bảo NghiêM: Tôi thật vui mừng và xúc động khi được biết cấp Đảng ủy và chính quyền tỉnh Bình Dương đã hết lòng hỗ trợ Phật giáo Bình Dương tổ chức thành công lễ khai mạc HTHPTQ 2011 tại Sân vận động và lễ thả nến tri ân tại nghĩa trang liệt sĩ của tỉnh. Họ đã rất tốt trong vai trò hộ pháp của mình để giáo pháp đức Phật đến với quần chúng nhân dân, nhất là việc chấp thuận cho tỉnh hội Phật giáo xây dựng chùa Hội An, một ngôi chùa mới tại trung tâm khu đô thị mới của tỉnh nhà. Thay mặt cho GHPGVN tôi xin trân trọng cảm ơn Đảng bộ, Chính quyền và các cơ quan Ban ngành tỉnh đã quan tâm giúp đỡ Phật giáo Bình Dương. Kính chúc Đảng Ủy, UBND, MTTQ, HĐND và các ban ngành đoàn thể tỉnh Bình Dương vô lượng an lạc kiết tường và sẽ hoàn thành xuất sắc trọng trách đầu tư xây dựng một đô thị mới tương lai của

tình nhà mà Đảng đã giao phó.

PV: *Thưa TT, trong 9 nhóm chủ đề thảo luận theo TT thì Giáo hội phải làm gì trước sự suy thoái về mặt đạo đức của tầng lớp thanh thiếu niên ngày nay khi cuộc sống chịu ảnh hưởng của văn hóa ngoại lai?*

TT. Thích Bảo Nghiêm: Đối với thế hệ trẻ, trước hết, ta nên quan tâm đến họ xem họ cần gì? Theo tôi thấy cái mà họ cần ấy là môi trường sống, họ đang thiếu kiến thức cơ bản về ý thức dân tộc chẳng hạn như lễ tết cổ truyền, các chiến công cùng những đóng góp của các vị vua, các anh hùng dân tộc, hãy mở rộng tầm nhìn cho thế hệ trẻ khi du nhập những văn hóa phương Tây, là phải biết cách hòa đồng nhưng không hòa tan trong nền văn hóa vốn dĩ không phải của dân tộc mình. Chúng ta cần quan tâm giáo dục thế hệ trẻ, tạo cho các em những ấn tượng đẹp khi đến với ngôi chùa, ao sen, lũy tre làng v.v... sao cho những hình ảnh đó trở nên gần gũi với cuộc sống tâm linh. Có gần bó với tuổi trẻ thì công việc hoằng pháp cùng việc định hướng cho thanh thiếu niên mới đạt hiệu quả tốt.

PV: *Thưa TT đối với những nơi thiếu tăng sĩ thì TT có suy nghĩ gì về vai trò hoằng pháp của cư sĩ?*

TT. Thích Bảo Nghiêm: Nhiệm kỳ này tôi mới quan tâm đến vai trò của cư sĩ trong hoằng pháp. Thật vậy tại những vùng như (Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình) không có tăng, sư thì làm sao Phật tử những nơi này thấm nhuần giáo lý nhà Phật. Tu sĩ không đi sâu được vào quần chúng để tìm hiểu nhu cầu tâm linh của họ mà chỉ có cư sĩ (người dân với người dân nói đạo với nhau), không cần phải lên tòa thuyết pháp mà bất cứ nơi đâu có được 3 yếu tố: Thân giáo, khẩu giáo và ý giáo nơi đó việc hoằng pháp sẽ thực hiện được. Sự ảnh hưởng lẫn nhau vì lợi ích quần sanh được xem như là sự hoằng pháp tích cực. Người cư sĩ sẽ là một nhân tố tích cực hỗ trợ cho chư tăng trong sự nghiệp hoằng pháp. Tuy nhiên, cần làm cho người cư sĩ hiểu để tránh sự lạm dụng sa đọa ngã mạn khi đã có uy tín trong việc thuyết giảng giáo lý đức Phật.

PV: *TT đánh giá kết quả của cuộc HTHPTQ lần thứ ba này như thế nào? và TT có kỳ vọng điều gì từ cuộc HTHPTQ 2011 này?*

TT. Thích Bảo Nghiêm: Ban Tổ chức và đơn vị đăng cai đã hoàn thành tốt trọng trách được giao và ta không thể so sánh với các cuộc Hội thảo HP trước đây mà tôi quan niệm như thế này: "Cái trước có thể còn thiếu thì cái sau bổ sung". Hội thảo HP toàn quốc là dịp để quy tụ các giảng sư hoằng pháp trong cả nước lại để học hỏi chia sẻ kinh nghiệm cho nhau về việc hoằng truyền chánh pháp của Đức Thế Tôn. Giáo pháp có được hoằng truyền thì đạo Phật mới được lan tỏa, nét văn hóa dân tộc Việt mới được bảo tồn. Ngoài ra hoằng pháp trong thời đại mới chúng ta cần phải kế thừa cho phù hợp với

nhân sinh quan từng lứa tuổi, ví dụ thay vì giới thứ 3 là "không tà dâm" thì đối với lứa tuổi nhỏ ta giảng rộng là không quan hệ tình dục sớm (vì thanh thiếu niên chưa ý thức được tà dâm là gì?), hay giới thứ 5 là không uống rượu và các chất say nếu ta gò bó như cũ thì ta không thể nào tháo gỡ cho giới trẻ được việc nghiện ngập ma túy, nghiện Internet hay nghiện game online của thanh thiếu niên). Do vậy nên mở rộng là không uống rượu và dùng chất kích thích v.v...

Về giới luật thì không ai dám sửa đổi. Nhưng đòi hỏi chúng ta cần nên hiểu giới luật trên bình diện rộng và những vấn đề nêu trên có thể quy vào thành những tác động xấu trong giới thứ 5 vì chúng phá hoại trí tuệ của con người.

PV. *Xin cảm ơn TT đã nêu những kinh nghiệm trong sự nghiệp hoằng pháp để chia sẻ cùng bạn đọc của Tạp chí PGNT.*



HT. THÍCH MINH THIỆN

- Ủy viên HĐTS GHPGVN
- Trưởng BTS - tỉnh hội Phật giáo Bình Dương
- Phó Ban Thường trực (BTC Hội thảo) đặc trách tổ chức sự kiện.

PV: *Xin HT cho biết những chủ đề chính của các cuộc Hội thảo Hoằng pháp (HTHP) vừa qua và nét đặc trưng của cuộc HTHP 2011 này?*

HT. Thích Minh Thiện: Kể từ 2009 HTHP Toàn quốc được tổ chức tại Đà Nẵng có chủ đề là "Phật giáo & Hội Nhập".

Năm 2010 HTHP Toàn quốc được tổ chức tại Kiên Giang có chủ đề là "Hội nhập quốc gia dân"

Năm nay HTHP Toàn quốc được tổ chức tại Bình Dương có chủ đề là "Phật giáo và Dân Tộc", nét đặc trưng của HTHP 2011 là có 9 nhóm chủ đề thảo luận mang tính kế thừa từ HTHP 2010 ở Kiên Giang để các giảng sư hoằng pháp chia sẻ kinh nghiệm với nhau. Hội thảo lần này nhằm:

1. Tìm ra các bài tham luận sâu sắc nhất.
2. Thu thập thật nhiều ý kiến từ hội thảo nhóm.
3. Định hướng tổ chức Hội thảo lần này thoáng hơn nhằm tìm ra một kế sách thích hợp cho việc hoằng pháp trong nhiệm kỳ tới.

PV: Xin HT cho biết Ban tổ chức (BTC) Hội thảo có tổ chức hoạt động từ thiện nào để chào mừng cuộc HTHP toàn quốc 2011 không?

HT. Thích Minh Thiện: Trên tinh thần tất cả vì lợi ích của chúng sinh, BTC đã thực hiện được các công tác từ thiện sau đây :

1. Xây tặng 100 căn nhà đại đoàn kết và 01 nhà tình thương cho đồng bào nghèo
2. Tặng 1.000 chiếc xe đạp cho học sinh hiếu học, khó khăn .
3. Hỗ trợ 12 ca mổ tim, khám và phát thuốc cho hàng ngàn người bệnh
4. Viếng thăm và tặng quà từ thiện cho đồng bào nghèo.
5. Cúng dường xây dựng 05 ngôi niệm Phật đường cho vùng sâu, vùng xa

Tổng trị giá số tiền cho công tác từ thiện và tổ chức trên 10 tỷ đồng.

PV: Thưa HT trong chủ đề hoằng pháp cho thanh thiếu niên ta cần nhìn nhận việc này ở góc độ nào?

HT. Thích Minh Thiện: Theo tôi cần Phật hóa gia đình, đẩy mạnh hoằng pháp trong gia đình, phát huy vai trò gia đình Phật tử để giữ vững niềm tin cho giới trẻ tránh việc cải đạo do nhẹ dạ hay cả tin trong thanh thiếu niên. Do tâm sinh lý lứa tuổi nên phải vừa học vừa chơi rồi theo đó đưa giáo pháp nhẹ nhàng vào nhận thức của trẻ bằng những hành động cụ thể và thực tế sinh động nhất nhằm phát huy lòng nhân ái, tính vị tha, và bản chất hướng thiện vốn có của con người trong mỗi thanh thiếu niên.

PV: Thưa HT, HT kỳ vọng điều gì ở HTHP 2011 này?

HT. Thích Minh Thiện: Tôi mong sau HTHP toàn quốc này các chư tăng sẽ đúc kết được những kinh nghiệm quý báu cho hoạt động hoằng pháp tại địa phương mình đang hành đạo và trong hội thảo lần sau tôi muốn nghe được những báo cáo nói lên kết quả thành tựu cụ thể. Tất cả được xem là những đóa sen lòng nhất tâm dâng lên cúng dường đức Phật.



TT. THÍCH HUỆ THÔNG

- Ủy viên HĐTS GHPGVN
- Phó Trưởng ban Thường trực Tỉnh hội Phật giáo Bình Dương (Phó Ban TT- BTC/HTHP)

PV: Xin TT cho biết cảm nghĩ về thành quả của Hội thảo mà BTS Tỉnh hội Phật giáo Bình Dương đã đăng cai thực hiện?

TT. Thích Huệ Thông: Tôi rất vui mừng vì Phật giáo Bình Dương đã thực sự trưởng thành qua việc đăng cai tổ chức HTHPTQ 2011 lần này với sự trợ giúp tổng lực của Đảng bộ và chính quyền địa phương cùng các Ban ngành đoàn thể và các Phật tử trong tỉnh.

Về Phật giáo Bình Dương nói riêng, tôi hy vọng sau Hội thảo này chúng ta sẽ thu thập được nhiều kinh nghiệm, nhận ra những điểm mới qua các tham luận. Các điều này sẽ làm tiền đề cho Ban Hoằng pháp TW và các tỉnh thành thực hiện trong giai đoạn phát triển và đổi mới đất nước. Phật giáo và dân tộc gắn kết nhau chặt chẽ trong xu thế phát triển để Việt Nam hội nhập được với khu vực và quốc tế về mọi mặt.

PV: Thưa TT, TT nghĩ như thế nào về khuynh hướng đại đoàn kết giữa các hệ phái trong Phật giáo Việt Nam như Hòa thượng Thích Trí Quảng đã nêu trong bài pháp thoại khai mạc buổi HTHP?

TT. Thích Huệ Thông: Tinh thần đại đoàn kết không những là một mơ ước chung của các vị tôn túc các hệ phái tại Việt Nam mà còn là mơ ước của tất cả chư tăng, ni chúng ta đội ngũ kế thừa. Đây là một điều kiện then chốt trong việc xiển dương Phật giáo trên quê hương Việt Nam cũng như tại hải ngoại.

ĐD. THÍCH MINH LỰC

- Phó Thư ký tỉnh Hội Phật giáo Bình Dương

PV: Xin ĐD cho biết cảm nghĩ chung của ĐD và những kỳ vọng về cuộc HTHP 2011 này?

ĐD. Thích Minh Lực: Là thành viên trong Ban thư ký Tỉnh hội tôi ghi nhận sự hỗ trợ đặc lực của Đảng ủy và chính quyền tỉnh Bình Dương. Theo chủ đề Phật giáo và Dân tộc lần này rất hợp với đường hướng chung của chúng tôi vì Phật giáo Bình Dương rất gắn bó với dân tộc trong quá trình phát triển của mình. Chúng tôi rất chú trọng tới ngành hoằng pháp, ngành giáo dục chư tăng ni và hoạt động từ thiện rất sôi nổi của tỉnh Bình Dương. Tôi ước mơ chư tăng không phân biệt hệ phái nên đoàn kết chặt chẽ với nhau, vì nơi nào còn đội ngũ chư tăng đoàn kết thì nơi đó Phật pháp còn hưng thịnh. Mong HTHP được duy trì hàng năm để chư tăng cả nước gần bó hơn và giỏi hơn trong nghiệp vụ hoằng pháp của mình. ●

Phỏng vấn HT Thích Thiện Tâm về lễ trao tặng tước hiệu cao quý của Myanmar

PV PGNT

PV: Bạch Hòa thượng (HT), vừa qua được tin HT cùng với HT Danh Nhưŕng đợc mời dự lễ và nhận tước hiệu cao quý tại Myanmar; vậy xin HT hoan hỉ cho biết một số chi tiết liên quan về lễ phong tặng trên?

HT Thích Thiện Tâm: Theo Ban Tổ chức cho biết, hằng năm chính phủ Myanmar đều tổ chức lễ phong tặng tước hiệu cao quý cho Tăng ni và Phật tử có nhiều cống hiến cho sự nghiệp tu học và truyền bá chánh Pháp, trong nước và ngoài nước. Năm nay lễ trao tặng tước hiệu đợc tổ chức trang nghiêm trọng thể vào ngày 19-3-2011 tại chùa tháp hòa bình Uppatasanti, thành phố Nay Pyi Taw, Myanmar.

Qua ý kiến đề xuất của GHPGVN đến sứ quán Myanmar tại Hà Nội, chính phủ Myanmar đã gửi công văn, thông qua Bộ ngoại giao, mời HT Danh Nhưŕng và chúng tôi sang Myanmar dự lễ đón nhận tước hiệu của chính phủ Myanmar phong tặng. HT Danh Nhưŕng - Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh GHPGVN kiêm Viện trưởng Học viện Phật giáo Nam tông Khmer đợc phong tặng tước hiệu Aggamahasaddhamma Jotikadhaja (tối thượng chiếu quang chánh Pháp sư) và tôi HT Thích Thiện Tâm - Ủy viên Thường trực HĐTS-GHPGVN, Phó ban Phật giáo Quốc tế GHPGVN đợc phong tặng tước hiệu Mahasaddhamma Jotikadhaja (Đại chiếu quang chánh Pháp sư); ngoài ra, Việt Nam còn có HT Hộ Pháp chùa Bửu Long, quận 9, TP. Hồ Chí Minh cũng đợc trao tặng tước hiệu Aggamahapandita (Đại thiện Trí thức).

Đây là lần đầu tiên chư Tăng Nam tông (Khmer và Kinh) đợc Chính phủ Myanmar phong tặng 3 tước hiệu cao quý này.

Nhận thư mời của Chính phủ Myanmar do Bộ trưởng Bộ Tôn giáo Thura U Mint Maung ký, ngày



Bảng Tước hiệu

21 tháng 1 năm 2011 chúng tôi đã đáp máy bay số 705 của hãng Hàng không Quốc gia Việt Nam lên đường sang Myanmar dự lễ và đón nhận các tước hiệu cao quý trên.

Ra đón đoàn tại phi trường Yangon có ông U Win Htin Aung đại diện Chính phủ Myanmar, một số cán bộ Tôn giáo và đại diện Tăng ni sinh Việt Nam đang du học tại Myanmar.

Sau khi làm thủ tục nhập cảnh chúng tôi đợc đưa về nghỉ tại Trung tâm Phật giáo Mahasantisukha, thành phố Yangon

Trước và sau khi chính thức cử hành lễ trao tặng tước hiệu, chúng tôi đợc dự lễ cúng dường trai tăng do Thống tướng Than Shwe Chủ tịch Hội đồng Hòa bình và Phát triển, Quốc trưởng Myanmar và Chính phủ tổ chức tham quan một số danh lam thắng cảnh của Phật giáo Myanmar như: Thăm Trung tâm thiền Sunlungu; viếng thăm Ngài Tam tạng Bhaddanta Sundara, (vị thứ 10 thuộc lòng Tam tạng; tham quan chùa vàng Shwe Dagon; tham quan hai điểm du lịch nổi tiếng Myanmar là Safari Park và National Park; tham quan đại thạch động nơi kết tập Tam

tặng lần thứ 6; thăm trường Đại học Truyền bá Phật pháp Quốc tế do HT Nandamala làm Viện trưởng; tham quan chùa Sule nơi thờ Xá lợi Tóc của đức Phật; tham quan và dùng cơm trưa tại chùa Taboung; tham quan chùa Phật ngọc nặng 600 tấn gần phi trường Yangon...

PV: Bạch HT! xin HT cho biết, Chính phủ Myanmar năm nay đã phong tặng được bao nhiêu vị kể cả trong và ngoài nước. Gồm những nước nào và có những loại tước hiệu gì?

HT Thiện Tâm: Căn cứ vào cuốn kỷ yếu Ban Tổ chức tặng cho chúng tôi, năm nay chỉ có 11 vị cao Tăng từ nước ngoài đến là: Ấn Độ, Sri Lanka, Nepal, Thái Lan, Anh quốc, Bangladesh, Việt Nam.

Trong các tước hiệu phong tặng được phân loại như sau:

- Abhidhaja aggamahasaddhammajotikadhaja: 4 vị
- Aggamahasaddhammajotikadhaja: 21 vị (trong đó có HT Danh Nhưởng)
- Mahasaddhammajotikadhaja: 11 vị (trong đó có HT Thiện Tâm)
- Saddhammajotikadhaja: 15 vị
- Aggamahakammattanacariya: 2 vị
- Kammattanacariya: 3 vị
- Mahasaddhammajotikadhaja: 1 (tu nữ)
- Mahasaddhammajotikadhaja: 1 (thiện nam)
- Aggamahasirisuddhammamaniyotadhara: 4 (thiện nam)
- Aggamahasirisuddhammasingi: 4 (tín nữ)
- Sirisuddhammasingi: 1 (tín nữ)
- Saddhammamaniyotadhara: 6 (thiện nam)
- Saddhammasingi: 10 (tín nữ)

Tổng cộng: 83 bằng ghi tước hiệu .

PV: Bạch HT! Nghi lễ phong tặng Tước hiệu được diễn ra như thế nào. Xin HT tóm tắt một số chi tiết ghi nhận được?.

HT Thiện Tâm: Có những lễ chính được cử hành như lễ cầu Quốc thái Dân an, lễ cầu siêu, lễ Phong tặng Tước hiệu và lễ cúng dường đến những vị được phong tặng tước hiệu; các cuộc lễ diễn ra rất trang nghiêm trọng thể. Lễ trai Tăng do Chủ tịch nước, Thủ tướng và toàn thể thành viên Bộ Chính trị, Chính phủ, Bộ Tôn giáo và quan chức cao cấp các Bộ ngành cúng dường; lễ cầu Quốc thái Dân an và cầu siêu tổ chức tại lòng đại tháp Uppasanti bên cạnh đại sảnh đường Phật giáo (Maha Sasana Beikman) trước khi tổ chức lễ phong tặng tước hiệu tại đại sảnh đường chiều ngày 19-3-2011, cách khu nghỉ khoảng 10 km.

Chỉ có khách mời và các vị được tặng tước hiệu mới được mời tham dự (mỗi vị được phát trước cho



HT Thiện Tâm nhận tước hiệu

một chiếc quạt có ghi sẵn số thứ tự tại ghế ngồi lúc dự lễ và lúc thọ trai).

Tất cả chư Tăng đều ngồi trên ghế có phân định vị trí nên rất trật tự.

Đến chứng minh lễ trai Tăng có ngài Đại lão Hòa thượng Tăng thống và tất cả các vị Giáo phẩm lãnh đạo của Phật giáo Myanmar.

Về phía Chính quyền Myanmar có vị Thống tướng Than Shwe, Chủ tịch Hội đồng Hòa bình và Phát triển Myanmar, ngài Thủ tướng Thein Sein, các Ủy viên Bộ Chính trị và các Bộ trưởng của các Bộ ngành tham dự.

Tham dự các lễ trên về phía Việt Nam có HT Danh Nhưởng, HT Thiện Tâm và TT Hộ Pháp.

Nói chung, cuộc lễ phong tặng đã chuẩn bị rất chu đáo và diễn ra rất trang nghiêm trọng thể.

PV: Chúng con rất hoan hỷ và xin cảm ơn Hòa thượng. ●



Chiếc quạt do BTC tặng có ghi số thứ tự

Ngôi Chùa Trong Cộng Đồng Cư Dân Khmer

Bùi Thị Hồng Loan



ảnh minh họa

Trên mọi miền đất nước, hình ảnh ngôi chùa đã trở nên thân quen với tất cả mọi người, nó là sự kết tinh muôn đời của người Việt Nam nói chung và người Khmer nói riêng. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, ngôi chùa đã thực sự là biểu hiện sinh động các giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc. Mặc dù bước đường du nhập của Phật giáo trải qua nhiều khúc quanh trong lịch sử nhưng ngôi chùa vẫn giữ một vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa của cộng đồng cư dân Khmer Nam Bộ.

Người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long thường sống tập trung trong những phum, sóc chủ yếu ở các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu v.v... Trải qua quá trình phát triển của lịch sử, hệ thống tổ chức xã hội của người Khmer đã có nhiều biến đổi mạnh mẽ. Tuy nhiên, một số yếu tố chính vẫn được bảo tồn và phát huy. Cũng giống như các cư dân Đông Nam Á khác, người Khmer trồng lúa nước là chủ yếu. Về đời sống tâm linh, họ theo Phật giáo Nguyên thủy và là Tôn giáo phổ biến của người dân. Chính

vì thế, ngôi chùa có vị trí vô cùng quan trọng đối với cộng đồng cư dân Khmer đồng bằng sông Cửu Long.

Ngôi chùa không chỉ đẹp giữa chốn đồng quê hoặc nơi thâm sơn cùng cốc, tiếng kệ lời kinh, Phật giáo Nam tông không sử dụng chuông mõ hay hương khói nghi ngút. Ngôi chùa còn đi vào lòng người bởi nó chứa cả một “Kho tàng báu vật” của người xưa. Nó thể hiện tài năng và trí tuệ của những người thợ tài hoa nhiều thế hệ thông qua kiến trúc chùa, tháp, tượng thờ, phù điêu trang trí v.v... đó là những biểu trưng của Tôn giáo, của Văn hóa.

Người Khmer quan niệm việc đi tu là một trong những hành vi biểu hiện sự tôn kính Phật pháp, đặc biệt, người đàn ông dù giàu sang hay nghèo khó ít nhất trong cuộc đời của mình cũng phải có một lần vào chùa tu. Tu ở đây là được học chữ, học kinh kệ để trở thành một người trí thức, có đức hạnh. Ngoài ra, đi tu còn là nghĩa vụ, vinh dự của một đời người, nó còn thể hiện sự đền đáp công ơn cha mẹ. Người Khmer cho rằng, tu ở bậc Tỳ kheo đền ơn cha, tu bậc Sa di là đền ơn mẹ. Như vậy, đi tu chính là cơ hội để tích đức, tuy nhiên, người phụ nữ không được tham gia tu hành tại chùa (Phật giáo Nguyên thủy không chấp nhận sự có mặt ni cô tại chùa), họ cũng có quyền đi tu nhưng tu tại gia. Đối với những người đàn ông Khmer (đã trải qua tu hành) khi hoàn tục trở lại cuộc sống đời thường, luôn nhận được sự kính trọng của cộng đồng. Vì thế, vai trò các nhà sư trong xã hội có một vị thế đặc biệt, họ không những là người có uy tín mà còn nhận được sự kính nể.

Trong tổ chức nhà chùa, đứng đầu là Đại đức trưởng tăng, tiếp đến là Pahussôt và Acha chuyên dạy giáo lý. Đối với các tín đồ, theo truyền thống xưa người ta chia mỗi phum thành một tổ gọi là Wên. Những Wên này đều chịu sự giám sát của Nhom Wát (chủ chùa). Khác với một số Tôn giáo khác, Phật giáo Nam tông Khmer không mang tính thoát tục lánh xa cuộc đời, mà hòa cùng tất cả các thành viên trong cộng đồng, xây dựng cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn. Các nhà sư gắn bó với gia đình, cùng các hoạt động văn hóa xã hội... Như vậy, các nhà sư không những có vai trò đặc biệt trong xã hội mà còn có trách nhiệm, bổn phận, nghĩa vụ như những thành viên khác trong cộng đồng.

Một chức năng đặc biệt quan trọng của ngôi chùa Khmer là giáo dục cộng đồng. Hình thức giáo dục này gắn liền với Phật giáo, thông qua hệ thống giáo lý, kinh sách của nhà Phật. Người Khmer vốn có tiếng nói và chữ viết riêng, kể từ khi đạo Phật thâm nhập vào cộng đồng, nó đã không ngừng

phát triển và gắn bó mật thiết với ngôi chùa. Người Khmer có câu mất chữ, mất gốc, mất dân tộc, tôn giáo tiêu tan, con người phải chết, phần nào phản ánh tinh thần, ý thức gìn giữ vốn chữ viết Khmer. Chính vì thế, khi con em người Khmer tại các địa phương bên cạnh học tiếng phổ thông, các em phải vào chùa để học văn hóa, chữ viết dân tộc. Tại đây, các nhà sư không chỉ truyền dạy giáo lý nhà Phật mà còn dạy cả toán học, ngôn ngữ học... (chủ yếu bằng tiếng Pāli). Chương trình giảng dạy góp phần bảo vệ, gìn giữ những di sản văn hóa quý giá như chữ viết, văn học nghệ thuật Khmer giúp người dân nâng cao nhận thức. Bên cạnh việc giáo dục tri thức, nâng cao trình độ hiểu biết đối với cộng đồng, ngôi chùa còn thể hiện vai trò tích cực trong việc giáo dục đạo đức, lối ứng xử cho mỗi con người.

Các lễ hội cổ truyền, phong tục, tập quán của người Khmer đều gắn kết với lễ nghi Phật giáo, từ những việc cưới xin, tang lễ hoặc cầu mưa thuận gió hòa, cầu cho phum, sóc có cuộc sống yên bình ấm no v.v... khi tổ chức người Khmer đều mời các nhà sư tới cầu kinh chúc phúc, siêu độ. Cho nên, ngôi chùa mà đại diện là các nhà sư giữ vai trò quan trọng trong mọi lễ hội, nghi lễ, phong tục của người Khmer. Nói cách khác, ngôi chùa chính là nơi linh thiêng để tiến hành các lễ hội.

Vào lúc mùa màng đã gặt hái xong (khoảng tháng 4 âm lịch) cũng là lúc cộng đồng người Khmer tổ chức lễ Chol Chnam Thmay. Lễ hội có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với mỗi người dân Khmer. Tại đây, những trò chơi dân gian như ném còn, đi cà kheo v.v... cũng được đem ra sân chùa biểu diễn. Bên cạnh đó còn có lễ Đolta (cúng ông bà) được kéo dài từ 29-8 đến 2-9 âm lịch, nhằm tụng kinh cầu siêu, cầu phúc cho linh hồn của người thân sớm được lên cõi Phật và lễ này cũng được tổ chức tại chùa. Ngoài ra, còn rất nhiều lễ hội khác nữa như: lễ dâng y, lễ cúng trắng v.v... đều được tổ chức tại chùa.

Có thể nói nền văn hóa nghệ thuật Phật giáo Khmer được thể hiện qua các ngôi chùa đã có vai trò xuyên suốt trong quá trình lịch sử của cộng đồng. Ngoài những giá trị nghệ thuật cùng với những chức năng vốn có như: nơi tu hành của nhà sư, nơi sinh hoạt tôn giáo của tín đồ Phật tử, ngôi chùa còn là Trung tâm, là điểm tựa vững chắc, gìn giữ những giá trị văn hóa của người Khmer. ●

Hoằng Pháp ở Vùng Sâu Vùng Xa

Thích nữ Đạt Liên



I/ DẪN NHẬP

Từ thuở ban đầu, khi Đức Thế Tôn chuyển bánh xe pháp tại vườn Lộc Uyển, mở màn cho công cuộc hoằng pháp độ sanh, Đức Phật đã khuyến dạy các vị đệ tử như sau:

“Hãy ra đi, các Tỳ khưu, đem lại sự tốt đẹp cho nhiều người, đem hạnh phúc lại cho nhiều người. Vì lòng từ bi hãy đem lại sự tốt đẹp, lợi ích và hạnh phúc cho chư thiên và nhân loại. Mỗi người hãy đi một ngả. Nay hỡi các Tỳ Khưu, hãy hoằng dương giáo Pháp, toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn cuối cùng, toàn hảo cả hai, tinh thần và văn tự⁽¹⁾.”

Bức thông điệp đó vẫn còn vang vọng mãi cho đến ngày hôm nay. Hoằng pháp là một bốn phận thiêng liêng, cao cả và luôn được xem là Phật sự quan trọng hàng đầu trong quá trình truyền bá chánh pháp hóa độ chúng sanh. Song song với vấn đề tu tập giải thoát tự thân, người hành giả luôn dẫn thân vào con đường lập hạnh lợi tha. Trong đó đem thông điệp từ bi của đức Phật đến những nơi xa xôi hẻo lánh, vùng đồng bào ít người làm cho họ hiểu được Phật Pháp và thực hành theo để được lợi ích. Thiết nghĩ, đây là một trong những công tác Phật sự thiết thực nhất.

Sau đây là một vài ý kiến người viết xin được đóng góp trong vấn đề hoằng pháp ở vùng sâu vùng xa như sau:

II/ NỘI DUNG

1. Đạo đức của người giảng sư trong vấn đề hoằng Pháp

Hoằng pháp trong thời kỳ hội nhập và phát triển, người giảng sư hơn bao giờ hết cần thể hiện chí nguyện tốt đẹp nhất mà chư Phật Tổ đã truyền dạy, thực hành nghiêm chỉnh Giới - Định - Tuệ. Người có giữ giới thân tâm mới được thanh tịnh bởi vì giới là “Phòng phi chỉ ác”. Giới luật được trong sạch thì ba nghiệp hằng thanh tịnh, đó là con đường thẳng đến quả giải thoát, an lạc. Giới thể hiện đạo đức, tính cách, nếp sống hướng thượng của một con người mà vị giảng sư chuẩn mực không thể thiếu. Có như vậy mới có thể làm tấm gương sáng, nơi nương tựa tinh thần vững chắc cho quần chúng Phật tử đặc biệt nơi mà tâm tư người dân vừa mới xoay chiều đổi hướng nương tựa vào Tam bảo.

Bởi vì:

*Giới giữ cho thân sạch lỗi lầm
Cho tâm như ngọc luyện dồi tâm
Cho hoa trí tuệ tươi ngàn kiếp
Cho quả từ bi đẹp bội phần⁽²⁾*

Người giảng sư có giới đức trang nghiêm không những làm lợi ích cho tự thân, cũng là góp phần làm thánh thiện hóa nếp sống của mọi người xung quanh nhất là vùng đất nơi mà mình đang lưu trú để hoằng pháp.

Trong Luật tạng có đề cập: “Giới là để chế ngự, chế ngự là để khỏi hối hận, không hối hận là để được hân hoan, hân hoan là để được hỷ, hỷ là để được khinh an, khinh an là để được lạc, lạc để được định, định để được chánh kiến, chánh kiến để được vô dục, vô dục để được ly tham, ly tham để được giải thoát, giải thoát để có giải thoát tri kiến, giải

1. Đại Phẩm, tr. 19-20.

2. NT Thích Nữ Huỳnh Liên Tinh Hoa Bí yếu (Ke Chon Ly), tr. 284.

thoát tri kiến để đi đến vô thủ trước Niết bàn⁽³⁾.”

Nhờ có giữ giới thì tâm an tịnh, định tĩnh cộng với công năng tu tập từ đó trí tuệ phát sáng dần dần người hành giả có đầy đủ định lực để nghiên cứu, tư duy tìm ra những giải pháp tốt nhất nhằm đẩy mạnh công tác hoằng pháp ngày một có hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, người giảng sư không chỉ hoàn thiện về nhân cách đạo đức mà phải là người có trí tuệ, thông suốt am tường Tam tạng giáo điển. Trí tuệ đây do tu tập văn tuệ, tu tuệ, tư tuệ mà có được. Khi đã có văn tuệ, tư tuệ áp dụng trí tuệ đó vào cuộc sống tu tập và hành trì bằng phương pháp thiền định để thể nghiệm và thể nhập sự thật của các pháp. Chính nhờ trí tuệ đó mà người hoằng pháp có được chánh trí, biết nhìn xa trông rộng, biết việc nào làm sẽ đem lại lợi ích và việc nào làm sẽ không đem lại kết quả cho mình và người ở hiện tại và tương lai.

Thực hành Giới - Định - Tuệ nền tảng căn bản hình thành phẩm chất đạo đức và trí tuệ nhạy bén cho một vị giảng sư để từ đó người giảng sư có đầy đủ tư lương, mạnh dạn bước vào con đường dẫn thân phục vụ đem hết khả năng của mình truyền bá giáo pháp đức Phật, bằng thân giáo hay bằng khẩu giáo miễn là có tính thuyết phục làm cho người dân quy hướng ngôi Tam bảo, bỏ ác hành thiện đi theo con đường từ bi, trí tuệ và giải thoát điều ấy có nghĩa là người giảng sư đã hoàn thành thiên chức “Hoằng pháp vi gia vụ”.

2. Hoằng Pháp với công tác từ thiện ở vùng sâu vùng xa

Vì là nơi hẻo lánh, đời sống kinh tế chắc chắn là gặp nhiều khó khăn. Người dân lam lũ vất vả để tìm kế sinh nhai dù có nghĩ đến Phật Pháp cũng không có điều kiện để tìm đến. Như vậy, nếu chỉ có món ăn tinh thần mà không có món ăn vật chất thì món ăn tinh thần khó mà lĩnh hội được.

Thế thường có câu: *"Cổ thực mới vực được đạo"*

Thật vậy, thực tế cho thấy các Tôn giáo khác như Thiên chúa giáo, Tin lành cũng vậy khi họ muốn cải đạo một vùng nào đó trước tiên, là họ phát gạo, lương thực hoặc chu cấp một số tiền để làm vốn sinh sống, sau đó từng bước chuyển hóa tín đồ đi theo đạo của họ. Điều này cũng dễ hiểu, khi người dân được cơm no áo ấm thì hẳn nhiên phải nhớ đến

3. Thanh Tịnh Đạo Luận I, Thích Nữ Trí Hải (d), tr. 23.



Buổi hoằng pháp của Câu lạc bộ Hoằng pháp trẻ - ảnh internet

người giúp đỡ mình và từ đó sẽ nghe theo những gì người ấy mong muốn. Riêng Phật giáo chúng ta, công tác từ thiện là một trong ba món thí là: Tài thí, Pháp thí, Vô úy thí. Đối với đồng bào vùng hẻo lánh, xa xôi thì vấn đề Tài thí rất là quan trọng. Chúng ta có thể phát gạo, thực phẩm cho những gia đình nghèo, neo đơn tùy theo khả năng mà chúng ta quyên góp được.

Hiện nay, con người đang sống trong hiểm họa của bệnh tật, không những bệnh thân mà còn bệnh tâm. Nhà hoằng pháp không chỉ biết vận dụng pháp được mà phải biết vận dụng cả y dược để trị liệu, cụ thể nhất là tạo điều kiện đưa những phái đoàn Y, Bác sĩ đến khám bệnh, phát thuốc miễn phí. Có những buổi nói chuyện về sức khỏe và đời sống, phòng các căn bệnh hiểm nghèo của thời đại mà người dân vùng xa dễ mắc phải. Tổ chức phát học bổng cho các học sinh nghèo hiếu học v.v... Khi đời sống của người dân được sự quan tâm, giúp đỡ, họ cảm thấy phần nào bớt đi sự cơ cực, lúc bấy giờ chúng ta mới có cơ hội gần gũi nhắc nhở, an ủi quy hướng họ về với Phật Pháp. Như vậy, cùng một lúc chúng ta vừa giúp cho họ món ăn vật chất và món ăn tinh thần.

Nếu biết vận dụng hai phương thuốc “Y dược và Pháp dược” sẽ mang lại ý nghĩa tích cực trong việc tế độ chúng sanh trong hiện tại.

3. Hoằng Pháp với vấn đề văn hóa

Chúng ta nên nhớ rằng khi đi đến vùng sâu, vùng xa như vậy vấn đề tạo tự là rất khó. Tuy nhiên, mái chùa là nơi để tín đồ Phật tử quy tụ lễ bái, bày tỏ lòng tín ngưỡng của mình đối với chư Phật, Bồ Tát. Thậm chí, đối với những người chưa biết đạo, họ cũng xem chùa là nơi trú ngụ của Thánh hiền

có thể đến đó để cầu nguyện, vái van ơn trên gia hộ cho được sức khỏe, buôn may bán đắt v.v... Do vậy, nơi nào chúng ta đến mà chưa có chùa chúng ta phải tạo tự, không những làm nơi nương tựa tinh thần cho tín đồ, bổn đạo mà còn là nơi để chúng ta có dịp truyền bá chánh pháp giúp cho người dân bỏ tà kiến theo chánh kiến. Bởi vì:

*"Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông"⁽⁴⁾*

Bên cạnh đó mỗi chuyến công tác từ thiện như vậy, chúng ta có thể phát hành kinh, sách hoặc băng đĩa với những bài pháp dễ hiểu, ngắn gọn, xúc tích được các vị giảng sư Trung ương hoặc Thành hội thuyết giảng. Ngoài ra, chúng ta có thể đăng ký các báo Phật giáo phân phát cho đồng bào nơi đó nắm bắt được hoạt động, sự phát triển của Giáo hội trong giai đoạn hiện tại. Để từ đó, đồng bào vùng thiếu sót thấy được lợi ích con đường họ đang đi và điều họ đang làm.

4. Hoằng Pháp với công tác giáo dục

Giáo dục Phật giáo rất cần thiết để giúp cho người tín đồ vận dụng thiết thực những lời dạy của đức Phật trong đời sống thường nhật và góp phần xây dựng một trật tự an sinh xã hội. Do vậy, ngoài những buổi thuyết giảng trước hội chúng vào những ngày bát quan trai, Phật thất v.v... những ngày chủ nhật chúng ta mở thêm những lớp giáo lý căn bản hoặc những buổi thuyết pháp để khai mở về lời dạy của đức Phật cho họ tập làm quen với những thuật từ Phật Pháp. Điều đáng chú ý là chúng ta nên đào tạo cho giới trẻ, các em thanh thiếu niên. Bởi vì tuổi trẻ là mầm non tương lai dù trong đạo hay ngoài xã hội. Tuy nhiên, ở đây chúng ta đang nói về lĩnh vực hoằng pháp ở vùng sâu vùng xa do đó điều đầu tiên dạy cho giới trẻ những giáo lý căn bản như quy y Tam bảo, giữ gìn 5 giới cấm, lý nhân quả, nghiệp báo v.v... Nếu trình độ văn hóa của các em còn yếu kém, chúng ta nên mở các lớp học bổ túc văn hóa tại chùa mời các giáo viên đến dạy để nâng cao trình độ văn hóa cho các em. Có như vậy thì các em mới có đủ trình độ, kiến thức để lĩnh hội Phật Pháp. Sau này, khi các em vững vàng có đủ tri kiến cả hai mặt Phật học và Thế học, các em sẽ trở thành những người đi truyền đạo bằng ngôn ngữ địa phương sẽ dễ dàng trong việc hoằng pháp tại bản xứ của mình.

4. Trích bài thơ "Nhớ Chùa" của tác giả Huyền Không

5. Hoằng Pháp với vấn đề kinh tế

Như đã trình bày ở trên, vấn đề đời sống vật chất luôn là mối lo ngại hàng đầu đối với những người dân vùng dân tộc thiểu số. Do vậy, chúng ta cố gắng tạo cho họ có công ăn việc làm thì thật là sách lược tuyệt hảo trong hoằng pháp. Cụ thể là đầu tư những cơ sở may mặc, công nghiệp nhẹ như tiểu thủ công nghiệp. Mời những người có tay nghề giỏi đến dạy nghề cho các em thanh thiếu niên hoặc mở những lớp nâng cao tay nghề, tạo điều kiện cho người dân có việc làm, giảm bớt những lo toan, sinh kế đây cũng là nhịp cầu nối liền giữa đời và đạo giúp hai bên có sự cảm thông hơn và giúp đỡ nhau trên con đường hoằng pháp đem lại nhiều thành công hơn.

III/ KẾT LUẬN

Tóm lại, từ những vấn đề trên, chúng ta phải nhìn nhận rằng: Người hoằng pháp trong giai đoạn hiện tại sẽ luôn đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách nhất là hoằng pháp nơi vùng sâu vùng xa. Đưa ra phương hướng, sách lược đã khó nhưng thực hiện được lại càng khó hơn. Liệu người hoằng pháp có đủ sức kham nhẫn chịu đựng gian khổ, có đủ khả năng linh hoạt xử lý vấn đề trong mọi tình huống và nhất là có khả năng tự mình tạo ra của cải vật chất theo đúng tinh thần Phật giáo nhằm trợ giúp cho công tác hoằng pháp được kết quả tốt đẹp, duy trì đời sống Tôn giáo vững mạnh trên con đường hoằng truyền chánh pháp cứu độ chúng sanh! Điều này xin chờ đợi câu đáp án từ những nhà hoằng pháp nhiệt tâm, nhất là những người luôn mang trong mình tâm huyết không từ gian lao, không ngại khổ nhọc mang thông điệp từ bi của đức Phật đi khắp mọi nơi làm cho giáo pháp của đấng từ phụ Thích Ca Mâu Ni mãi mãi trường tồn, tỏa rạng thiên thu. ●



Chương trình chăm sóc đời sống tâm linh cho đồng bào dân tộc - ảnh internet

Một Chuyên Gia Nghệ Thuật(*)

TK. Giới Đức

Trong lúc hai vị đại đệ tử và các bậc Trưởng lão thu xếp, sắp đặt công việc để làm một cuộc du hành về phương Nam - thì đức Phật ôm bát đến tư gia vợ chồng trưởng giả Assalāyana và Candavatī. Cả hai đều là những cư sĩ tín đạo, thuần thành.

Biết tuổi thọ cả hai người sắp mãn, cần phải có chỗ trú tâm vững chắc nên đức Phật chỉ giảng về các pháp thanh tịnh và cách thức trú tâm vào các pháp thanh tịnh ấy.

Đặc biệt, đức Phật chỉ nói đến giới và tâm. Giới thanh tịnh từ lâu được hiểu là thân và khẩu thanh tịnh. Tuy nhiên, đối với người cận sự nam, cận sự nữ - chỉ cần không nói lời xấu ác, không hành động xấu ác là đủ gọi là giới thanh tịnh rồi. Về tâm, cũng tương tự như thế, chỉ cần không suy nghĩ những điều xấu ác, không hận, không sân đã là tâm thanh tịnh rồi.

Bên cạnh, lúc ấy, có thanh niên Mahākotṭhita, là con trai lớn của hai ông bà, đang đứng quạt hầu đột ngột chấp tay thưa hỏi:

- Bạch đức Thế Tôn! Giáo pháp của Ngài sao mà giản dị và dễ hiểu đến thế? Lại còn đi trực tiếp ngay vào sự hành trì, cụ thể và thiết thực nữa.

Đức Phật mỉm cười:

- Hóa ra ông đã từng nghe ở đâu về giới thanh tịnh và tâm thanh tịnh này rồi?

- Thưa vâng! Các giáo phái trong và ngoài truyền thống Vệ đà, các thanh tịnh này đều rơi vào khổ hạnh cực đoan. Ví dụ như tịnh khẩu, treo thân lên, nhịn ăn ép xác, nằm bàn chông, nằm trên đất! Nói tóm lại là làm cho cái thân



khô kiệt đi thì thân khẩu mới thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì phải ghép mình vào cúng tế, cầu nguyện, đọc thần chú hoặc luyện yoga v.v...

- Vậy thì ông thấy có sự khác biệt nào giữa họ và Như Lai hay sao?

- Thưa, thân khẩu ý - tâm là một vận hành tương quan, tương tác. Từ ý nghĩ khởi sanh rồi làm việc, sinh hoạt, ăn uống, đi đứng ngồi nằm - nếu được giác tỉnh - thì ta dễ thấy rõ cái gì là xấu ác, cái gì là lành tốt. Từ chỗ này mà hành trì, tu tập như lời dạy vừa rồi của đức Thế Tôn thì giản dị, dễ hiểu và giá trị thiết thực vô cùng. Chính con tâm đắc ở chỗ này!

Đức Phật mở lời khen ngợi:

- Như Lai mới giảng giải sơ lược giới, tâm thanh tịnh cho người tại gia - mới nghe qua mà ông đã lần dò được vào giới, tâm thanh tịnh của bậc xuất gia rồi đấy, này Mahākotṭhita!

- Con không dám!

Chợt nhiên, đức Phật hỏi:

- Sở học của ông như thế nào, này Mahākotṭhita?

- Con được cha mẹ cho các thầy bà-la-môn

rèn cặp từ năm sáu tuổi. Đến năm mười tám tuổi thì con đã nghiên cứu hết mọi tư tưởng của các giáo phái trong và ngoài truyền thống Vệ-đà; nhưng không biết tại sao, tâm trí con không xu hướng ở đó, không dính ở đó. Con có điều đặc biệt hơn mọi người, bạch đức Thế Tôn!

- Hãy vui lòng kể cho Như Lai nghe những cái đặc biệt ấy với nào?

- Thưa, cả mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của con đều rất nhạy cảm.

- Ví dụ xem nào?

- Thưa, thấy một chiếc lá rơi, con cũng xúc động! Thế là con ngồi con quan sát, chăm chú xem thử chiếc lá ấy nó có màu sắc như thế nào, khô vàng như thế nào rồi rơi rụng như thế nào. Lắng nghe cho thật kỹ, khi chiếc lá rơi, nó có âm thanh, nó có ngôn ngữ, có tiếng nói riêng của nó! Con nghe được, bạch đức Thế Tôn!

- Nó nói như thế nào, này Mahākotṭhika?

- Thưa, nó ngậm ngùi, nó thở dài, nó tiếc rẻ cả một đời xuân xanh! Con thương nó quá!

- Đúng vậy, nó cũng bị sanh, bị tử vậy!

- Vâng! Còn nữa, khi nghe một tiếng chim! Ô, không đơn thuần chỉ là tiếng chim đâu. Không biết bao nhiêu là cung bậc, bao nhiêu là âm lượng, bao nhiêu là tiết tấu, bao nhiêu là tâm sự, nỗi lòng, bao nhiêu là tình cảm buồn vui xen trộn phức tạp! Rồi còn hằng trăm giọng chim khác nhau nữa! Là cả một thế giới mông mông, mang mang rất khó nắm bắt, rất khó lượng giá...

Con đã sử dụng hằng chục loại đàn, nhưng sau đó, rất mau chóng con cảm nhận sâu sắc và bi thảm rằng, các nhạc cụ của thế gian chẳng đều bất lực.

Rồi còn âm thanh của gió, của suối, của sóng, của dế giun, của ếch nhái, của mưa rơi, của đông bão v.v... lại càng bất lực hơn nữa. Ngay như tiếng gió đi qua rừng trúc, rừng thông, qua núi đá, qua sa mạc, qua núi lửa, qua thôn làng, qua phố thị, qua biển rộng, sông dài, qua những đền đài, phế tích lịch sử thì nó đã có những ngôn ngữ hoàn toàn khác nhau rồi...

Đức Phật mỉm cười:

- Thuở còn là thái tử ở trong cung vua, Như Lai cũng biết sử dụng tất cả các loại nhạc cụ, sau đó, Như Lai thường hay thổi tiêu, nó cũng

chuyên chở được chút ít nỗi lòng thuở ấy. Sau đó, Như Lai cũng mau chóng cảm giác là chúng bất lực - như ông cũng đã từng có cảm giác bất lực đấy, này Mahākotṭhita!

- Thật là thú vị!

- Ừ, thật thú vị! Còn tiếng gió nữa! Cái ngôn ngữ của gió - thì Như Lai đã từng lắng nghe, từ đêm này sang đêm khác...

Thanh niên Mahākotṭhita cảm giác như gặp người tri âm, tri kỷ, thốt lên:

- Hóa ra đức Thế Tôn là một đại nghệ sĩ! Có phải đức Thế Tôn từng nghe tiếng gió lúc thì nó cuồng nộ, lúc thì nó bình hòa, lúc thì nó thanh thản, lúc thì nó thật là thê lương, thật là hư vô... có phải thế chẳng?

- Ừ. Đúng vậy!

Im một lát, chàng thanh niên nói tiếp:

- Trăng sao con cũng cảm xúc, sương mù con cũng cảm xúc, một đỉnh núi đá trơ vơ con cũng cảm xúc, một phế tích, một đền đài cổ kính rêu phong... con cũng cảm xúc...

Nói tóm lại, là mắt tai mũi lưỡi thân ý của con cảm nhận ngoại giới không chỉ ở bình diện bên ngoài, nó lặn sâu vào trong. Do vậy, không những con là một nhạc sĩ, mà con còn là nhà thơ, họa sĩ, cả làm nhà điêu khắc nữa! Con chỉ muốn lưu giữ thực tại trong từng khoảnh khắc! Con muốn lưu giữ thực tại như nó đang là! Nhưng mà bất lực! Mọi thiên tài nghệ sĩ đều bất lực!

Ồi! Con yêu tất cả vẻ đẹp của đất trời, đồng thời con cũng yêu cả nguyên động lực hủy diệt cái vẻ đẹp ấy. Tại sao vậy? Vì hủy diệt sau đó lại sanh hóa, hay nó chính là năng lực của sự sanh hóa? Ở chỗ này, đôi khi nó làm cho con bối rối và bất an, bạch đức Thế Tôn!

- Đúng vậy! Điều mà ông bối rối và bất an chính là điều mà Như Lai đã từng bối rối và bất an!

Nhưng mà này, Mahākotṭhita! Chính do năng lực sinh thành và hủy diệt ấy của vạn hữu nên mới có được những tâm sự như trên... khiến cho các nhà nghệ sĩ tạo nên thơ, nhạc, hội họa, điêu khắc ... Họ muốn chụp bắt vĩnh cửu, mô tả thực tại hoặc tái hiện nỗi lòng, này chàng trai! Và vì bất lực nên biết bao nhiêu thiên tài nghệ sĩ đã đau khổ, đã thống khổ... sống đời lập dị, bị tâm

thần hoặc si cuồng, điên loạn.

Sự ngây thơ và ấu trĩ trong nhận thức ấy đẩy họ đi đến thế giới hư tưởng, vọng tưởng, hoang tưởng... lúc nào không hay! Đây mới chính là vực thẳm hoặc hư vô thật sự đấy, này chàng trai! Sự sinh thành và huỷ diệt ấy là cái tất định của vạn hữu mà - vì nếu không có những luật tắc thiên nhiên và tự nhiên ấy thì một hạt bụi, một mầm xanh trên thế gian này cũng không tồn tại!

Tại sao, không một ai trong số họ, hiện quán, hãy ngẩng nhìn vào bên trong, để thấy rằng, bên trong ấy cũng có sinh thành và hoại diệt. Một tâm niệm cũng được tham lam, sân hận, si mê chúng tạo tác, sinh thành và hoại diệt? Rồi chúng sinh ra sầu bi khổ ưu não!

Giáo pháp của Như Lai được thiết lập ngay tại chỗ này - và đó mới chính là nhận thức về khổ để một cách thông minh, trưởng thành, có chiều sâu, như chân như thực, này chàng trai!

Thanh niên Mahākotṭhita rung động cả châu thân. Trầm ngâm một hồi, chàng lại hỏi:

- Vậy thì cái sinh thành và huỷ diệt của ngoại giới... tạo nên bi, khổ... là ảo tưởng, là māyā à, thưa Tôn Sư?

- Điều ấy, chính ông phải tự vắt tay lên trán mà chiêm nghiệm lấy, này chàng trai!

Đức Phật mỉm cười, không trả lời gì nữa, đầu được hỏi.

Về lại Kỳ Viên, đức Phật kể chuyện ấy rồi nói với hai vị đại đệ tử:

- Mahākotṭhita - con trai của ông bà trưởng giả Assalāyana và Candavatī sẽ tìm đến đây xuất gia trong vài ngày tới. Sāriputta có duyên làm thầy tế độ. Moggallāna có duyên giáo huấn, dạy dỗ. Vậy hai ông ở lại đây ba bốn hôm nữa. Như Lai, và đại chúng lên đường trước. Sau đó, hoặc ở tại đây hoặc ở tại Rājagaha, Vesālī, Kapilavatthu... thì cứ tùy nghi công việc.

Đúng như đức Phật dạy, hai hôm sau, ông bà trưởng giả Candavatī cùng con trai đến Kỳ Viên; và cuộc lễ xuất gia đã diễn ra sau đó.

Có điều kỳ lạ được nói lên, là khi đang cạo tóc, Mahākotṭhika đoạn lìa tất thảy mọi tà kiến, chánh kiến phát sanh. Và sau khi vừa mặc y xong, ông đắc quả A-la-hán, được luôn cả tứ vô ngại giải.

Hai vị tôn giả biết là vị tân tỳ-khưu này, sau này, sẽ trở thành một pháp khí đặc biệt. Ông ta sẽ có ngữ, nghĩa, pháp, biện đều vô ngại - nhưng lại có duyên với giới nghệ sĩ, sẽ sử dụng ngôn ngữ của giới nghệ sĩ để cứu độ họ, dẫn dắt họ vào miền nghệ thuật tối thượng là sự im lặng và bình an vĩnh cửu của tâm hồn!.

(*) Trích trong: "Một cuộc đời, một vầng nhật nguyệt"
Quyển 4 - sắp phát hành)





vua Trần Thái Tông
(1225 - 1258)

Suy nghiệm về sự chứng ngộ đạo Thiên của **TRẦN THÁI TÔNG**

TS. Thích Phước Đạt

Không phải ngẫu nhiên Thiền sư Chân Nguyên tán thán sự giác ngộ của Trần Thái Tông được ghi trong Thiền Tông Bản Hạnh như sau:

"Vua ngồi tức lự trăm năm,

Hoát nhiên đại ngộ mới thâm vào lòng,

Ngộ được Bát nhã tâm tôn,

Vạn pháp diêu dụng, tự tánh hiển dương..."

"Thiên hạ Nam Bắc Đông Tây,

Thấy vua đắc đạo trong lòng vui thay..." (Câu 290-300)

Rõ ràng Trần Thái Tông được sử sách tôn vinh là vị vua anh minh, là thiền gia chứng ngộ đạo lý thiền từ bao đời nay. Ông là vị vua đầu tiên khai sáng ra triều đại nhà Trần, cũng là người có công đặt nền móng tư tưởng cho Thiền phái Trúc Lâm ra đời. Nhà vua là người đã thực hiện hoài bão của mình kể từ ngày trở về kinh đô nắm giữ triều đình, nhưng vẫn chuyên tâm nghiên cứu kinh điển cả Phật giáo lẫn Nho giáo suốt gần 10 năm trời. Ông đã trực ngộ bản kinh Kim cương nhất là chỗ cốt yếu "Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm".

Chính cái tâm "Ứng vô sở trụ" mà kinh Kim Cương nói đến đã khai mở trí tuệ Trần Thái Tông. Người hành giả phát tâm vô thượng Bồ đề không nên trụ nơi sắc mà sinh tâm, không nên trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sinh tâm ấy. Tâm ấy là tâm vô thượng Bồ đề. Thực tế, một tâm không trụ chỗ nào hết là cái tâm chân thật, thanh tịnh khi hành giả tiếp cận các

pháp trần khởi niệm giác tỉnh vô ngã tưởng ngay giữa lòng đời. Về điểm này, thật phù hợp với kinh điển Nikāya mà đức Phật tuyên thuyết qua tinh thần kinh Tứ niệm xứ: "Chú tâm, tinh cần, chánh niệm, tỉnh giác không trú trước vào bất cứ điều gì ở đời".

Con đường đó trở thành kim chỉ nam để ông đi vào thế giới công phu Thiền quán. Ông khuyến cáo mọi người cần phải giữ sáu căn thanh tịnh khi tiếp xúc sáu trần qua phương pháp thực hành sám hối. Trần Thái Tông biên soạn Lục thời sám hối khoa nghi để "tự làm lợi cho mình và làm lợi cho người", mục đích là trở về cái tự tánh vốn thanh tịnh, không bị cấu nhiễm bởi các trần. Công phu thiền quán theo Trần Thái Tông là phải giác tỉnh sáu căn thường xuyên khi tiếp xúc sáu trần gây ra các nghiệp tội lỗi. Điều đáng nói, các khoa nghi sám hối như Lương hoàng sám, Từ bi thủy sám của Trung Hoa đã truyền tụng trước đó, nhưng Trần Thái Tông vẫn trước tác ra khoa nghi sám hối riêng biệt, để khẳng định ý thức tự chủ của dân tộc về mặt thực nghiệm tâm linh.

Theo Trần Thái Tông để công phu thiền quán dễ tiến sâu vào định cần phải hành trì giới luật. Vai trò của giới luật vô cùng to lớn trong việc làm hóa hiện các điều thiện, huỷ diệt các điều bất thiện có nguy cơ nảy mầm. Nhờ giữ giới mà hành giả có thể đến bờ giác ngộ. Trong bài Thụ giới luận, Trần Thái Tông viết: "Kinh vân: Giới như bình địa, vạn thiện tùng sinh. Giới như lương y, năng liệu chúng bệnh. Giới như minh châu, năng phá hôn ám. Giới như thuyền phiệt, năng độ khổ hải". (Kinh nói rằng: Giới như mặt đất bằng, mọi điều thiện từ đó sinh ra. Giới như

thầy thuốc giỏi chữa được các bệnh. Giới như hạt minh châu, phá vỡ mọi tối tăm. Giới như thuyền bè, vượt qua bể khổ).

Trên bước đường tiến sâu vào tuệ, công phu tọa thiền sẽ hỗ trợ sẽ làm cho định lực phát sinh, từ đó tuệ sinh khởi. Mỗi bước đi của việc tụng kinh, trì giới, tọa thiền là mỗi bước đi hướng vào miền đất an lạc. Hướng giải thoát theo Trần Thái Tông chủ trương là hướng đi theo truyền thống Giới định tuệ mà Thế Tôn và các bậc Thánh đã đi qua: “Phù học đạo chi nhân, duy cầu kiến tính. Tuy thụ kỷ nhất thiết tịnh giới nhi vô tọa thiền tắc định bất sinh” và “Phù tuệ giả sinh ư định lực. Nhược tâm định tắc tuệ giám sinh” (Người học đạo chỉ cốt thấy bản tính, tuy chịu tất cả mọi tịnh giới mà không ngồi thiền thì định lực không sinh và người có trí tuệ được phát sinh từ định lực, nếu như tâm định thì gương tuệ phát sinh).

Chính hướng đi này, về sau Tuệ Trung Thượng sĩ và Trần Nhân Tông đã khai mở dòng thiền Trúc Lâm phát triển, đi vào lòng dân tộc. Chúng ta có thể dựa vào các thư tịch còn lại để hiểu rõ nội dung tư tưởng triết lý dòng thiền Trúc Lâm, qua đó cũng thấy được sự xuyên suốt dòng mạch tư tưởng thiền tông này thật là nhất quán. Trần Thái Tông viết Thiền tông chỉ nam, Kim cương Tam muội, Lục thời sám hối khoa nghi, Khoá hư lục, Bình đẳng lễ sám văn, Thái Tông thi tập; Tuệ Trung Thượng sĩ thì để lại Thượng sĩ ngữ lục; Trần Nhân Tông trước tác Thiền lâm Thiết thủy ngữ lục, Tăng già toái sự và Đại Hương Hải

ẩn thi tập, Thạch thất mỹ ngữ và một số thơ, phú khác; Pháp Loa trước tác Đoạn sách lục, Tham Thiền chỉ yếu; Huyền Quang với Ngọc tiên tập, Phổ Tuệ ngữ lục...

Do nhiều nguyên nhân khách quan khác nhau, hiện chỉ còn lại một số văn bản như Thiền tông chỉ nam tự, Khoá hư lục, Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục, Cư trần lạc đạo phú, Đặc thú lâm tuyên thành đạo ca và một số bài thơ, kệ, phú của các Tổ sư Thiền phái này. Thông qua việc khảo sát các văn bản nói trên, chúng ta có thể nhận định các vấn đề lý luận, hành trì được đặt ra của Thiền phái nhất tông này, về cơ bản đều đồng nhất với quan điểm tư tưởng Trần Thái Tông đưa ra trong Khoá hư lục.

Khi bàn về cảnh giới giác ngộ, trong bài Niệm Phật luận, Trần Thái Tông viết “Tâm tức thị Phật, bất giả tu thêm. Niệm tức thị trần bất dung nhất điểm, trần niệm bản tĩnh, cố viết như bất động, tức nhị Phật thân. Phật thân tức ngã thị thân thị, vô hữu nhị tướng. Tướng tướng vô nhị, tịch nhi thường tồn, tồn nhi bất tri, thị danh hoạt Phật.” (Tâm ta là Phật rồi không cần tu thêm nữa.. Ý niệm là trần (bụi), không dùng một điểm nào ở trong tâm ấy, ở đây vốn trong sạch bụi nhơ, cho nên bao giờ cũng như thế không vọng động gọi là như như, tức là thể của Phật. Thực thể Phật thể nào thì thực thể ngã như thế, không có hai hình tướng. Hình tướng và hình tướng không có hai, yên lặng còn luôn mà không biết, thế là Phật sống)(còn tiếp).●



Cảm Tưởng Dự Lễ Ngày 8 Tháng 3 Tại Chùa Phổ Minh

Thanh Thảo (PD Ngọc Minh)

Sau khi phục vụ bếp, những tiếng chuông vọng đều đều từ chánh điện vang lên do cô tu nữ Diệu Hạnh, lớn tuổi nhất trong đạo tràng Phổ Minh. Cô là người tốt bụng nhưng cũng là người hơi khó tính, thường hay nhắc nhở Phật tử những Quy định của chùa Phổ Minh do Hòa thượng trụ trì nghiêm minh đề ra...

Tất cả đều dừng tay. Như thường lệ tôi bước ra chánh điện tọa thiền với một ý nghĩ len vào đầu: "Sao mình không viết ngay một bài gửi Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy nhỉ".

Tôi bắt đầu quan sát, hôm nay thêm một bảng làm bằng nhựa trong suốt, nổi lên hàng chữ "Chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8-3" được đặt khiêm tốn trước bực ngời của chư Tăng giữa chánh điện. Các chậu hoa được trưng bày ngăn nắp, thứ tự trước mặt các tượng Phật. Nếu tinh ý một chút sẽ thấy hoa được xếp thành bậc từ thấp lên cao trước mặt đức Phật, cảm nhận như đức Phật đang mỉm cười với chúng sanh. Ngài như hoan hỉ đón nhận tất cả tấm lòng của bá tánh thập phương đến cúng dường lễ bái Ngài. Nếu những ai có tâm trạng như tôi chắc chắn sẽ nhận ra điều đó. Nổi bật nhất là các tượng Phật bằng gỗ mun màu nâu sẫm; tượng Phật bằng đá thiên nhiên chưa được mài dũa, màu trắng ngà; tượng Phật bằng đá màu trắng sữa đã được đánh bóng; tượng Phật bằng đồng màu vàng sẫm, chớp đỉnh nhọn hoắc hình ngọn lửa, theo mẫu tượng Phật Thái Lan. Tất cả đều được xếp theo thứ tự từ thấp lên cao và trên cùng là tượng Phật của Việt Nam, được phủ màu y ca sa và tỏa ánh hào quang lấp lánh phía trên đầu!

Những lúc lễ diễn ra như thế này, mọi người đều tự ý thức giữ sự trang nghiêm yên tĩnh thường lệ như trong giờ đang thiền thật!

Từ cửa chánh điện bước vào, khoảng giữa hai hàng cột ngay chính điện là các tượng Phật do các nước dâng tặng, giữa chánh điện là bực giảng ngời của thầy và chư Tăng bằng gỗ có vân màu nâu sẫm, cao khoảng 10cm nằm vừa vặn giữa khoảng cách 2 hàng cột đá, dưới chân cột có chạm trổ hoa sen.

Bên trái của bực gỗ giữa chánh điện từ ngoài nhìn vào là bực gỗ, kích thước nhỏ hơn được xếp dọc theo tường dành cho chư Tăng ngời trong giờ thọ thực. Đặc biệt, tại chỗ thầy ngời có một chiếc chuông đồng nhỏ để thầy nhẹ nhàng báo hiệu trong lúc thiền thực. Tất cả mọi người đều giữ im lặng, chánh niệm, không ai bảo ai, rất trật tự và trang nghiêm. Đối diện bực ngời của chư Tăng là những chiếc kệ nhỏ bằng gỗ đặt vừa khay thức ăn bằng nhựa có nhiều ngăn. Các khay thức ăn đó hôm nay được thay bằng các bàn tròn vừa đủ cho 10 người, chân bàn cao hơn mặt đất chừng 30 cm, bàn ăn được trải bằng khăn bàn màu vàng nhạt, hợp với màu khung rèm quanh chánh điện; tất cả quỳn

vào nhau gây cho lòng tôi một sự tĩnh lặng đến lạ lùng. Mặc dù hôm đó Phật tử đông hơn những ngày tịnh tu an lạc; hôm ấy người dự khá đông, trên 150 người; nhưng tất cả đều diễn ra trong im lặng, trật tự và rất trang nghiêm.

Thật quý báu thay! Giữa một thành phố lớn có nhiều tụ điểm vui chơi vậy mà nơi đây, cuối đường Thiên Hộ Dương, Gò Vấp lại có một ngôi chùa thanh tịnh, mang tên Phổ Minh, ngày nào cũng diễn ra 3 buổi tu tập: Sáng - trưa - chiều - tối, có nhiều Phật tử và khách thập phương vắng lai đến tu tập, đông nhất là vào mỗi buổi sáng Chủ Nhật ngày Tịnh tu an lạc. Dù họ là ai khi đến đây cũng đều giữ sự thanh tịnh, trang nghiêm, không ồn ào trò chuyện, nhất là trong giờ tu học.

Hôm nay ngày lễ 8 tháng 3 đầu tiên tôi đón nhận sau thiền thực, đọc kinh, học hỏi Phật Pháp, kinh hành... Các tín nữ được ngồi gần bục giảng. Thầy và chư Tăng đọc kinh chúc phúc đến tất cả mọi người. Tiếp theo Thầy nêu một vài câu hỏi Phật Pháp như: Phật có mấy hạng? Người nữ có thể trở thành Phật, thành Thánh không? Nhấm nêu bật tinh thần tôn trọng và bình đẳng cao quý của Phật giáo đối với nữ giới. Bài giảng tuy ngắn nhưng hàm chứa sự giáo huấn thâm sâu của thầy! Sau đó Thầy cho đọc hai bài cảm tưởng của một thiện nam và một tín nữ thường đến chùa tu tập. Cảm động nhất là bài viết của vị thiện nam, tuy lời văn mộc mạc nhưng nói lên tấm lòng hối lỗi đối với vợ mình (vì thường theo bạn bè nhậu nhẹt bỏ bê gia đình vợ con) và hứa sửa sai phục thiện sau khi tỉnh thức và biết quay về thực hành đúng theo chánh Pháp, từng bước loại trừ tham sân si trong đời sống hằng ngày. Tất cả ý tưởng đều nằm trong sự ước mong của thầy và niềm hoan hỉ của đạo tràng!

Cũng như ở một số buổi lễ khác, để tạo niềm vui cho mọi người, thầy đem một ít tư vật dụng của Phật tử cúng dường cho tiết mục bốc thăm trúng thưởng! Hôm đó tôi không may mắn, nhưng các thăm số 0 đều được thầy tặng trái cây! Ai nấy đều hớn hờ! Thế là cả đạo tràng đây ập tiếng cười! Hôm nay chánh điện có nụ cười! Ai bảo người xuất gia là không tình cảm!

Có đúng không? Sau những giờ tu tập, tôi tự nghĩ: Thầy đã vui trong niềm vui của chúng sanh, trong niềm vui có dạy bảo, chứa đựng một tình cảm đầy chan hòa đạo vị, tôi đã cảm nhận tấm lòng thầy rộng lớn như biển cả, thâm sâu như đại dương! Tôi đọc được điều ấy trong những ngày đầu gặp Thầy!

Thầy là người rất chu đáo; chụp ảnh là cái sở thích của Thầy. Các Phật tử quỳ xuống bên thầy, chấp tay trước ngực, thầy ngồi trên cao, giữa bục giảng, trông mọi người đầy hoan hỉ!

Ngày 8 tháng 3 năm 2011 tại chùa Phổ Minh là thế đó! Cuối cùng mỗi người một việc, dọn dẹp ngăn nắp đầu vào đó, trả lại cho chánh điện sự trang nghiêm, sự tĩnh lặng để chuẩn bị cho những giờ tu tập kế tiếp.

Trên đường về tôi tự mỉm cười! Thầy tôi là thế đấy! Rất am tường về đạo nhưng cũng rất hiểu đời! Thầy có thể ung dung sống giữa đạo và đời để làm tròn hạnh nguyện tự độ độ tha của thầy và đã để lại cho chúng con, các hàng đệ tử và hậu thế một tấm gương đạo hạnh nhập thế của một vị xuất gia thực hành theo lời Phật dạy! ●

BẤT KHỔ

Phong Vũ

*Đời rong ruổi lắt lầy dòng sanh tử
Kiếp phong trần lặn hụp mãi bờ mê
Xa thế gian kiếm đường neo quay về
Thấy bất khổ lo lòng tìm giải thoát.*

*Mới sinh ra mắt nhắm nghiền quang quác
Khóc quơ tay, chân đá đạp, oa oa
Cất tiếng vang cho một kiếp sa bà
Tỉnh là khổ – khóc dài cho một kiếp.*

*Nợ trần gian mãi xoay vòng tròng điệp
Bụi vô thường tan tã máu thời gian
Thân giả tạm mới đó cũng phai tàn
Già là khổ – bóng thân dần tắt lịm.*

*Từ sinh – lão cho ta dòng suy bệnh
Dầu bạc vàng chồng chất mấy tầng mây
Nhưng thân kia vẫn phải chịu dọa dầy
Bệnh là khổ – làm ta sao tránh nổi.*

*Và phút cuối tấm thân tàn còm cõi
Thở hơi ra nhưng chẳng thấy quay về
Thôi nhắm mắt già từ một kiếp mê
Tức là khổ – cuối cùng cho mộng ảo.*

*Sống hội ngộ ngộ đâu đào hoa đảo
Nào ngờ đâu duyên phận lắm bể bàng
Mới gặp đó thoáng chốc tổng ly tan
Ái biệt ly – ngậm ngùi phút ly biệt.*

*Chuyện thế gian trách đời sao khắc nghiệt
Vì tham lam nên mãi chẳng thỏa lòng
Dà bạc kia vàng cao núi chất chồng
Cầu bất đắc – góp hồn cho đau khổ.*

*Tình thế trần ước cầu càng thêm khó
Lánh mặt rồi sao vẫn phải gặp nhau
Chẳng vui lòng mà thêm khổ thêm đau
Oán lạng hội – chỉ toàn là bất loại*

*Đời giả tạm cuối cùng rồi cũng hoại
Nhưng vì mê nên chấp mãi cái ta
Rồi một ngày cũng bỏ kiếp sa bà
Chấp ngũ uẩn – chỉ lòng vòng sanh tử.*

*Tám điều khổ theo ta trong hành lữ
Bạc trí hiền mau chóng để ngộ ra
Còn kẻ ngu cù mãi lặn hải hà
Làm nô lệ suốt đời cho ma chủ.*



Chúng con lại về

Quản Tuấn Ngụ

*Con trở về Tổ đình Bửu Quang.
Nơi khởi phát phái Nam Tông đất Việt.
Được nghe những điều con chưa biết.
Về nơi này từ thủa mới khai sinh.*

*Không gian lặng yên trong buổi bình minh.
Tiếng chim hót trên vòm cây cổ thụ.
Nét rêu phong nơi gốc cây già cỗi.
Mệnh mang trong một cõi bình yên.*

*Con về đây để rồi rũ quên.
Những bụi trần vẩn vương ngày tháng.
Tâm hồn trở về cõi lặng yên thanh thản.
Như đang đắm mình nơi chốn Bồng Lai.
Được dâng hương dưới cây mít này*

*Nghe truyền thuyết nơi nàng tiên về ngự.
Dấu ấn linh thiêng nơi đây hội tụ
Dù có xa xôi con tìm lối trở về.
Chúng con dâng hương, chắp chắp say mê*

*Nghe nhà sư Myanmar thuyết pháp⁽¹⁾
Lời đức Phật mấy ngàn năm truyền đạt.
Cho chúng con thêm khai sáng tâm hồn.
Chân lý cao siêu mãi mãi trường tồn.*

*Không bị thời gian nắng mưa phủ bụi.
Vẫn sáng ngời như mặt trời, gần gũi.
Dù dẫu chúng con trên mỗi bước đường.
Chưa trọn một ngày, nhưng chan chứa thân thương*

*Tạm biệt Tổ đình Bửu Quang đây kỷ niệm
Con như xa nhà lòng lưu luyến.
Chưa kịp hẹn ngày về
Xe đã lăn bánh rồi xa.*

1. Ngài Ashin INDOBHĀSA Viện chủ của chi nhánh thiền Thanlyin thuộc dòng thiền Pa Auk đã đến Việt Nam theo lời thỉnh mời của gia đình Phật tử Thiện Hạnh – Tín Hỷ thông qua thiền sư Dhammapāda là thầy dạy thiền cho mình.

Năm mô chung

*Dành trọn niềm thương tiếc đời
với đồng bào Nhật tử nạn trong vụ
động đất và sóng thần vừa qua*

Tâm Uyên

*Đừng sôi sục nữa đất ơi !
Chín tầng khí quyển nhất thời lặng thinh
Nay em biết lỗi chính mình
Xin đừng nổi hận lời đình vì em
Dẫu rằng ta chẳng có duyên
Thường người cộng nghiệp cùng em tội tình.*

*Cán hồn trôi xuống biển xanh.
Bao đời kiến tạo nay thành tro than
Rừng rừng thế giới hai hàng
Cũng đành bất lực trước ngàn nỗi đau.*

*Phủ phục sám hối dập đầu
Vì chúng nghiệp quả cơ cầu thế ni
Cúi xin thế giới từ bi
Lượng lòng tha thứ, quên đi hận thù.*

*Bạc vàng như lá mùa thu
Một cơn sóng dữ, bay vù còn đâu
Bờ tìm trên đồng cỏ nhào
Cỏ cây đất đá nhìn nhau thấu lòng
Trải qua một giấc hãi hùng
Nghịch riêng sao lại chôn chung năm mồ.*



BỒ ĐỀ

Hiền Khánh (Hoa Huệ)

*Bồ Đề Thiên viện Vũng Tàu
Biển đông bát ngát đạt dào tình thương
Xanh tươi cây cảnh bên đường
Hoa thơm cỏ lạ phố phường đông vui*

*Dắt lành trái ngọt biển khơi
Gió lùa từ hương cát rời nắng vàng
Không gian phóng khoáng đạo tràng
Tăng ni Phật tử hân hoan cùng đường*

*Trang nghiêm Tam bảo thảo đường
Khai Kinh thánh Pháp tâm nương đạo mầu
Công phu Thiền Giới dẫn đầu
Thiện Minh, Chánh Định thuyết câu giáo truyền
Lời vàng Phật Tổ linh thiêng
Đưa người cõi lữ về miền an vui.*

Tự ngắm

Ái Minh

*Dừng bên cầu nhìn dòng sông chảy
Lòng nao nao bao nỗi ưu phiền
Thân lực bình trôi nổi lênh đênh
Đời phù du! Bền bờ vô định.*

*Khách lữ hồi! Nhìn chi cạn cợt
Đời lá lay: bởi ác nghiệp dày
Đoạn đường nào lại chẳng chông gai?
Khách lữ ơi! Bình tâm suy xét.*

*Dinh núi cao mây ngàn lồng lộng
Gió lay lay xao động lá cành
Xã thị thành điền đảo – đảo điền
Nơi rừng núi: tìm mong an lạc.*

*Khách lữ ơi! Nhìn xa trông rộng
Pháp hữu vi: sanh diệt vô thường
Cảnh bên ngoài ảo giác – không chân
Khách lữ hồi! Giữ tâm chánh niệm*

*Sông vẫn xanh êm đềm xuôi chảy
Núi rừng kia vẫn rộn tiếng chim
Gió thổi mây bay rồi tụ lại
Trời đêm đen sáng ánh hừng vàng.*

*Khách lữ hồi! Đêm dài tĩnh thức
Dặm đường tường lịch lũy lực lương
Bền bờ kia an lạc Niết bàn
Đường Bát Chánh ung dung tiến bước.*



Bhikkhu Suvijjo

. Nguyên nhân

A Đại hội kỳ này cũng được tổ chức tại Miến Điện, thời gian cách đại hội kỳ V khoảng 83 năm. Phật giáo Miến Điện được nhà nước chiếu cố quan tâm giúp đỡ ngay từ buổi đầu khi Phật giáo đặt chân đến xứ sở này. Có lẽ do ảnh hưởng đạo đức của hai vị A La Hán trong phái đoàn thứ 8 của vua Asoka, sự truyền thừa và tổ chức tăng đoàn có nề nếp theo giới luật của đức Phật. Được nhà nước Miến Điện hết lòng yểm trợ, kết tập kinh điển kỳ này nhằm ba mục đích:

- Đoàn kết Phật giáo đồ.
- Chấn hưng Phật giáo Trưởng lão bộ.
- Đề cao địa vị độc lập của Miến Điện.

. Niên đại, địa điểm, thời gian, vị chủ tọa và người bảo trợ

Niên đại bắt đầu từ ngày 17-5-1954 đến ngày lễ Tam hợp (Phật đản) năm 1956, Phật Lịch 2500, nghĩa là trong 2 năm mới hoàn tất. Nơi tổ chức kỳ kết tập là trong một thạch động vĩ đại tại thủ đô Rangoon (Yangon). Ngài Nyungan Sayadaw được đại hội suy tôn làm vị chủ tọa. Thủ tướng U Nu của chính phủ Miến Điện tài trợ chi phí cho cuộc kết tập kinh điển kỳ này.

. Phương pháp kết tập

C Trong kỳ kết tập này, các Ngài căn cứ theo hình thức kỳ kết tập thứ nhất tại Ấn Độ. Ngài Mahasi Sayadaw được đại hội bầu là vị vấn những vấn đề Tam tạng chú giải, còn Ngài Bhadanta Vicittasāra Bhivamsa sẽ đáp những câu hỏi của Ngài Mahasi. Trong lúc hỏi đáp Tam tạng chú giải như vậy thì Ngài chủ tọa và 2500 vị Tỷ kheo lắng nghe, nếu không đồng ý thì lên tiếng. Đặc biệt Ngài chủ tọa là vị lầu thông Tam tạng. Ngôn ngữ sử dụng trong đại hội gồm có 3 thứ tiếng: Pāli, Miến Điện, và Anh ngữ.

Trong kỳ kết tập Tam tạng lần thứ sáu này, đại hội sử dụng 729 phiến đá cẩm thạch khắc Tam tạng và 1774 phiến đá cẩm thạch khắc chú giải của kỳ kết tập thứ 5 làm căn cứ. Đồng thời các bản kinh cổ của Tích Lan, Thái Lan, Campuchia và Hiệp hội Thánh điển Pāli ở Luân Đôn được đem ra nghiên cứu, so sánh và hiệu đính. Sau khi đại hội hoàn mãn, Giáo hội Tăng già Miến Điện cho in ra để phổ biến, tổng cộng là 45 cuốn chánh tạng và 92 cuốn chú giải. Lần kết tập này có mời đại diện tám quốc gia Phật giáo Nam truyền đến tham dự, trong đó có Việt Nam. Phái đoàn Việt Nam do Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam tổ chức, vị trưởng đoàn là Hòa thượng Bửu Chơn. ●

Trưởng lão A Nhã Kiều Trần Như (Aññakoṇḍañña) vị đệ tử đầu tiên của Đức Phật

TK. Định Phúc



1. GIA THỂ :

Trưởng lão là con trai của một gia đình trưởng giả giàu có ở tại Doṇavatthu, gần Kapilavatthu, kinh đô của đức vua Suddhodana. Tên thật của Ngài không phải là Koṇḍañña, mà Koṇḍañña chỉ là tên dòng tộc của Ngài. Ngài vừa thuộc dòng tộc Bà la môn và cũng vừa thuộc dòng Sát đế lỵ.

Từ thuở nhỏ, Ngài đã trở nên nổi tiếng thông minh vì đã thông thuộc năm lòng tam Vệ đà của Bà la môn giáo, chẳng những thế mà Ngài cũng rất giỏi về xem tướng số. Ngài được duyên lành trở thành một vị Bà la môn trẻ nhất trong số các vị Bà la môn đến xem tướng và đặt tên cho thái tử.

2. DUYÊN LÀNH XUẤT GIA :

Vào ngày thứ năm kể từ lúc Thái tử đản sanh, đức vua Suddhodana (Tịnh Phạn) đã cho mời 108 vị Bà la môn thông suốt tam Vệ đà vào trong hoàng cung để tham dự lễ quán đĩnh cho Thái tử. Từ 108 vị Bà la môn ấy chọn ra tám vị để xem tướng và đặt tên cho Thái tử.

Sau khi xem xét kỹ các tướng hảo trên thân của Thái tử, có bảy vị đã đồng loạt nhất trí đưa lên hai ngón tay và tiên tri như sau: "Nếu là tại gia, sẽ thành

vị Chuyển luân Thánh vương chinh phục mọi quốc độ, đầy đủ bảy châu báu. Bảy món báu này là xe báu, voi báu, ngựa báu, ma ni báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu, và vị này có hơn một ngàn con trai, là những vị anh hùng, oai phong lẫm liệt, chiến thắng ngoại quân. Vị này sống, thống lãnh quả đất cùng tận cho đến đại dương, và trị vì với chánh pháp, không dùng gậy, không dùng dao. Nếu vị này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị này sẽ chứng quả A la -hán, Chánh Đẳng Giác, quét sạch mê lầm ở đời⁽¹⁾."

Tuy nhiên, chỉ có Koṇḍañña là vị Bà la môn trẻ tuổi nhất trong tám vị chỉ giơ một ngón tay lên và khẳng định rằng: "Thái tử sẽ xuất gia và trở thành bậc Chánh Đẳng Giác".

Sau buổi lễ quán đĩnh, tám vị Bà la môn vì xác định rằng Thái tử sau này sẽ trở thành một vị Phật Chánh Đẳng Giác nên đã hội họp với nhau và quyết định: Khi Thái tử đi xuất gia, mỗi gia đình sẽ cho một người đi xuất gia theo Ngài.

Vào năm thái tử 29 tuổi, khi hay tin Thái tử rời bỏ cung vàng điện ngọc để ra đi tìm con đường

1. D.i.88 – Trường Bộ Kinh 1. Kinh Ambaṭṭha.

giải thoát, Bà la môn trẻ nhất năm xưa đã tìm đến gia đình bảy vị kia để thông báo và cùng nhau đi xuất gia. Tuy nhiên, trong bảy gia đình chỉ có bốn gia đình cho phép con cái của họ đi xuất gia; cộng thêm Ngài Koṇḍañña nữa cùng nhau đi xuất gia nên gọi là nhóm năm (Pañcavaggiya) anh em Kiều Trần Như (Koṇḍañña). Tên của bốn vị còn lại là Vappa, Bhaddiya, Mahānāma và Assaji.

Cả năm vị cùng với bồ tát tu khổ hạnh suốt sáu năm tại rừng Uruvela. Nhưng vì đường lối thực hành khổ hạnh chẳng đem đến kết quả lợi ích gì cho việc giải thoát nên Bồ tát quyết định từ bỏ đường lối cực đoan này. Năm vị đạo sĩ đồng tu thấy Bồ tát không tu khổ hạnh nữa mà đã dùng vật thực trở lại nên nghĩ rằng "Sa môn Gotama đã thực hành lợi dưỡng, vị ấy đã từ bỏ pháp tu và quay trở lại sự tích lũy vật chất", năm vị đạo sĩ nghĩ như thế nên đã từ bỏ đức bồ tát để đi đến Isipatana tiếp tục tu tập khổ hạnh.

Sau khi đạt đến quả vị giải thoát, đức Phật vì lòng thương tưởng chúng sanh nên đã chấp nhận lời thỉnh cầu vận chuyển bánh xe Pháp, đem đến con đường bất tử cho chúng sanh hữu duyên hữu phần. Ngài nhớ đến năm anh em đạo sĩ đồng tu thuở trước nên đã đi từ Bodhgaya đến Isipatana để vận chuyển Pháp luân, thuyết bài pháp đầu tiên để tế độ cho năm anh em đạo sĩ này.

Khi đức Thế Tôn đã vận chuyển bánh xe Pháp, vừa dứt xong thời pháp thì Ngài Koṇḍañña đã đặc quả dự lưu, là vị Thánh đệ tử đầu tiên trong giáo Pháp của đức Phật. Đức Phật đã khen ngợi Ngài Koṇḍañña như sau: "Aññāsi vata bho koṇḍañño, aññāsi vata bho koṇḍañño – Kiều Trần Như đã hiểu pháp, Kiều Trần Như đã hiểu pháp⁽²⁾". Chính vì lời tuyên bố đó của đức Thế Tôn nên từ đó về sau mọi người gọi Ngài Koṇḍañña là Aññātakoṇḍañña, Aññāsikoṇḍañña hay là Aññakoṇḍañña (A Nhã Kiều Trần Như).

Khi đã an trú được trong Thánh quả Tu đà hườn, Ngài Koṇḍañña đã đến xin đức Phật để được xuất gia và đức Phật đã tuyên bố rằng: "Ehi bhikkhu svākkhāto dhammo, cara brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyaṃ – Đây tỳ khưu, hãy đến. Pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy thực hành phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau⁽³⁾".

Liền sau khi đức Phật tuyên bố thì râu tóc của Ngài Koṇḍañña biến mất, vị ấy trở thành một vị Tỳ



Koṇḍañña vị Bà la môn trẻ tuổi nhất chỉ giờ một ngón tay lên

khưu nghiêm trang thanh tịnh với oai nghi của một vị Trưởng lão 60 tuổi hạ. Chính vì lý do này, Tôn giả Koṇḍañña trở thành vị Tỳ khưu đầu tiên trong Phật giáo và cũng là vị đầu tiên xuất gia Tỳ khưu bằng hình thức "Ehi bhikkhu – Thiện lai Tỳ khưu".

Nếu tính theo thời gian giác ngộ và thời gian xuất gia thì Tôn giả Kiều Trần Như đặc quả Tu đà hườn và xuất gia Tỳ khưu vào ngày rằm tháng 6, tức là ngày đức Phật thuyết bài pháp đầu tiên tại vườn nai ở Isipatana.

Vào bốn ngày liên tiếp kế sau, cả bốn vị còn lại cũng đã giác ngộ và đặc quả Tu đà hườn tuần tự như sau: Ngài Vappa (16-6), Ngài Bhaddiya (17-6), Ngài Mahānāma (18-6) và Ngài Assaji (19-6).

Đến ngày hôm sau (20-6), đức Phật đã thuyết bài Kinh Vô Ngã Tướng (Anattalakkhaṇasutta) và sau thời pháp thì cả năm vị đều đặc được thánh quả A la hán. Lúc bấy giờ, trên thế gian đã có được sáu vị Thánh vô lậu.

Trong hàng thính văn đệ tử của đức Phật, Tôn giả Koṇḍañña được đức Phật tán dương là vị đệ nhất thâm niên như sau:

"Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ rattaññūnaṃ yadidaṃ aññāsikoṇḍañño"

Trong các đệ tử Tỳ kheo đã lâu ngày của Ta, này các Tỳ kheo, tối thắng là Aññāsikoṇḍañño⁽⁴⁾.

Trong hội chúng Tăng, Tôn giả được xem là vị Trưởng lão thâm niên nhất, là vị xuất gia đầu tiên trong giáo Pháp của đức Phật nên Tôn giả chỉ ngồi sau nhị vị Thượng thủ Thịnh văn. Nhị vị rất kính trọng Ngài trưởng lão nên dù phải ngồi trước nhưng hai

2. Vin.i.12

3. Vin.i.12 – Đại Phẩm 1 (ĐD.Nguyệt Thiên dịch Việt)

4. A.i.23 - Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Một Pháp. Phẩm Người Tối Thắng. Phần Các Vị Tỳ Kheo.

vị vẫn không thoả mái vì điều đó. Bởi thế, Tôn giả biết được nên đã xin phép đức Thế Tôn đi đến lưu trú tại hồ Maṇḍākinī ở Chaddantavana. Ngài sống tại Chaddanta suốt 12 năm và được thiên tử Nāgadatta phục vụ cùng với bảy voi rừng tám ngàn con hộ độ rất chu đáo trong suốt thời gian ngụ tại đây.

3. VIÊN TỊCH :

Trải qua 12 năm, Tôn giả nhận thấy tuổi thọ đã sắp mãn nên khởi lên ý nghĩ muốn đi về đánh lễ đức Thế Tôn lần cuối trước khi viên tịch.

Tôn giả dùng thần thông bay về nơi đức Phật đang ngự tại Trúc Lâm tịnh xá (Veluvanavihāra) ở thành Rājagaha (Vương Xá) để đánh lễ Thế Tôn lần cuối. Sau khi đánh lễ Thế Tôn xong, Trưởng lão đã bay về rừng Chaddanta.

Ngài trưởng lão đã viên tịch trong đêm ấy. Khi đàn voi hay tin vị Trưởng lão khả kính viên tịch, chúng đã đem những cành hoa đến viếng nhục thể của Ngài và thỉnh nhục thể của Ngài lên lưng voi và đi khắp rừng Chaddanta với bảy voi tám ngàn con.

Chư thiên và chư Phạm thiên hay tin cũng đến để tham dự lễ trà tỳ nhục thân của Ngài. Mỗi vị cúng dường một khoanh trầm hương.

Tôn giả Anuruddha hay tin cũng đã tháp tùng với chư Tăng bay đến Chaddanta có mặt trong buổi lễ trà tỳ. Sau buổi lễ trà tỳ, xá lợi quý báu của vị Trưởng lão thâm niên trong giáo Pháp được Tôn giả Anuruddha bọc trong một tấm vải và mang về trình lên đức Thế Tôn; và tự tay Thế Tôn đã an trí xá lợi ấy vào trong một cái tháp bằng bạc.

4. CÂU CHUYỆN TIỀN THÂN

Vào thời kỳ giáo Pháp của đức Phật Padumuttara, tiền thân của ngài Koṇḍañña là một vị gia chủ giàu có ở kinh thành Hamsavatī. Gia chủ là một vị cận sự nam thuần thành, có niềm tin nơi Tam bảo, thường đến chùa nghe pháp.

Một lần nọ, đức Phật Padumuttara tuyên bố cho toàn thể chúng Tỳ khưu về một vị Trưởng lão với địa vị là "Vị chứng đạt tứ thánh đế đầu tiên trong giáo Pháp, và cũng là vị xuất gia đầu tiên trong giáo Pháp này". Khi biết được như thế, vị gia chủ cũng ước mong đạt đến địa vị như Ngài trưởng lão vào thời kỳ của một vị Phật ở tương lai. Vì thế, gia chủ đi đến đánh lễ Thế Tôn và thỉnh Ngài cùng với chư Tăng đến tư gia để cúng dường vật thực vào ngày mai. Thế Tôn chấp nhận lời thỉnh mời bằng sự im lặng.

Sáng hôm sau, khi đức Như Lai cùng với chúng Tỳ khưu đệ tử đi đến tại tư gia của vị gia chủ thọ thực. Ông đã tiếp đón Thế Tôn cùng với chư Tăng rất là chu đáo và long trọng. Sau khi cúng dường Thế Tôn và chư Tăng bằng những vật thực hảo hạng loại cứng, loại mềm, ông rất hoan hỷ với phước báu mình tạo nên muốn cung thỉnh đức Thế Tôn và chư Tăng đến tư gia thêm sáu ngày nữa để trai tăng cúng dường. Thế Tôn im lặng chấp nhận lời thỉnh cầu ấy.

Vị gia chủ đã làm phước cúng dường trọng đãi liên tục bảy ngày với những vật thực hảo hạng đắt tiền. Vào ngày thứ bảy, sau khi Thế Tôn và các vị Tỳ khưu đã thọ thực xong, ông đã cúng dường một bộ Tam y quý giá đến đức Phật, mỗi một vị tỳ khưu cũng được cúng dường một bộ tam y quý giá như thế.

Sau khi cúng dường đã hoàn tất, vị gia chủ đến quỳ đánh lễ đức Thế Tôn và cung kính bạch rằng:

- Bạch đức Thế Tôn, với phước báu con đã tạo được do sự cúng dường trong bảy ngày vừa qua, con mong sẽ đạt được địa vị là vị Tỳ khưu chứng đạt Thánh đế đầu tiên trong giáo Pháp, đồng thời là vị xuất gia đầu tiên trong giáo Pháp của một vị Phật trong tương lai.

Sau khi nghe lời phát nguyện của vị đại thí chủ này, Thế Tôn quán xét duyên lành và thấy rằng nguyện vọng này sẽ được thành tựu nên Ngài đã tuyên bố:

- Nay gia chủ, từ kiếp trái đất này trở đi đến 100 kiếp về sau, ông sẽ trở thành vị tỳ khưu chứng đạt tứ Thánh đế đầu tiên trong giáo Pháp và cũng là vị Tỳ khưu xuất gia đầu tiên trong giáo Pháp của đức Phật Gotama.

Đó là lời tiên tri xác chứng của đức Thế Tôn Padumutta.

Vào thời kỳ của đức Phật Vipassī, tiền thân của Ngài Koṇḍañña được sanh làm con trai của một vị Trưởng giả ở kinh thành Bandhumatī. Ngài tên là Cūlakāla⁽⁵⁾ và có một người anh trai tên là Mahākāla. Hai anh em được giao cho cai quản một thửa ruộng lớn để trồng lúa sālī.

Một hôm, Cūlakāla ra ngoài thăm ruộng thì thấy lúa đang ngậm sữa nên có ước muốn đem lúa đang ngậm sữa này để nấu và cúng dường đến đức Phật và chư Tăng. Ông liền đi đến gặp anh của mình để bàn bạc nhưng người anh không đồng ý theo như lời bàn bạc của mình. Người em cứ nằng nặc đòi làm cho

5. Dhpa.i.97 – Chú giải Pháp cú kinh câu số 11.

bằng được nên cả hai đi đến quyết định là sẽ phân đôi thửa ruộng ra, một phần của người anh Mahākāla và một phần của người em, phần ruộng của người nào thì người đó quản lý và muốn làm gì thì làm, không ảnh hưởng đến phần ruộng của người khác.

Chia cắt ruộng xong, người em liền cho người cắt lúa đem về và nấu thành cơm sữa cùng với những loại gia vị hảo hạng để cúng dường vật thực đến đức Phật và chúng Tỷ kheu Tăng. Sau khi Thế Tôn đã thọ thực xong, vị gia chủ Cūlakāla liền quỳ xuống dâng lễ Thế Tôn và phát nguyện rằng:

- Bạch Thế Tôn, do phước báu cúng dường con đã tạo, xin cho con đắc được pháp cao thượng trước nhất trong giáo Pháp của vị Phật tương lai.

Đức Phật chúc phúc cho gia chủ được mau như ý nguyện. Sau đó, gia chủ Cūlakāla đi thăm ruộng thì thấy lúa non ngâm sữa đầy cả cánh đồng y như ban đầu. Ông rất hoan hỷ khi thấy sự phi thường này. Cứ như thế, khi lúa trở bông thì ông dâng cúng những bông lúa đầu tiên. Khi gặt lúa thì ông dâng cúng những lúa gặt đầu tiên. Khi đập lúa thì ông dâng cúng lúa đập đầu tiên. Khi quạt lúa thì ông dâng cúng lúa được quạt đầu tiên. Khi lúa được cất vào kho thì ông dâng cúng lúa vào kho đầu tiên, vì vậy, trong một mùa lúa mà gia chủ đã cúng dường những thành quả đầu tiên đến đức Phật và Tăng chúng. Trong những lần ấy, chỗ lúa đem cúng dường lại phát sanh thêm đến ông y như cũ nên mùa lúa ấy ông đã được một vụ mùa hết sức bội thu.

Do phước báu và duyên lành hội đủ, vào thời kỳ giáo Pháp của đức Phật Gotama, người em Cūlakāla chính là Ngài trưởng lão Kondañña, còn người anh Mahākāla chính là Ngài Subhadda – vị Thánh đệ tử cuối cùng của đức Thế Tôn, Ngài đắc quả A la hán vào đêm rằm tháng tư, trước khi đức Thế Tôn viên tịch Níp bàn.

5. KỆ NGÔN

Kệ ngôn của Ngài Kondañña được ghi lại trong Trưởng lão tăng kệ gồm có 15 bài kệ như sau:

674. Trên thế giới đất tròn. Nhiều màu sắc hình tướng. Làm say đắm tâm tư. Ta nghĩ là như vậy. Tướng tịnh rất hấp dẫn. Liên hệ đến tham dục.

675. Như gió thổi tung bụi. Được mây trần áp xuống. Các tư duy lắng dịu. Khi thấy, với trí tuệ.

676. Mọi hành là vô thường. Khi thấy với trí tuệ. Vị ấy nhàm chán khổ. Đây con đường đến tịnh.



Ngài Kondañña đang ngồi nghe đức Phật thuyết pháp

677. Mọi hành là đau khổ. Khi thấy với trí tuệ. Vị ấy nhàm chán khổ. Đây con đường đến tịnh.

678. Mọi pháp là vô ngã. Khi thấy với trí tuệ. Vị ấy nhàm chán khổ. Đây con đường đến tịnh.

679. Trưởng lão Kondañña. Giác ngộ bởi giác ngộ. Đã sắc bén thoát ly. Đoạn tận sanh và chết. Và đời sống phạm hạnh. Được hoàn toàn viên mãn.

680. Hoặc bực lưu, bầy mồi. Hoặc cột trụ vững chắc. Ngọn núi khó phá hoại. Sau khi chặt phá xong. Cột trụ và bầy mồi. Chặt tảng đá khó phá. Hành thiền, vượt bờ kia. Thoát khỏi Ma trói buộc.

681. Tỷ kheo hoảng hốt động. Đi đến các bạn ác. Chìm trong bực lưu lớn. Bị sóng lớn ngập tràn.

682. Bậc trí không hoảng hốt. Không dao động, thậm trọng. Các căn khéo chế ngự. Làm bạn với kẻ thiện. Bậc trí tuệ như vậy. Có thể đoạn đau khổ.

683. Một người đen, gầy mòn. Yếu ốm, đầy đường gân. Tiết độ trong ăn uống. Tâm tư không ư nào.

684. Trong rừng núi rộng lớn. Bị muỗi ruồi đốt cắn. Như con voi lâm trận. Ta chánh niệm, chịu đựng.

685. Ta không thích thú chết. Ta không thích thú sống. Ta chờ thời gian đến. Như thợ làm việc xong.

686. Ta không thích thú chết. Ta không thích thú sống. Ta chờ thời gian đến. Tỉnh giác, giữ chánh niệm.

687. Đạo Sư, ta hầu hạ. Lời Phật dạy, làm xong. Gánh nặng, đặt xuống thấp. Gốc sanh hữu, nhổ sạch.

688. Vì mục đích xuất gia. Bỏ nhà, sống không nhà. Mục đích ấy, ta đạt. Ta cần gì ở rừng⁽⁶⁾.

6. Theg.69 (674-688).

Đây là câu hỏi liên quan đến sự chứng ngộ Niết Bàn của đức vua Milinda (Mi Lan Đà) và phần trả lời của Trưởng lão Nāgasena (Na Tiên). Phần này được trích dịch từ tác phẩm Milindapañhā - Milinda Vấn Đạo. Hy vọng rằng văn bản này có thể giúp ích được ít nhiều cho các hành giả đang tinh cần tu tập giải thoát.

Câu Hỏi Về Sự Chứng Ngộ Niết Bàn

TK. Indacanda



Tranh vẽ vua Milinda và Trưởng Lão Nāgasena

Thưa ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: "Niết bàn không là quá khứ, không là hiện tại, không là vị lai, không phải là được sanh lên, không phải là không được sanh lên, không phải là sẽ được làm cho sanh lên". Thưa ngài Nāgasena, ở đây người nào đó thực hành đúng đắn và chứng ngộ Niết bàn, thì người ấy chứng ngộ cái (Niết bàn) đã được sanh lên, hay là làm cho (Niết bàn) sanh lên rồi chứng ngộ?"

Tâu đại vương, người nào đó thực hành đúng đắn thì chứng ngộ Niết bàn, người ấy chứng ngộ không phải cái (Niết bàn) đã được sanh lên, không phải là làm cho (Niết bàn) sanh lên rồi chứng ngộ. Tâu đại vương, tuy nhiên có cảnh giới Niết bàn ấy, người ấy thực hành đúng đắn và chứng ngộ cái ấy."

Thưa ngài Nāgasena, xin Ngài chỉ làm cho câu

hỏi này bị che đậy lại rồi mới giải thích. Xin Ngài hãy làm cho nó được mở ra, được rõ ràng, rồi giải thích. Với ước muốn đã được sanh khởi, với sự nỗ lực đã được sanh khởi, điều nào Ngài đã học, xin Ngài hãy tuôn ra tất cả các điều ấy cho chính trường hợp này. Ở đây, đám người này là mê muội, bị sanh khởi nổi phân vân, bị khởi lên sự nghi ngờ. Xin Ngài hãy phá vỡ mũi tên có sự độc hại ở bên trong ấy."

Tâu Đại vương, có cảnh giới Niết bàn ấy, tịch tịnh, an lạc, hảo hạng. Người thực hành đúng đắn, trong khi tiếp xúc các hành theo lời dạy của đấng chiến thắng, nhờ vào tuệ mà chứng ngộ Niết bàn. Tâu Đại vương, giống như người đệ tử, theo lời dạy của vị thầy, nhờ vào tuệ mà chứng ngộ được kiến thức. Tâu Đại vương, tương tự y như thế người thực hành đúng đắn theo lời dạy của đấng chiến thắng, nhờ vào tuệ mà chứng ngộ Niết bàn." Vậy thì Niết bàn sẽ được nhìn thấy như thế nào?"

Sẽ được nhìn thấy là không có rủi ro, không có bất hạnh, không có sợ hãi, là an toàn, tịch tịnh, an lạc, thoải mái, hảo hạng, trong sạch, mát lạnh. Tâu đại vương, giống như người đàn ông, trong khi bị đốt nóng bởi ngọn lửa với nhiều đồng củi đã được phát cháy sôi sục, sau khi thoát khỏi nơi ấy nhờ vào sự nỗ lực, và đi vào nơi không có ngọn lửa, rồi đạt được hạnh phúc tốt độ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tự y như thế người nào thực hành đúng đắn, người ấy nhờ vào sự tác ý đúng đường lối chứng ngộ Niết bàn an lạc tối thượng, nơi xa lìa sức nóng của ngọn lửa gồm ba loại. Tâu Đại vương, ngọn lửa là như thế nào thì ngọn lửa gồm ba loại nên được xem xét như vậy. Người đàn ông ở trong ngọn lửa là như thế nào thì người thực hành đúng đắn nên được xem xét như vậy. Nơi không có ngọn lửa là như thế nào thì Niết bàn nên được xem xét như vậy.

Tâu đại vương, hoặc là giống như người đàn ông

đi đến nơi chất đống các xác chết của rắn, chó, người và các phần thải bỏ của cơ thể, bị kẹt vào ở giữa các búi tóc bị rối lại của các xác chết, sau khi thoát khỏi nơi ấy nhờ vào sự nỗ lực, và đi vào nơi không có xác chết, rồi đạt được hạnh phúc tốt độ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tự y như thế người nào thực hành đúng đắn, người ấy nhờ vào sự tác ý đúng đường lối chứng ngộ Niết bàn an lạc tối thượng, nơi xa lìa xác chết phiền não. Tâu Đại vương, xác chết là như thế nào thì năm loại dục nên được xem xét như vậy. Người đàn ông đi đến nơi các xác chết là như thế nào thì người thực hành đúng đắn nên được xem xét như vậy. Nơi không có xác chết là như thế nào thì Niết bàn nên được xem xét như vậy.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đàn ông bị khiếp sợ, bị run sợ, bị rung động, có tâm bị xáo trộn và bị tán loạn, sau khi thoát khỏi nơi ấy nhờ vào sự nỗ lực, và đi vào nơi chắc chắn, vững chãi, không lay động, không có sự sợ hãi, rồi đạt được hạnh phúc tốt độ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tự y như thế người nào thực hành đúng đắn, người ấy nhờ vào sự tác ý đúng đường lối chứng ngộ Niết bàn an lạc tối thượng, nơi xa lìa sự sợ hãi và sự run sợ. Tâu Đại vương, sự sợ hãi là như thế nào thì sự sợ hãi được vận hành một cách liên tục tùy thuận theo sanh già bệnh chết nên được xem xét như vậy. Người đàn ông bị khiếp sợ là như thế nào thì người thực hành đúng đắn nên được xem xét như vậy. Nơi không có sự sợ hãi là như thế nào thì Niết bàn nên được xem xét như vậy.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đàn ông bị té ngã vào khu vực là vũng bùn, đầm lầy, bị ô nhiễm, dơ bẩn, sau khi ra khỏi vũng bùn, đầm lầy ấy nhờ vào sự nỗ lực, và đi đến khu vực hoàn toàn trong sạch, không nhơ bẩn, rồi đạt được hạnh phúc tốt độ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tự y như thế người nào thực hành đúng đắn, người ấy nhờ vào sự tác ý đúng đường lối chứng ngộ Niết bàn an lạc tối thượng, nơi xa lìa vũng lầy phiền não ô nhiễm. Tâu Đại vương, vũng bùn là như thế nào thì lợi lộc, tôn vinh, danh tiếng nên được xem xét như vậy. Người đàn ông ở trong vũng bùn là như thế nào thì người thực hành đúng đắn nên được xem xét như vậy. Khu vực hoàn toàn trong sạch, không nhơ bẩn là như thế nào thì Niết bàn nên được xem xét như vậy.

Thưa Ngài, vậy thì người thực hành đúng đắn làm cách nào chứng ngộ Niết bàn ấy?

Tâu Đại vương, người nào thực hành đúng đắn, người ấy tiếp xúc với sự vận hành của các hành; trong khi tiếp xúc với sự vận hành, nhìn thấy sự sanh, nhìn thấy sự già, nhìn thấy sự bệnh, nhìn thấy sự chết ở nơi ấy, không nhìn thấy bất cứ điều gì an lạc, thoải mái ở nơi ấy, từ phần đầu, từ phần giữa, từ phần cuối. Người ấy không nhìn thấy bất cứ điều gì đáng được nắm bắt.

Tâu Đại vương, giống như người đàn ông không

nhìn thấy bất cứ chỗ nào đáng được nắm bắt ở cục sắt được đốt nóng trọn ngày, bị bốc cháy, sôi sục, nóng bỏng, từ phần đầu, từ phần giữa, từ phần cuối. Tâu Đại vương, tương tự y như thế người nào tiếp xúc với sự vận hành của các hành, người ấy trong khi tiếp xúc với sự vận hành, nhìn thấy sự sanh, nhìn thấy sự già, nhìn thấy sự bệnh, nhìn thấy sự chết ở nơi ấy, không nhìn thấy bất cứ điều gì an lạc, thoải mái ở nơi ấy, từ phần đầu, từ phần giữa, từ phần cuối. Người ấy không nhìn thấy bất cứ điều gì đáng được nắm bắt. Đối với người ấy, trong khi không nhìn thấy điều gì đáng được nắm bắt, sự không thích thú được thành lập ở tâm của người ấy, sự nóng bức xuất hiện ở thân của người ấy. Người ấy, không có sự bảo vệ, không có sự nương nhờ, có trạng thái không có chỗ nương nhờ, nên nhàm chán ở các hữu.

Tâu Đại vương, giống như người đi vào đồng lửa lớn, có ngọn lửa cháy rực. Ở đó, người ấy không có sự bảo vệ, không có sự nương nhờ, có trạng thái không có chỗ nương nhờ, nên nhàm chán ở ngọn lửa. Tâu Đại vương, tương tự y như thế, đối với người ấy, trong khi không nhìn thấy điều gì đáng được nắm bắt, sự không thích thú được thành lập ở tâm của người ấy, sự nóng bức xuất hiện ở thân của người ấy. Người ấy, không có sự bảo vệ, không có sự nương nhờ, có trạng thái không có chỗ nương nhờ, nên nhàm chán ở các hữu. Đối với người ấy, đã nhìn thấy nỗi sợ hãi ở sự vận hành, có tâm như vậy sanh khởi: "Sự vận hành này quả đã được đốt nóng, được cháy đỏ, được cháy rực, có nhiều khổ đau, có nhiều ưu phiền. Nếu ai đó có thể đạt được sự không vận hành, điều ấy là tịch tịnh, điều ấy là hảo hạng, tức là sự yên lặng của tất cả các hành, sự từ bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt tận ái dục, sự lìa khỏi luyến ái, sự tịnh diệt, Niết bàn". Nhờ vậy, tâm của người ấy lao vào ở sự không vận hành, được tin tưởng, được hài lòng, được vui mừng: "Sự thoát ra đã đạt được bởi ta".

Tâu Đại vương, giống như người đàn ông bị lạc lối, bị rơi vào nơi lạ, sau khi nhìn thấy lối ra, thì lao vào nơi ấy, được tin tưởng, được hài lòng, được vui mừng: "Lối ra đã đạt được bởi ta". Tâu Đại vương, tương tự y như thế đối với người đã nhìn thấy nỗi sợ hãi ở sự vận hành, thì tâm của người ấy lao vào ở sự không vận hành, được tin tưởng, được hài lòng, được vui mừng: "Sự thoát ra đã đạt được bởi ta". Người ấy tích lũy, theo đuổi, tu tập, thực hành thường xuyên đạo lộ đưa đến sự không vận hành. Đối với người ấy, niệm được thành lập ở mục đích ấy, tinh tấn được thành lập ở mục đích ấy, hỷ được thành lập ở mục đích ấy. Trong khi người ấy chú tâm liên tục ở tâm ấy, thì vượt qua sự vận hành, đi đến sự không vận hành. Tâu Đại vương, người đã đạt đến sự không vận hành, đã thực hành đúng đắn, được gọi là "Chúng ngộ Niết bàn."

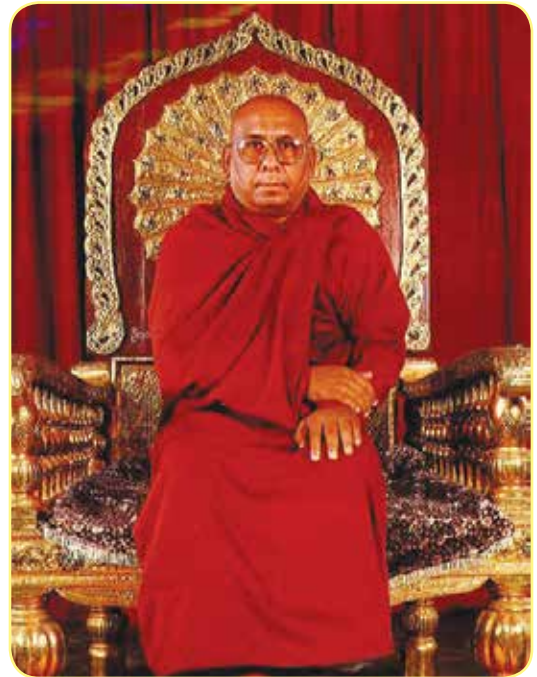
Thưa ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. ●



GIÁO DỤC THẾ HỆ TRẺ SỐNG THEO LỜI PHẬT DẠY (*)

TS GD: Nguyễn Thanh Thiện (dịch)

Ngày nay, như ai cũng rõ, thế giới của chúng ta đang rơi vào tình trạng “thiếu thốn”. Đức Phật cũng đã từng nói: “Thế giới này đang thiếu thốn.” Vì vậy, nhiệm vụ của chúng ta là cần phải khóa lấp chỗ thiếu thốn ấy đó cũng chính là nhu cầu khẩn thiết của chúng ta hiện nay! Một học giả Phật giáo nào đó đã từng lên tiếng: “Chúng ta cần nỗ lực lấp đầy cái hố sâu thiếu thốn của thế giới hiện nay bằng con đường giáo dục”. Chẳng hạn, chúng ta cần phải giáo dục cho mọi người, nhất là thế hệ trẻ, hãy sống theo lời Phật dạy. Ở đây, chúng ta cần hiểu rằng chúng ta không cần cái đạo bất cứ ai có tín ngưỡng Tôn giáo khác trở về với Phật giáo, chúng ta cũng không cần làm việc ấy. Trái lại, chúng ta chỉ cần cố gắng chuyên tâm đến việc tu tập chuyển hóa thân tâm của chúng ta từ si mê thành giác ngộ, từ xấu trở nên tốt, từ tật đổ trở thành hoan hỷ, từ hơn thua trở thành hòa hợp v.v.. và đây mới chính là cách cái đạo thực sự theo Phật giáo. Chúng ta cần phải giáo dục cho mọi người hiểu và thực hành tinh thần cái đạo ấy. Toàn thế giới đang này sinh càng lúc càng nhiều vấn đề phức tạp, nhưng không bao nhiêu người theo dõi hầu như rất nhiều người, chưa hiểu gì về căn nguyên của các vấn đề phức tạp ấy. Đạo Phật đã dạy cho chúng ta hiểu được đâu là bản chất như thật của cuộc đời. Nếu không hiểu được chân lý ấy, thì chúng ta chẳng giải quyết được vấn đề cốt lõi của thế giới hiện nay. Cũng vậy, nếu chúng ta không hiểu được chân lý ấy thì chúng ta không bao giờ trở thành một con người đúng nghĩa của nó, cho dù chúng ta là Phật tử đi chăng nữa. Như chúng ta đều biết, trong Bát chánh đạo của Phật giáo, yếu tố đầu tiên là chánh tri kiến: (sammaditthi) nghĩa là sự thấy biết chân chính, sự thấy biết như thật. Vì vậy, khi đương đầu những vấn đề thách thức của thế giới hôm nay, chúng ta cần phải hiểu rõ chúng là gì, đâu là nguyên nhân của chúng, đâu là giải pháp và đâu là mục tiêu cuối cùng



Hòa Thượng TS Ashin Nyanissara

của giải pháp ấy v.v... Trong bài diễn văn khai mạc của Hòa thượng Viện trưởng trường Đại học Mahachulalongkorn Phra Dharmakosajarn, ngài đã phát biểu: “Tất cả mọi vấn đề đều bắt nguồn từ nguyên nhân sâu xa của nó do đó, y cứ vào nguyên nhân ấy chúng ta sẽ tìm ra được nguồn ánh sáng; và đây cũng chính là lý do ra đời của tổ chức Hiệp hội các trường Đại học Phật giáo Quốc tế của chúng ta”.

Trong các trường Đại học có chung mục đích là giáo dục con người. Sinh viên đến trường Đại học, sau khi được trúng tuyển qua các kỳ thi tuyển sinh không phải người trí thức nào cũng xuất thân từ các trường Đại học và phần đông không phải ai cũng có thể được vào trường Đại học. Do đó, tôi muốn chia sẻ với quý vị một điều quan trọng qua câu chuyện rất ngắn sau đây:

Năm 1982, khi tôi đang ở Anh quốc đây là

chuyến thăm đầu tiên của tôi đến vương quốc Anh để thăm Hòa thượng bốn sư của tôi là Ngài Thiện sư U Thittila, lúc ấy Ngài đã sang Anh được 16 năm ở vào thế chiến thứ II... Hòa thượng bốn sư và tôi, hai thầy trò trú ngụ tại làng St Lawrence Alton, gần Oxford. Đây là một ngôi làng rất đẹp. Trong làng này, có một số thiện nam tín nữ rất thuần thành và họ là thành viên nhiệt tâm của hội Pāli Text Society họ thành lập thư viện ngay tại nhà của họ. Thầy tôi ở đó gần một năm để dịch bộ Vibhanga, bộ thứ II của Vi Diệu Pháp, dịch từ Pāli ra tiếng Anh. Sau này, tại thư viện này, tôi cũng đã dành nhiều thời gian phụ giúp công việc của bốn sư. Có một buổi sáng nọ, sau khi lễ bái Tam bảo vãn tắt, tôi đã cùng thầy đi bách bộ thể dục dọc theo đường làng. Lúc ấy thầy tôi đã bước vào tuổi tám mươi! Trở về phòng nghỉ để lấy lại sức sau đó Ngài tiếp tục đi vòng qua các ngôi làng lân cận.

Tôi để ý, nằm giữa những ngôi làng, là một ngôi thánh đường khá lớn, rất cổ kính, thuộc Giáo hội La Mã có thể đã xây dựng khoảng gần một nghìn năm. Vào một buổi sáng thứ Bảy nọ, khi trời còn tờ mờ tối, tiếng chuông nhà thờ đổ, vang lên inh ỏi, gần cả một giờ đồng hồ. Đến khoảng 10 giờ chỉ có một ít cụ bà và cụ ông lớn tuổi từ từ đến nhà thờ. Tất cả khoảng chưa tới hai mươi người! Trong lúc tại ngôi làng này có đến khoảng 100 ngôi nhà. Tôi lần bước theo họ đi vào nhà thờ và ngồi sau lưng họ lắng nghe vị linh mục giảng đạo. Tôi chăm chú theo dõi



từng lời giảng. Khi xong thời giảng vị linh mục đến gặp tôi và hỏi:

Xin chào, cụ từ đâu đến?

- "Thưa, tôi từ Miến Điện đến."

Thì ra, cụ là người Miến Điện!

- "Vâng ạ!"

Sao người Miến lại vào đây và ăn mặc bằng váy thế này?

Biết vị linh mục này chưa bao giờ gặp nhà sư Phật giáo nên tôi giải thích cho ông biết tôi là một tu sĩ Phật giáo v.v... và sau đó hai người cùng nhau trò chuyện, trao đổi với nhau nhiều vấn đề khác, duy chỉ nhớ một câu hỏi do tôi đặt ra:

"Thưa linh mục, tôi nghe nhà thờ kéo chuông hầu như cả giờ đồng hồ, từ 9 giờ đến 10 giờ nhưng tại sao lại có quá ít con chiên đi lễ như vậy? Chỉ có ít quý cụ cao niên đi nhà thờ, trong số họ cũng chẳng thấy lớp trẻ; với gần 100 ngôi nhà trong làng thế thì ở đây không có các thanh thiếu niên nam nữ hay sao, thưa linh mục?"

Vị linh mục này nói: "Thưa Hòa thượng, hiện nay trong thế giới hiện đại, ở phương Tây, thế hệ trẻ đang có khuynh hướng từ bỏ Tôn giáo của họ."

Thì ra là vậy! Thế thì về phía Phật giáo, chúng ta cần phải làm gì để giáo dục cho thế hệ trẻ, con em của chúng ta, biết cách sống sao cho phù hợp với thực trạng tình hình và xu thế phát triển của xã hội chúng ta hiện nay để khỏi rơi vào bế tắc điển hình như về kinh nghiệm thực tế đầy ảm đạm của Tôn giáo bạn vừa nêu trên.●

() Trích tham luận của Hòa thượng TS Ashin Nyanissara Viện trưởng Học viện Phật giáo quốc tế Sitaṅga Myanmar đọc trong Hội thảo về việc thành lập Hiệp hội Quốc tế các trường Đại học Phật giáo tại Thái Lan.*





Tôi được tin bác Phạm Kim Khánh từ trần vào một ngày cuối tháng hai. Lòng tôi vô cùng xúc động dù tôi chưa đủ duyên lành thân cận với bác. Tôi chỉ biết bác qua những tác phẩm Phật giáo dịch thuật dưới một ngòi bút điêu luyện, chính xác, văn nghĩa cụ túc. Lần nghe tin cô bảy Vĩnh Phúc từ trần, tôi chỉ thấy buồn người thương tiếc một nữ cư sĩ bỏ hết cuộc đời để hộ Tăng, hộ Pháp nhưng vì tôi chưa hề quen biết cô, cũng chưa hề nghe đến tên cô nên không có một sự xúc động sâu xa như đối với sự ra đi của bác Phạm Kim Khánh. Cái tên Phạm Kim Khánh đã đến trong đầu tôi rất lâu, từ khoảng thập niên 60.

Vào thời đó, Ngài Narada bắt đầu có những chuyến hoằng Pháp thường xuyên tại Sài Gòn để truyền bá Phật giáo Nguyên thủy. Mỗi khi đến Việt Nam là Ngài trú ở chùa Xá Lợi hoặc chùa Kỳ Viên. Giới Phật tử Nam tông rất hoan hỷ mỗi khi Ngài sang Việt Nam. Lúc đó tôi nhớ nhóm Phật tử Kỳ Viên gồm các chị Phỉ, chị Hạnh, chị Mai, anh Đắc, anh Nhị, anh Tam v.v... hầu như không hề vắng mặt trong mỗi thời Pháp Ngài ban bố. Riêng tôi thì rất hoan hỷ khi nào Ngài trú tại chùa Xá Lợi. Có lẽ hạt giống Phật giáo đã có trong tôi từ vô lượng kiếp nên kiếp này tôi có nhân duyên đến với Phật giáo Nguyên thủy vào lúc tuổi còn rất nhỏ. Một cô nữ sinh lớp đệ tam (lớp 10 bây giờ) mới 13, 14 tuổi, sáng sủa thay vì theo các bạn ăn quà, nói dóc, tôi lại thích đi học sớm để xe trong sân trường rồi đi bộ qua chùa Xá Lợi, quanh quẩn bên Ngài Narada để dâng cho Ngài ly nước, lấy cho Ngài cái muỗng hay khi không có việc gì để phục vụ Ngài thì tôi lấy bài ra học. Buổi trưa tan trường tôi cũng ghé qua chùa kính viếng Ngài. Những ngày có thuyết pháp thì tôi cùng đi chùa với mẹ và ngoài hình ảnh tôn kính của Ngài Narada tôi luôn theo dõi người đàn ông trung niên dịch Pháp. Đó là bác Phạm Kim Khánh. Không hiểu sao hình ảnh gây ấn tượng nhất cho tôi là hình ảnh bác nghiêng đầu hỏi lại mỗi khi Ngài nói một từ bác không hiểu rõ. Khi được Ngài giải thích rõ từ ngữ, bác khẽ gật đầu và dịch lại bằng tiếng Việt cho thỉnh chúng nghe. Là một cô nữ sinh Gia Long vừa mới lớn, vốn tiếng Anh vẫn học từ trường và từ Hội Việt Mỹ chỉ vừa đủ để trao đổi những câu thông thường với Ngài Narada làm sao tôi dám có cao vọng sẽ góp phần vào việc dịch những lời Pháp ngữ thâm sâu của Ngài. Cho nên hình ảnh bác Phạm Kim Khánh lúc bấy giờ như lóng lánh hào quang trong mắt nhìn của tôi. Song song với hình ảnh cao quý của Ngài Narada, trong đầu tôi luôn có hình ảnh bác Phạm Kim Khánh, người đã ghi trong đầu tôi cái đẹp của một người dịch Pháp.

Khi bắt đầu tìm hiểu thêm về Phật Pháp, thỉnh thoảng tôi đọc vài đoạn trong quyển Đức Phật và Phật Pháp do dịch giả Phạm Kim Khánh dịch nhưng vẫn chưa thấy chân giá trị của quyển sách vàng mình đang đọc mà tri ân người đã dày công dịch thuật. Về sau càng hoan hỷ với những câu kinh thù diệu tôi mới thấy hết công đức của người đem đạo tâm của mình ra dịch từng trang kinh. Và mãi cho

CON ĐƯỜNG SUNANDA(*)

Abhi Jotika

đến khi tôi có nhân duyên bắt tay vào việc dịch thuật tôi mới hiểu hết cái khó khăn của người làm công việc dịch thuật. Thời của bác Phạm Kim Khánh chưa có nhiều tài liệu Phật Pháp hoặc tự điển online, thậm chí một quyển tự điển Anh-Việt đơn sơ cũng khó tìm nói gì đến tự điển Phật học bằng Anh ngữ, vậy mà bác làm hoàn hảo công việc chuyển tải Pháp mẫu đến người học Phật. Lúc đó bác khoảng ngoài bốn mươi.

Vì hoàn cảnh đất nước, ra đến nước ngoài bác vẫn tiếp tục công việc cao quý này. Sáu mươi tuổi bác vẫn dịch kinh. Bảy mươi tuổi bác vẫn dịch kinh. Bác dịch kinh sách của các vị Trưởng lão, thiền sư nổi tiếng người Thái, Miến Điện, Tích Lan v.v... Tám mươi tuổi bác vẫn dịch kinh và còn làm cả việc thu âm. Đến 92 tuổi bác mới chịu ngừng nghỉ. Con đường Bác bỏ hết một đời ra xây đắp, lót thảm, trải hoa cho những người học Phật, dù chưa hoàn tất nhưng nó đã đưa rất nhiều người đến gần bờ giác. Đi đâu, đến cõi nào, chúng ta cũng cần phải có một con đường. Những ai muốn thu ngắn con đường sanh tử luân hồi phải bước đi trên con đường Chánh mà đức Phật đã vạch ra và các đệ tử Phật đã vun bồi. Ông Cấp Cô Độc trải vàng để lót con đường đưa người về bên giác. Bồ Tát Sumedha đã đem thân mình làm đường cho đức Phật Nhiên Đăng bước qua. Cũng vậy, bác Phạm Kim Khánh đã dọn một con đường tên là con đường Sunanda để những ai tôn kính Phật, tôn kính giáo Pháp, tôn kính chư Tăng được bước đi trên đạo lộ giải thoát. Tôi cũng là người chấp chững bước đi trên con đường này nên khi nghe tin bác mất, tôi có tâm trao hồi vì mình đã không tự tạo duyên lành thân cận bậc hiền trí như bác.

Kính thưa bác

Với những dòng mực tâm này con xin kính lễ bác, người đã rực sáng trong tâm một cô bé học trò 14 tuổi, và vẫn còn chói sáng trong tâm một phụ nữ xấp xỉ lục tuần. Con không đủ duyên đưa Bác đến đài hỏa táng nhưng con nguyện sẽ trả ơn Bác, người đã đưa con đến gần đức Phật, đến gần giáo Pháp bằng cách hành trì những điều Phật dạy mà con học hỏi được qua những lời dịch thuật thù diệu của bác. ●

(*) Sunanda là Pháp danh của bác Phạm Kim Khánh

CHA TÔI

Kính tặng ngài Hòa thượng Thiện Tâm



Trần Thị Bích Vân

1. Lúc tôi học cấp 1, tôi thường mê đọc truyện, có tiền ăn sáng, tôi đem mua truyện hết và đọc nghiền ngẫm trong mọi lúc. Nhiều lúc mê đọc truyện, để nồi cơm trên bếp mà quên không châm lửa. Đến khi cha mẹ về dọn cơm ra. Bưng nồi cơm xuống còn nguyên nước và gạo. Tôi sợ xanh mặt. Nhưng cha tôi chỉ im lặng bảo: Tìm món khác ăn thay cơm.

Cha tôi biết ngay tại mê truyện, quên nấu cơm. Lứa tuổi tôi lúc đó, mọi đứa con gái khác thì chơi ô quan, nhảy dây v.v... Còn tôi mê truyện. Cha tôi nói: Đọc truyện nhiều sẽ học giỏi văn và hiểu biết nhiều. Đặc biệt không bao giờ la mắng tôi mỗi khi làm hư hoặc quên việc gì đó tại vì đọc truyện. Nhưng cha tôi có ý nguyên: Tôi phải học hành đến nơi đến chốn, phải có tấm bằng Đại học.

2. Lúc tôi học cấp 2, cha tôi đi làm xa, mọi việc nội trợ trong nhà, tôi gánh vác hết. Thỉnh thoảng viết thư về, thư nào cha tôi cũng nhắc nhở tôi phải học cho giỏi. Học giỏi sẽ có bằng cấp. Khi có bằng cấp sẽ có mọi thứ.

3. Lúc tôi học cấp 3, có bạn khác phái (cùng lớp, cùng trường) để ý. Bạn thường đón đường tôi mỗi lúc đi học hoặc về nhà. Trong trường bạn thường tìm cách để tiếp xúc với tôi. Lúc này tôi chảnh tốc nhiều hơn, hay soi gương hơn và hay cười một mình nhiều hơn. Cha tôi nắm vững thấy vậy thường nói: Con phải học có được bằng Đại học để cuộc sống của con sau này bớt khổ (lúc đó bằng Đại học là đích đến của việc học hành).

4. Lúc này tôi đã ở tuổi xế chiều, tôi đã quy y Tam bảo tại chùa Phổ Minh. Tôi đến chùa lạy Phật, ngồi thiền, đọc kinh và nghe giảng Pháp.

Tôi được ngài Hoà thượng dạy Pháp buổi sáng, buổi trưa, buổi tối và chiều chủ nhật hằng ngày.

Ngài như biết tôi có lòng tin Phật pháp nên thường dặn tôi: "Con ráng học kinh cho giỏi, cho tinh tấn nghe con."

Ngài nhắc nhở tôi hằng ngày. Có lần cả tuần lễ, không thấy Ngài điện thoại nhắc nhở tôi đi học. Tôi cứ nghĩ đã làm gì để Ngài phiền não, buổi học này tròn 1 tuần lễ, tôi quyết sẽ gặp Ngài sám hối. Không biết có phải chư thiên ở chùa Phổ Minh linh thiêng, hay Ngài nhìn thấy suy nghĩ của tôi mà nói: "Con cho biết số điện thoại, số của con Ngài không

còn." Tôi thở phào nhẹ nhõm, Ngài đọc được suy nghĩ của tôi.

Ai đến chùa nghe Pháp, Ngài đều đọc được hoàn cảnh của từng người và luôn giúp đỡ.

5. Trong đạo tràng, người đọc tiếng Pāli giỏi, Ngài khen, người hiểu Pháp nhiều Ngài khuyến khích, người thuộc Kinh nhiều Ngài biểu dương. Mọi người trong đạo tràng đồng tu, đồng học, dưới sự chỉ dạy của Ngài.

Có lần tôi mạnh dạn bạch Ngài rằng: "Con học kinh mà không đọc được tiếng Pāli như mọi người, con thấy mắc cỡ quá."

Ngài động viên tôi ráng học chăm chỉ siêng năng, Ngài dạy tiếng Pāli cho sẽ giỏi.

Ngài đi Phật sự, không quên căn dặn từng người trong đạo tràng phải tu tập thường xuyên, liên tục như có Ngài. Không được bỏ buổi nào dù chỉ một lần.

Ngoài đời còn nhiều cám dỗ, tôi thích nghe nhạc và ham đi chơi. Ngài như hiểu được tôi nên thường nói: "Cuộc đời nay rày mai khác, con ráng bỏ ống đi, mỗi ngày một chút cho sau này hết khổ."

Ngài như cha tôi, luôn mong muốn tôi hết khổ, mong tôi tinh tấn tu tập để hết vô minh và ái dục. Ngài đi Phật sự 3 ngày. Ở nhà tôi ráng đọc được bài ân đức Phật bằng tiếng Pāli, tuy còn ngọng nghịu chưa bằng bạn đạo nhưng đó là bước tiến rõ rệt nhất của tôi, đó là món quà mà tôi muốn tri ân cho Ngài cũng như cho cha tôi; lúc nào, và bao giờ cũng mong muốn tôi hết KHỔ. ●

Ngày 08 tháng 3 năm 2011

Những Phương thuốc dân gian rẻ tiền dễ kiếm

Đăng Lan

Dân tộc Trung Hoa, với hơn 5000 năm lịch sử bằng những loại cây cỏ thông dụng xung quanh, người Trung Hoa có thể “phát sinh” ra những loại dược phẩm phòng và chữa bệnh vô cùng công hiệu: đôi khi trong những trường hợp đặc biệt, chúng còn có tính năng và công dụng thậm chí cao hơn một số dược phẩm Tây y, nhưng lại rẻ tiền và dễ kiếm...

Những củ gừng thần diệu

Những củ gừng mà chúng ta thấy thường ngày ở bất cứ một cửa hàng rau quả hay tạp phẩm nào nếu nằm trong tay người Trung Hoa sẽ trở thành những phương thuốc thần diệu...

Bạn đau bao tử ư?

Chỉ cần dùng một muống cà phê nước gừng pha với 3/4 tách sữa và một ít đường ta có thể làm dịu cơn đau ngay. Nếu không có sữa bạn có thể dùng mật ong thay thế và không cần bỏ đường thêm. Sau đó uống từ từ. Kết quả sẽ đến không ngờ... Bài thuốc dân gian này cũng có thể sử dụng chống ói mửa.

Bạn chán ăn uống ư?

Bỏ một ít gừng và trần bì (vỏ cam, quýt) vào một tách trà và uống nóng.

Cảm lạnh?

Xắt 30 lát gừng, nấu với 300ml nước cho đến khi nước sắc lại còn 100ml. Xong bỏ một ít đường đen vào và đun cho đến khi đường tan đều. Uống từ từ rồi nằm yên trên giường một lát sau mồ hôi tươm ra và cơn cảm lạnh của bạn sẽ tan biến nhanh chóng.

Phồng tay chân?

Lấy nước gừng tươi pha với 500ml rượu đế trắng ngâm trong hai ngày. Sau đó bôi nhẹ lên da.

Còn rất nhiều căn bệnh nữa có thể chữa trị bằng những phương thuốc dân gian rất thần diệu.

Chữa trị bằng hành, tỏi...

Cũng như gừng, hành tỏi đối với nhiều người Trung Hoa là những phương thuốc dân gian rất thần diệu.

Bạn bị đau cổ, đau bụng ư?

Chỉ cần ăn vài tép tỏi với nước xì dầu là giảm ngay. Bài thuốc này cũng có thể giúp cho bạn lợi tiểu và giúp máu trong cơ thể bạn lưu thông tốt.

Bạn bị bò cạp cắn ư?

Dùng một tép tỏi lột vỏ, chà xát lên chỗ bị cắn sẽ giảm đau ngay.

Sử dụng tỏi cũng có thể ngăn chặn và phòng ngừa bệnh kiết lỵ.

Ở những vùng phía Bắc Trung Hoa, người ta cũng rất thường mang theo một củ tỏi khi đi xa. Trước khi uống nước ở một dòng sông hay một ngọn núi lạ, người ta xé một tép tỏi ra nhai như nhai kẹo Chewing gum, sau đó phun nó ra, rồi mới bắt đầu uống nước để tránh sốt rét.

Người dân Trung Hoa tin tưởng rằng tỏi sẽ giúp con người chống buồn phiền, và làm cho tinh thần hưng phấn.

Nếu bạn bị mất ngủ...

Có thể dùng hành củ để chữa trị. Lấy nước củ hành bỏ vào một ống nhỏ, và đem theo khi đi ngủ. Khi lên giường bạn để ống nước củ hành này phía dưới mũi để mùi hành xông vào mũi. Cứ để như vậy... 15 phút sau bạn sẽ chìm vào giấc điệp.

Những loại dược thảo khác...

Ngoài hành, tỏi, gừng người Trung Hoa còn sử dụng rất nhiều loại "thuốc" rẻ tiền khác để chữa trị những căn bệnh thông thường.

Chẳng hạn như bạn có thể dùng mật ong để chữa trị những căn bệnh như đau cổ họng, đau bao tử, viêm xoang, huyết áp cao, đau tim, đau gan và loét bao tử. Bài thuốc này rất dễ uống: bạn có thể rải mật ong lên ổ bánh mì nóng để ăn sáng hoặc pha với nước nóng uống mỗi buổi sáng.

Bạn bị mệt mỏi vì làm việc quá sức ư?

Pha một muống cà phê mật ong trong một ly nước ấm. Mỗi ngày uống ba lần (3 tiếng đồng hồ sau mỗi bữa cơm), và uống như vậy suốt một tuần lễ. Bạn sẽ lấy lại độ hưng phấn sức khỏe và tinh thần nhanh chóng...

Bạn bị táo bón ư?

Chỉ cần uống nước cốt nho tươi, hay ăn vài quả chuối chín khi bụng đói vào buổi sáng là có thể giải quyết "nỗi đau khổ" ngay. Nhưng ở đây nên lưu ý rằng, nếu bạn sơ ý không ăn chuối chín mà lại ăn chuối sống thì kết quả hoàn toàn ngược lại và khi đó thì "tiền mất tật mang"!

Nếu bạn tiểu nhật...

Chỉ cần nhai vài hạt dẻ tươi vào buổi sáng sớm và buổi chiều.

Bạn bị nhức một nửa đầu ư?

Chỉ cần uống vài ngụm trà bạc hà là sẽ dịu ngay.

Nếu bạn muốn cai rượu...

Hãy dùng đậu nành. Nấu đậu nành với nước và uống như nước giải khát. Hay cho đậu nành vào một trái dừa hấp cách thủy, rồi lấy nước cốt uống. Pha đường vào giấm, rồi đổ nước nóng vào, dùng nước này uống cũng là một phương thuốc giúp cai rượu rất tốt.

Nếu bạn muốn cai thuốc lá...

Bạn có thể dùng gừng và trần bì để pha trà và uống như nước giải khát: hoặc bạn có thể uống sữa đông pha với đường đen. Bằng phương pháp này, mùi thuốc sẽ làm cho bạn muốn nôn mửa và do đó bạn sẽ "tự giác" bỏ thuốc...

Những bài thuốc dân gian Trung Hoa trên, tuy rất dễ kiếm và rẻ tiền, nhưng lại có những công năng rất hiệu nghiệm... Chúng đã tồn tại suốt mấy ngàn năm nay mà không bị thời gian đào thải. Không phải là điều ngẫu nhiên. ●



LƯỢC SỬ CHÙA MUNIRENSÂ Y

HT. Đào Như



Ngày khánh thành ngôi chùa

Chùa Munirensây tọa lạc tại Trung tâm TP Cần Thơ⁽¹⁾ (nay là số 36 Đại lộ Hoà Bình) được khởi lập vào năm Tý (PL 2491- DL 1948).

Ngôi chùa này trong thời chiến tranh do quý vị sư sãi cùng đồng bào Phật tử Khmer tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long đóng góp tạo dựng.

Nơi đây, nền đất từng được sử dụng để làm nơi đổ rác. Lúc đầu, vật liệu xây dựng chùa chủ yếu là cây cau dùng làm cột, vách tre, mái lá tạm bợ. Vị trụ trì tiên khởi được cung thỉnh về đây là lục Kru Sok, nhưng chỉ được một năm. Đến mùa kiết hạ năm thứ hai thì thỉnh được lục Kru Nư làm trụ trì. Vị này đã cùng Ban Hộ tự chùa vận động đồng bào Phật tử xây dựng tiếp ngôi sala 03 căn liền kề bằng cột cây, vách lá. Cùng trong thời điểm này có ngài Hòa thượng Thạch Khiêng, trụ trì chùa PôThiSômRôn huyện Ô Môn nguyên là Preas Anukon thời Hòa thượng Kiên Meach (1957-1969), sau đó là Preas Mêkon tỉnh hội Phong Dinh (1969-1975), sau giải phóng là cố vấn Hội đoàn kết Sư sãi yêu nước tỉnh, Ủy viên UBMTTQ tỉnh Hậu Giang (1977-1988) cùng với lục Achar Kim Kân và quý ông Lý Hoa, Lý Khút, Lý Huynh và Danh Sên là Ban Hộ tự góp phần giúp đỡ việc xây dựng và đồng tâm nhất trí đặt tên chùa là Munirensây (MUNIRENSĪ).

1. Tỉnh Cần Thơ thời năm 1948 vị trí qua bên kia sông Hậu gồm huyện Bình Minh, Tam Bình, Trà Ôn của tỉnh Vĩnh Long và huyện Cầu Kè của tỉnh Trà Vinh.

Bước đầu hình thành ngôi chùa tương đối khang trang, vào năm 1953-1954, xảy ra việc tranh chấp với chủ đất. Tuy nhiên, nhờ ông Thạch Kên, quê ở xã Hàm Giang, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, là viên chức làm việc ở toà án tỉnh Cần Thơ can thiệp về mặt pháp lý, giúp đỡ thủ tục đất đai... Còn phía quý vị sư trụ trì, Ban Hộ tự và đồng bào Phật tử chung lòng với nhau người dầm ba tấc đất đến vài mét để trả tiền đất (thời giá đất lúc bấy giờ là 100 đồng/1 m², diện tích mua được là 1507m²).

Hiện tại, Chùa Munirensây được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00009 vào ngày 24 tháng 3 năm 2003 là 1507m², 30

Khi đã có đầy đủ thủ tục pháp lý về đất đai vào năm 1955-1956, chùa bắt đầu xây dựng nhà Trai đường, một trệt, một lầu, năm gian, chất liệu bằng bê tông cốt thép và xây dựng thêm 02 phòng tăng xá dành cho chư Tăng và sinh viên, học sinh là con em đồng bào dân tộc Khmer các tỉnh đến trú ngụ để đi học ở trường Trung học Phan Thanh Giản (thời điểm ấy chỉ có trường trung học)⁽²⁾ và tiếp theo sau là các trường Trung học, Cao đẳng nghề, Đại học, ngoại ngữ, tin học v.v... Trong số đó, có thể kể đến là vị Đại đức Maha Thạch Preach, nguyên là tăng sinh trường Cao cấp Pālī – Campuchia và là sinh viên trường Trung học Phan Thanh Giản, năm 1957 là trụ trì, có công trong việc xây dựng trai đường. Sau đó, Đại đức trở về chùa ở tỉnh Trà Vinh.

Năm 1960, Ngài hoà thượng Thạch Chương, ở chùa Veluvanna, xã Phong Phú, huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh được tập thể Ban Hộ tự chùa Munirensây thỉnh Ngài về đây làm trụ trì.

Với tinh thần trách nhiệm cao, Ngài cùng chư tăng và Ban Hộ tự, với sự trợ duyên của Hoà thượng Thạch Khiêng thống nhất tổ chức lễ đặt đá khởi công xây dựng chánh điện vào năm 1964. Thời điểm này,

2. Theo lịch sử chùa Munirensây do ngài Maha Thạch Preach, nguyên là tăng sinh cao cấp Pālī năm 1957 là học sinh trường Trung học Phan Thanh Giản.

chùa Munirensây càng thể hiện rõ vai trò Trung tâm, đồng thời là nơi hội tụ, dừng chân tá túc của đồng bào Khmer các tỉnh khi lỡ đường, là nơi thăm viếng, hỏi han thân thuộc, con cháu đi học hành, nằm viện và các việc hữu sự khác. Mặt khác, cũng là nơi trú ngụ tu học của chư tăng ngày một đông hơn, có năm lên đến 120 vị tại đây để học ở các trường Đại học, Trung học, Cao đẳng nghề, Tin học, ngoại ngữ v.v... chưa kể đến phần lớn học sinh, sinh viên là dân tộc Khmer cũng đã tá túc nơi đây để đi học. Cùng với chính sách đào tạo nhân tài, bồi dưỡng nhân lực của Nhà nước một số vị sư đã thành đạt, có người là Tiến sĩ, Thạc sĩ, Kỹ sư, Bác sĩ, cán bộ trong các cơ quan Nhà nước ở các lĩnh vực, các ngành, các cấp.

Về phía chư Tăng, tiêu biểu là Hòa thượng Danh Nhưỡng, (hiện là Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh kiêm Giám luật Giáo hội Phật giáo Việt Nam). Ngài đã từng ở đây từ giai đoạn 1969 – 1974, sau đó tham gia lãnh đạo các cuộc biểu tình ở tỉnh Kiên Giang (đã có 04 vị sư hy sinh và được truy phong liệt sĩ), sư sãi chùa Munirensây cũng tham gia nhiều cuộc biểu tình chống bắt lính, đôn quân, đòi chính quyền Sài Gòn tôn trọng quyền sinh hoạt tín ngưỡng, Tôn giáo, đòi dân chủ, nhân quyền, dân sinh, đòi độc lập thống nhất cho Tổ quốc Việt Nam.

Ngoài ra, đã có nhiều vị hoàn tục là sinh viên trường Đại học Cần Thơ từng lưu trú nơi đây và đã thành đạt, giữ các chức vụ quan trọng như ông Sơn Phước Hoan hiện là Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Chính phủ nước CHXHCNVN, ông Dương Mỗ (Đuông RATANA) là cố vấn của Ngài Hunsen - Thủ tướng Campuchia và nhiều vị khác.

Đến ngày đại thắng mùa xuân 30-4-1975, giải phóng miền Nam, cả nước độc lập, thống nhất, chùa Munirensây vinh dự đón tiếp các Ngài như Hòa thượng Thạch Xom nguyên Chủ tịch Hội đoàn kết Sư sãi yêu nước khu Tây Nam Bộ, cụ Maha Huỳnh Cương (nguyên cố vấn Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam), nguyên Chủ tịch Mặt trận



HT. Đào Như chụp hình lưu niệm tại chánh điện chùa

Dân tộc Giải phóng khu Nam Bộ, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội nước CHXHCNVN, cụ Maha Sơn Thông nguyên Phó Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng khu Tây Nam Bộ, cụ Thạch Voi v.v...

Năm 1993, sau khi tách tỉnh Hậu Giang thành 2 tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng, chùa Munirensây được chọn làm nơi trụ sở Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước tỉnh Cần Thơ, Hòa Thượng Thạch Chương trụ trì chùa được bầu làm cố vấn, Hòa Thượng Đào Như làm Hội trưởng (1993 - 2003). Từ 2004 đến nay, vẫn là trụ sở của Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước thành phố Cần Thơ.

Đầu năm 2005 do tuổi già sức yếu, Hòa thượng Thạch Chương lâm bệnh, chúng tôi là học trò, Ban Hộ tự chùa cùng với thân bằng quyến thuộc của Ngài cố gắng chăm sóc và đưa vào bệnh viện Đa khoa Cần Thơ được y, bác sĩ hết lòng tận tâm trị bệnh trong thời gian khá dài, đến ngày 14 tháng 4 âm năm 2005 (PL 2549) Hòa thượng thu thần viên tịch trụ thế 86 năm và 65 hạ lạc.

Xin nhấn mạnh trước khi Ngài viên tịch thường hoài bảo chúng tôi là học trò tinh tấn trong việc giữ gìn những gì ông cha để lại nhất là ngôi chùa. Lời hoài bảo đó là động lực cho bậc hậu học chúng tôi cố gắng thực hiện bằng cách xin phép xây dựng chánh điện mới y như chánh điện cũ để giữ gìn những ý nguyện của Ngài nhằm đảm bảo tính bền vững lâu dài.

- Chánh điện cấp phép ngày 01-4-2010.

- Khởi công xây dựng ngày 19-5-2010.

- Xuống móng bê tông xây dựng ngày 26-7-2010.

- Kết thúc và khánh thành kiết giới Sâyma ngày 30, 31 tháng 3 và ngày 01 tháng 4 năm 2011 nhằm ngày 26, 27 và 28 tháng 2 năm Tân Mão PL. 2554. ●



Những cũi đá dùng để kiết giới

Phụ chú: Chùa Munirensây từng làm trụ sở MêKôn tỉnh hội do Ngài Hòa thượng Kiên Meach làm MÊKON (1957 – 1969).

Lời đầu tiên thay mặt Công ty Luật Thiện Việt, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý Thầy, cảm ơn BBT, qua Tạp chí Phật Giáo Nguyên thủy, công ty luật Thiện Việt chúng tôi sẽ chọn và gửi đăng một số câu hỏi của các Tăng ni sinh gửi về, hỏi về lĩnh vực pháp luật để độc giả được biết và hiểu thêm về các quy định của Nhà nước.

Cảm ơn tất cả những câu hỏi chia sẻ, bản khoản vướng mắc của Tăng Ni sinh. Mong rằng trường mục giải đáp thắc mắc về pháp luật của Quý Tăng Ni sinh ngày càng hay hơn. Xin chúc tất cả các quý Tăng Ni sinh viên mãn.

Tìm hiểu luật Thừa Kế

Câu hỏi 1: Năm 2009 bản án tuyên vợ chồng ông A phải trả nợ cho gia đình tôi 300 triệu đồng, nhưng họ chỉ mới thi hành được một nửa thì không còn tài sản. Nay vợ chồng ông B được thừa kế một phần đất nhưng họ từ chối nhận để không phải trả nợ cho gia đình tôi. Việc từ chối này có đúng không? Xin luật sư (LS) hoan hỉ giải đáp giúp.

(Ni sinh - Thích Diệu An)

LS. Dũng: Về lĩnh vực thừa kế quy định tại khoản 1 Điều 624 Bộ luật Dân sự năm 2005, người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản, trừ trường hợp việc từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác.

Như vậy vợ chồng ông B, không có quyền từ chối nhận di sản với mục đích khỏi phải trả nợ cho gia đình của Ni cô Diệu An.

Câu hỏi 2: Ông nội tôi có 6 người con (3 trai, 3 gái), bố tôi và chú út chết. Hiện nay chú hai đang ở mảnh đất do ông bà nội tôi đã để lại, bác gái và 2 cô đã đi lấy chồng. Ông nội tôi mất năm 1996, không biết có di chúc hay không. Năm 1997, chú hai đã đi làm sổ đỏ đất với diện tích 2200 m², đứng tên chú, không có xác nhận và ý kiến của các thành viên trong gia đình. Đến nay, tôi xin một phần đất để xây tịnh thất thờ cúng ông bà tổ tiên, thì chú hai chỉ cho 140 m² trên diện tích 2200 m² và bắt tôi phải bồi thường 4 gian nhà trọ cho học sinh thuê và 3 gian nhà bếp (nằm trên phần đất chia cho tôi) với định mức xây dựng của nhà nước. Sau đó, 2 cô tôi đến gặp chú để xin 1 ít đất sử dụng, mục đích chính là sau này cho tôi làm tịnh thất được khang trang,

rộng rãi. Nhưng chú tôi không cho. Trong trường hợp này, pháp luật sẽ giải quyết cho 2 cô của tôi và tôi như thế nào? (diện tích đất được hưởng là bao nhiêu, đền bù có đúng không)

(Tăng sinh - Thích Tâm Huy)

LS. Mai: Do Tăng sinh không biết là có di chúc hay không nên luật sư trả lời như sau:

- Nếu có di chúc hợp pháp và trong nội dung di chúc đã ghi rõ cho chú hai toàn bộ mảnh đất thì tăng sinh và các cô sẽ không có quyền gì với mảnh đất đó.

- Nếu không có di chúc, di chúc không hợp pháp hoặc có di chúc hợp pháp nhưng trong di chúc lại không nhắc đến tên người đương nhiên được hưởng (như: con chưa thành niên, người mất sức lao động, v.v...) thì Tăng sinh có quyền thừa kế di sản đó.

Tuy nhiên, căn cứ vào Điều 645 BLDS thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế là 10 năm kể từ ngày mở thừa kế. Như vậy, Tăng sinh đã mất quyền khởi kiện chia thừa kế, bởi vì ông của Tăng sinh mất từ năm 1996 đến nay đã là 15 năm.

Nhưng theo Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán tòa tối cao thì Tăng sinh không có quyền khởi kiện chia thừa kế được nữa mà có quyền yêu cầu chia tài sản chung. Khi đó pháp luật sẽ chia cho các đồng sở hữu (ở đây là người được thừa kế) trên cơ sở chia tài sản chung, thì chia theo phần bằng nhau. ●

HT. DANH NHƯỞNG Đón Nhận Tước Hiệu “TỐI THƯỢNG ĐẠI PHÁP SƯ”

PV PGNT



HT. Danh Nguong
Phó Pháp chủ kiêm giám luật HĐCM

Vào lúc 9 giờ ngày 22 tháng 3 năm 2011, tại chùa Chăngtarangsây, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh đã long trọng tổ chức lễ đón nhận tước hiệu “Tối thượng Đại Pháp sư” do Chính phủ Miến Điện (Myanmar) trao tặng cho Hòa thượng Danh Nguong – Phó Pháp chủ HĐCM GHPGVN, Viện trưởng Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại Tp. Cần Thơ, đồng thời trong dịp này chư đệ tử của Hòa thượng cũng tổ chức lễ mừng thọ Hòa thượng tròn 83 tuổi.

7ham dự buổi lễ có Hòa thượng Thích Giác Toàn – Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, Trưởng Ban Kinh tế Tài chánh TW, Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; HT. Đào Như – Ủy viên Thư ký HĐTS; Thượng tọa Thích Thiện Thống – Ủy viên Thư ký HĐTS, Phó Văn phòng 2 TWGH; Thượng tọa Tăng Định – Ủy viên Ban Nghi Lễ TW, Trụ trì chùa Kỳ Viên, Tp. HCM, Đại đức Thiện Hạnh – Ủy viên HĐTS. GHPGVN, Trụ trì chùa Nam Tông, Đại Đức Thiện Minh Ủy viên HĐTS, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Phật Giáo Nguyên thủy và chư Tôn giáo phẩm HĐTS hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer tại đồng bằng sông Cửu Long, các thành viên Hội đồng Điều hành Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại Tp. Cần Thơ và đông đảo Phật tử Khmer sinh sống, làm việc tại Tp. Hồ Chí Minh tham dự.

Buổi lễ hân hạnh đón tiếp ông Phạm Đức Hiền – Đại diện Ban Tôn giáo Dân tộc Tp. Hồ Chí Minh; ông Hoàng Liên Sơn – Phó Phân xã Thông tấn xã Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh. Được biết, mỗi năm nhằm tôn vinh những đóng góp cao quý của chư Tôn giáo phẩm Phật giáo Nguyên thủy các nước trong sự nghiệp hoằng dương chánh pháp, công tác giáo dục đào tạo Tăng tín đồ Phật giáo Nguyên thủy, Chính phủ Myanmar phong tặng Tước hiệu Cao quý cho chư Tôn giáo phẩm Phật giáo về hoằng Pháp (Saddhamma Jotikadhaja) và Trí tuệ (Pandita) cho các nước Phật giáo trên thế giới.

Thông qua Đại sứ quán Myanmar ở Việt Nam,

Hòa thượng Thích Thiện Tâm – Ủy viên Thường trực HĐTS, Phó ban Phật giáo Quốc tế TW đề cử đến Giáo hội Phật giáo Việt Nam để giới thiệu 9 vị chư Tăng và 1 Tu nữ, những vị đó là: Hòa thượng Dương Nhơn, Hòa thượng Danh Nguong, Hòa thượng Đào Như, Hòa thượng Thiện Tâm, Thượng tọa Bửu Chánh, Thượng tọa Pháp Cao, Thượng tọa Danh Lung, Đại đức Thiện Minh và Tu nữ Siêu Pháp, tuy nhiên Ban tổ chức chỉ chọn tiêu biểu 2 vị, các vị còn lại chờ sang năm. Hai vị được tuyển chọn năm nay, đó là Hòa thượng Danh Nguong – Phó Pháp chủ HĐCM, Viện trưởng Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại Tp. Cần Thơ; Hòa thượng Thích Thiện Tâm – Ủy viên thường trực HĐTS, Phó ban Phật giáo Quốc tế, Tổng Biên tập Tạp chí Phật Giáo Nguyên thủy đón nhận danh hiệu cao quý. Hòa thượng Danh Nguong nhận tước hiệu Agga Maha Saddhamma Jotikadhaja “Tối thượng Đại Pháp sư”; Hòa thượng Thiện Tâm nhận tước hiệu Maha Saddhamma Jotikadhaja “Đại Pháp sư”. Đồng thời trong buổi lễ, Ban tổ chức còn trao Tước hiệu Cao quý Agga Maha Pandita “Tối thượng Đại Trí thức” cho Hòa thượng Hộ Pháp, người có công đức trong việc phiên dịch kinh điển Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam, vì Hòa thượng trước đây cũng từng tu học tại Miến Điện. Lễ trao tặng Tước hiệu “Pháp sư và Trí thức” được chính thức tổ chức tại Trụ sở Hội đồng Tăng già Myanmar vào ngày 19 tháng 3 năm 2011.

Để tỏ lòng biết ơn, một vị Cao tăng thạc đức Phật giáo Nam tông Khmer, Hội đồng Điều hành Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại Tp. Cần Thơ, Tăng tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer và chư Tăng chùa Chantaransey Q.3 tổ chức lễ mừng Hòa thượng Danh Nguong nhận Tước hiệu Cao quý và tổ chức mừng thượng thọ Hòa thượng tròn 83 tuổi. ●

Tưởng niệm Giáo sư Trần Phương Lan

Hay tin Giáo sư Phương Lan ra đi, chư Tăng sinh Nam Tông vô cùng thương tiếc trước sự vĩnh biệt ngàn thu của giáo sư. Sinh tiền, từ khóa I đến khóa VIII, Giáo sư là người phụ trách giảng dạy Anh văn Phật Pháp cho các Sinh viên Phật học. Nhờ vậy, Tăng Ni ngày nay có được kiến thức cơ bản Phật pháp bằng Anh Ngữ.

Để tỏ lòng biết ơn một bậc thầy vĩ đại, chiều ngày 23 tháng 3 năm 2011, Tăng sinh Phật giáo Nguyên thủy do Đại đức Thiện Minh - Phó Tổng Biên tập Tạp chí Phật Giáo Nguyên thủy làm Trưởng đoàn, Đại đức Pháp Nhiên - Trụ trì chùa Siêu Lý làm Phó đoàn đến chùa Huỳnh Kim, Q. Gò Vấp phúng điệu chia buồn cùng gia đình của Giáo sư.

Giáo sư Phương Lan là người vừa giảng dạy Anh văn Phật pháp, vừa là dịch giả kinh điển Nguyên thủy Pāli. Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy xin trích đăng đôi dòng về cuộc đời và sự nghiệp giáo dục của Giáo sư để tưởng niệm đến công đức của người đã khuất.

PV PGNT

Giáo sư Trần Phương Lan sinh ngày 17-7-1941 tại Thừa Thiên Huế trong một gia đình có truyền thống học thuật. Thân phụ của giáo sư thông thạo Pháp ngữ và đã từng là Ngự Tiễn Văn Phòng dưới triều vua Bảo Đại. Thừa hưởng tài năng và truyền thống hiếu học của gia đình; giáo sư Trần Phương Lan sinh thời đã bộc lộ rõ khả năng bẩm sinh của mình về lãnh vực nghiên cứu và dịch thuật.

Năm 1960, giáo sư Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Huế chuyên ngành Anh văn. Sau đó giáo sư tham gia giảng dạy sinh ngữ này tại các trường Đồng Khánh - Huế, Trần Quý Cáp - Hội An, Sương Nguyệt Anh và Marri Curie - Sài Gòn...chính trong quá trình giảng dạy và công tác giáo sư đã được tiếp xúc với giáo lý của đạo Phật và cảm mến đặc biệt với những lời dạy của đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Sẵn có thiện căn lại được tiếp xúc với giáo lý Phật giáo năm 1985, giáo sư phát tâm quy y và thọ trì Tam quy - Ngũ giới với Đại lão HT. Thích Minh Châu, nguyên là Viện trưởng HVPGVN tại TP.HCM.

Bốn năm sau đó, giáo sư được mời tham gia giảng dạy môn Anh văn tại HV PGVN-TP.HCM. Cũng trong thời gian này giáo sư được Hòa thượng bốn sư giao phó trọng trách đặc biệt là phiên dịch kinh điển ra tiếng Việt như: Kinh Bốn Sanh (Những chuyện tiền thân của Đức Phật) từ quyển 6 đến quyển 10, tác phẩm này



Cố Giáo sư Trần Phương Lan

đã được Hội Pali Text Society ấn hành. Ngoài ra, giáo sư còn phiên dịch cuốn "The Historical Buddha" (Đức Phật lịch sử) của tác giả H.W Schuman và biên soạn các sách giáo khoa về Phật pháp bằng tiếng Anh, như: Buddhism through English Reading (3 quyển), Sangha Talk, v.v... Trong bất cứ cương vị nào giáo sư cũng đều thể hiện công việc của mình một cách đầy trách nhiệm và nghiêm túc.

Năm 2009, giáo sư được Hội đồng Điều hành HVPGVN tại TP.HCM đề cử làm Phó khoa Anh văn Phật Pháp (khóa VIII). Trong thời gian này giáo sư đã hoàn thành được quyển I, cuốn sách "Đức Phật Gotama". Cuốn sách vừa được xuất bản cuối năm 2010. ●

Cần Thơ: Lễ Khánh thành và Kiết giới xây ma chánh điện chùa Munirensây

Tin ảnh: Trần Khánh Linh



Chư Tôn giáo phẩm và đại diện chánh quyền cắt băng khánh thành

Ngày 30-3-2011, Ban Trị sự Phật giáo TP. Cần Thơ long trọng tổ chức Lễ Khánh thành chánh điện chùa Munirensây, tọa lạc tại số 36 đại lộ Hòa Bình, phường An Cư, quận Ninh Kiều, Trung tâm thành phố Cần Thơ. Nơi đây cũng là trụ sở của Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước thành phố Cần Thơ.

Nhờ sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, các Ban Ngành và sự hoan hỷ cúng dường của Phật tử gần xa, ngày 19-5-2010 chánh điện chùa Munirensây được khởi công xây dựng kiên cố gồm một trệt, hai lầu, tổng diện tích xây dựng 477 m² do kiến trúc sư Trần Trí Thông thiết kế và thi công. Chánh điện xây dựng mới vẫn giữ nguyên lối kiến trúc chùa tháp của đồng bào Khmer. Nghệ nhân Thạch Ngọc Giàu ở chùa Pôthisomrôn phục

chế hoa văn đầu rồng, đỉnh tháp, cánh én, đầu cột, các mái hàng ba, hành lang, vòng chân đế quanh chánh điện. Tổng giá trị đầu tư xây dựng và phục chế 3 tỷ 272 triệu đồng.

Chùa Munirensây từ lâu đã trở thành địa điểm cho khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan và là nơi ở cho khoảng 100 sinh viên, học sinh các tỉnh, thành vùng ĐBSCL mỗi kỳ thi đại học, cao đẳng hằng năm. Việc xây dựng lại chánh điện khang trang, kiên cố nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Khmer, nơi duy trì tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán tốt đẹp của đồng bào Khmer cũng như Phật tử Khmer theo hệ phái Nam tông. Chánh điện cũng là nơi giữ gìn xương cốt, tâm linh của những Phật tử cũng như đồng bào Khmer khi qua đời.

Chùa Munirensây được xây dựng năm 1948 do Phật tử, chư tăng Phật giáo Nam tông Cần Thơ và các tỉnh ĐBSCL đóng góp tạo dựng. Đến nay, chùa trải qua 4 đời trụ trì. Chánh điện cũ được khởi công xây dựng cách đây 47 năm (năm 1964) gồm một trệt, một lầu, có tháp nhọn, hoa văn theo lối kiến trúc Khmer đã xuống cấp trầm trọng trước khi được xây dựng phục chế lại. ●



Chụp hình lưu niệm



HT Đào Như nhận hoa chúc mừng

DANH SÁCH ỦNG HỘ TẬP CHÍ PGNT SỐ 7

01	Đỗ Thị Loan	100 quyển
02	Nguyễn Thị Mộng Lý	100 quyển
03	Mạch Tuyết Vũ Quang	25 quyển
04	Trần Thị Tùng	40 quyển
05	Trần Thị Như Thùy	25 quyển
06	Nguyễn Văn Sinh	25 quyển
07	Như Tâm	10 quyển
08	Ngô Anh Dũng	10 quyển
09	Diệu Châu	20 quyển
10	Võ Thị Kim (PD. Hạnh Ngọc)	30 quyển
11	Chu Thị Ngọc Thịnh	11 quyển
12	Huỳnh Thị Minh Tuyết	11 quyển
13	Minh Thông - Ngọc Hương	10 quyển
14	Trần Gia Phú (PD. Minh Huệ)	07 quyển
15	Nguyễn Lê Hoàng Yến	01 quyển
16	Lê Thị Hải - Châu Ngọc	13 quyển
17	Lê Nguyễn Hải Yến (PD. Tâm Hiền)	20 quyển
18	Lê Quốc Đạt (PD. Hạnh Minh)	50 quyển
19	Lê Nguyễn Hải My	10 quyển
20	Đặng Đức Tiệp	20 quyển
21	Phạm Hùng Anh	33 quyển
22	Trần Thị Hoan	10 quyển
23	Ngô Thị Tuyến	10 quyển
24	Trần Chí Cường	11 quyển
25	Nguyễn Đạt - Mi Mi	17 quyển
26	Tạ Văn Hùng	11 quyển
27	Sư Giác Khoan - PV Thánh Sơn	100 quyển
28	Bùi Nữ Thực Vy	60 quyển
29	Bùi Nữ Diễm Mi	60 quyển
30	Lê Ngọc Thiên An	50 quyển

31	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
32	Bùi Nữ Anh Thy	50 quyển
33	Huỳnh Thị Mẫn	33 quyển
34	Văng Phi Nga - Hà Thế Hưng	133 quyển
35	GĐ Hiền Khánh (Hoa Huệ)	133 quyển
36	Minh Đức	20 quyển
37	Đặng Kim Liên	13 quyển
38	Trần Thị Phết	30 quyển
39	Phan Thị Thoa	66 quyển
40	Bé Đăng Khoa	20 quyển
41	Chu Kim Thạch (PD. Thiện Pháp)	10 quyển
42	GĐ Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
43	TN Diệu Liên	04 quyển
44	GĐ Phạm Minh Hùng	10 quyển
45	Đỗ Đình Ngử (USA)	10 quyển
46	Nguyễn Thị Chính	10 quyển
47	GĐ Mười Trang	10 quyển
48	GĐ Oanh - Quyên	50 quyển
49	Bé Quang Văn Phong	10 quyển



DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

THIÊN BÁCH

ĐẠI LÝ VÉ MÁY BAY

NỘI ĐỊA & QUỐC TẾ

626 Hoàng Văn Thụ - P.4 - Q. Tân Bình - TP.HCM

ĐT: 08. 38114252

Hotline: 0903.717 697 - 0903. 60 66 26 - 0906. 68 44 68

CHÙM ẢNH PHẬT SỰ

PV PGNT



Lễ cung đón Ngài Phó Tăng thống Sri Lanka tại sân bay Tân Sơn Nhất



và tại khách sạn Sheraton nơi Ngài nghỉ trong chuyến viếng thăm Việt Nam



Chụp hình lưu niệm tại khách sạn



Cung nghinh chư Tôn giáo phẩm quang lâm lễ đài lễ khai mạc "Hội thảo Hoằng pháp Bình Dương - 2011"



TT. Thích Bảo Nghiêm phát biểu tại buổi lễ



Lễ đài lễ khai mạc "Hội thảo Hoằng pháp toàn quốc 2011"



Chư tôn đức Tăng trong lễ khởi công xây dựng chánh điện chùa Thanh Phước - TX Bình Long ngày 20-3-2011



Chư tăng đi vòng quanh nơi xây dựng chánh điện



Mô hình chùa Thanh Phước - TX Bình Long



Toàn cảnh buổi trao tước hiệu cho HT Danh Nhưỡng và HT Thiện Tâm tại Myanmar



TT. Bửu Chánh và chư Tôn giáo phẩm trong buổi lễ bổ nhiệm trụ trì chùa Hoa Lâm tỉnh Đắklak



HT. Thiện Tâm lên nhận tước hiệu



TT. Bửu Chánh Phó Tổng Biên tập thuyết pháp tại chùa Hoa Lâm - Đắklak nhân lễ bổ nhiệm trụ trì ngày 23-3-2011



HT Thiện Tâm và Quốc Trưởng Myanmar



Nhạc cụ truyền thống của dân tộc



Buổi lễ chúc thọ và chúc mừng HT. Danh Nhưỡng đón nhận tước hiệu cao quý tại chùa Chadarangsay - Q.3



HT. Danh Nhưỡng (bìa phải) và HT. Thích Giác Toàn trong buổi lễ chúc mừng



HT. Danh Nhưỡng và HT. Thiện Tâm chụp hình lưu niệm với HT. Nandamala và Tăng sinh Việt Nam tại Myanmar



Chư Tôn Thượng tọa chứng minh 2 trong buổi lễ khánh thành và kiết giới sima chùa Munirensây



Chư Tăng các chùa về tham dự lễ



Các Tôn giáo bạn cũng được mời đến tham dự lễ



Chư Tôn Giáo phẩm cắt băng khánh thành



Và vào niệm hương tại ngôi chánh điện mới



Lễ rước ngọc Xá Lợi về chùa Hoa Lâm tỉnh Đắklak do TT Bửu Chánh Phó Tổng biên tập hiến tặng



Đoàn xe tham gia rước ngọc Xá Lợi về chùa Hoa Lâm tỉnh Đắk Lắk



Đốt đèn cầu nguyện cho các nạn nhân tại Thiền viện Phước Sơn



Công nhân giấy Thái Bình tổ chức lễ cầu siêu cho các nạn nhân Nhật Bản tại chùa Bửu Quang Q. Thủ Đức



Văn phòng 2 GHPGVN tiếp phái đoàn Phật giáo người Hoa



Lễ quy y Tam bảo của công nhân giấy Thái Bình tại chùa Bửu Quang Q. Thủ Đức



Trao tặng quà lưu niệm



Chụp hình lưu niệm